

Kiến Nguyệt Lão Nhơn tự thuật
Thích Pháp Chánh dịch Hán Việt

Nhất Mộng Mạn Ngôn

(Kiến Nguyệt Luật Sư Tự Truyền)



Phật lịch 2547 - TL 2004

Nhất Mộng Mạn Ngôn

(Truyện Kiến Nguyệt Luật Sư)

Năm tôi bảy mươi ba tuổi, vào đời vua Khang Hy, mùa đông năm Giáp Dần (T.L. 1674), các vị A xà lê Ly Ngôn, ..., cùng các vị chấp sự trong chùa Bảo Hoa, đến phương trượng đánh lễ, thỉnh cầu tôi thuật lại quang đời hành cước tâm sư học đạo của mình, để khuyến khích những thế hệ tương lai. Thế theo lời thỉnh cầu này, tôi đã cầm bút thuật lại quang đời tâm sư học đạo mà tôi đã gian khổ trải qua. Đây là những lời thành thực xuất phát từ đáy lòng, tuyệt đối không có sự thêm thắt.



Tôi là con nhà họ Hứa, ở phủ Sở Hoành, tỉnh Vân Nam. Năm mười bốn tuổi, lúc hai đứa em trai còn thơ ấu, thì chẳng may cha mẹ chúng tôi lần lượt qua đời. Chúng tôi vô cùng đau buồn vì đã mất nơi nương tựa. Cũng may, ông bác tôi tuổi đã già mà lại không con, thương xót mấy đứa cháu mồ côi, bèn đem chúng tôi về nuôi nấng dạy bảo. Tôi có tài hội họa, có lần đã vẽ một bức tượng của Đại Sĩ Quán

Âm, mọi người xem qua đều trầm trồ khen ngợi, cho rằng tôi là "tiểu Ngô Đạo Tử". Tính tôi hay thích đi du ngoạn, nghe có nơi danh lam thắng cảnh nào cũng đều muốn tìm đến, hai chân hình như không chịu dừng bước.

Năm hai mươi lăm tuổi, đời Thiên Khải năm thứ sáu (TL 1626), nghe nói vùng đất ở giữa phủ Đại Lý và châu Bắc Thắng, có sông Kim Sa (cát vàng), những người dân gần đó đều làm nghề đãi cát tìm vàng để sinh sống qua ngày, tôi bèn cùng với hai ba người bạn, trải qua một cuộc hành trình hơn năm trăm dặm, tìm đến để xem hư thực. Đến nơi, quả đúng như lời đồn đãi, mới biết là thiên nhiên nuôi dưỡng muôn loài, đôi khi có những phương thức khác thường như vậy.

Lại nghe ở phủ Hạc Khánh có những dãy núi cao ngất trời xanh, địa thế hiểm trở. Theo truyền thuyết, có một con rồng muốn biến vùng núi đó thành biển. Vùng đất ở phía đông nam của dãy núi, tên là Điện Vỹ, địa thế trũng xuống, nước suối tích tụ gây nên sự lụt lội trong vùng. Có một vị thần tăng Ấn Độ là Tôn giả Ma Già Đà, vì lòng từ bi muốn cứu độ sinh linh trong vùng, bèn dùng tích trượng chọc thủng núi Điện Vỹ khoảng mấy mươi lỗ, mỗi lỗ sâu hơn năm dặm, nhân đây nước lụt từ những lỗ hổng chảy xuống nhập thành một giòng, tức là sông Kim Sa.

Trong khi đang đi du ngoạn ở vùng này, tôi bỗng gặp lại nho sĩ Tiêu Âm Sơ. Lúc trước tại huyện Lăng Khung, anh ấy đã từng yêu cầu tôi vẽ một bức tượng Đại Sĩ Quán Âm. Vừa gặp mặt, anh ấy rất hoan hỷ, bèn mời tôi về chơi ở huyện Lăng Khung. Khi vừa đến nơi, có một nhóm bạn hữu do Hiếu liêm (Tú tài) Dương Thiệu Tiên hướng dẫn, tìm đến thăm hỏi. Hai anh Âm Sơ và Thiệu Tiên đều là bạn thân từ trước, cả hai đều là người giàu có, hơn nữa, mỗi người đều có một vườn hoa nổi tiếng. Gặp nhau tay bắt mặt mừng, lại thêm tâm đầu ý hợp, thành thử họ đã giữ tôi ở lại đó hơn một năm.



Năm hai mươi bảy tuổi, đời Sùng Trinh năm thứ nhất (TL 1628), khoảng đầu tháng mười hai, tôi cùng các bạn đang sum vầy ở vườn đào của Tiêu Âm Sơ (Tiêu Viên), đây cũng là nơi đọc sách (thư viện) của anh ta. Vườn này ở cách huyện lỵ độ hơn hai mươi dặm, nằm sát dưới chân núi Thạch Bảo, diện tích khoảng hơn mười mẫu. Trong vườn có trồng lê, độ vài trăm cây, ngoài ra, còn đủ loại hoa kiểng, bốn mùa đều tưng bừng đua nở.

Trong buổi tiệc rượu náo nhiệt, đang lúc cười nói tiếp chuyện cùng các bạn, bỗng có người nhà đem tin đến, cho hay ông bác đã mấy lần nhấn tôi về, và nay mới vừa tạ thế, tuổi vừa hơn bảy mươi. Nghe xong tôi vô cùng kinh ngạc, tỉnh ngay cơn say, lòng muôn vắn đau xót, òa lên khóc nức nở. Xưa nay, tôi chưa hề khởi lòng tin đối với đạo Phật cũng như đạo Lão, thế mà lúc đó bỗng nhiên phát tâm xuất gia, bèn nói với mọi người: "Tôi thực là bất hiếu. Ông của cha mẹ và ông bác đều chưa báo đáp. Khó mà trốn khỏi tội đại nghịch này. Hôm nay tôi quyết ý xuất gia, trước là để sám hối tội lỗi của mình, sau là để báo đáp thâm ân dưỡng dục. Từ đây xin vĩnh biệt, không còn gặp lại các bạn nữa!"

Mọi người nghe nói, đều trợn mắt nhìn tôi chòng chọc, cho rằng có lẽ tôi đã phát điên. Tiêu Âm Sơ nói: "Anh xưa nay không ngày nào mà có thể thiếu rượu. Làm sao lại nói đến việc xuất gia chay lạt? Nếu như muốn xuất gia, chẳng cần phải đi đâu hết, tôi sẽ đem mảnh vườn này cúng dường cho anh làm chỗ tu hành."

Dương Thiệu Tiên nghe xong bèn tiếp lời: "Anh Tiêu Âm Sơ đã cúng dường mảnh vườn, còn phần phí dụng hằng ngày, tất cả tôi sẽ cung cấp cho anh."

Nói xong lại ra lệnh cho đưa tiểu đồng theo hầu ở lại chăm sóc cho tôi. Tôi nói: "Bốn sự cúng dường, hai bạn đã lo cho tôi chu đáo, âu cũng là duyên lành nhiều đời. Xin giao ước là từ nay không được đem rượu thịt đến đây nữa. Còn phần gạo củi, cũng xin không nên hạn định ít ỏi. Hễ có các vị tăng hành cước đến, tôi đều sẽ cúng dường."

Mấy lời yêu cầu của tôi, mọi người đều vui vẻ đáp ứng, không một ai lên tiếng phản đối cả.

Cách vườn khoảng hơn hai mươi dặm có một am đạo sĩ, tôi bèn tìm đến thăm viếng, trình bày ý định xuất gia của mình. Có một vị đạo sĩ già muốn dụ tôi làm đệ tử, nhưng thấy ông ấy cử chỉ hàm hồ, ăn nói quàng xiêng, thành thử tôi lên tiếng cáo từ, nói là để về suy nghĩ lại. Vừa dợm bước ra, bỗng thấy trên bàn thờ có bày một bộ Lương Hoàng Sám, tôi bèn tỏ ý muốn thỉnh bộ kinh về tụng. Ông ấy nói: "Chú chưa phải là đạo sĩ, làm sao có thể tùy tiện thỉnh kinh?"

Nghe xong, tôi bèn cởi áo khoác, đổi lấy áo đạo bào của ông ấy. Ông ấy bèn nói: "Chú bây giờ đã là người xuất gia, có thể thỉnh bộ kinh về."

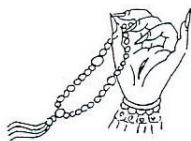
Tôi trở về Tiêu Viên, đem bộ kinh ra lễ bái, sau đó tự đặt pháp danh là Chơn Nguyên, pháp hiệu là Hoàn Cực.



Đến ngày ba mươi tháng chạp, tôi viết một bài vị Ngọc Hoàng Thượng Đế để cúng dường, chí thành lễ bái, xưng danh hiệu của ngài. Như thế, mãi đến nửa đêm thì cảm thấy tâm thần mệt mỏi, bất giác quy xuống đất ngủ quên lúc nào không hay. Trong giấc mộng, tôi thấy trên vòm trời xanh bát ngát xuất hiện một mặt trời đỏ chói. Lại thấy mình đi đến một ngôi chùa lớn, điện Phật nguy nga, chung quanh được bao bọc bởi một hàng rào màu đỏ. Trong sân chùa có trồng những cây tùng, cây bách cao ngất trời, nhưng lại rất ngay hàng thẳng lối. Phía trước điện Phật, chính giữa có một cửa vào, bên trong có vô số vị tăng đang tụ tập, tất cả đều cạo đầu mặc áo cà sa. Tôi vui mừng muốn bước vào trong điện, nhưng ngạch cửa lại quá cao, tôi không thể nào bước qua được. Tôi bèn đem hết sức bình sinh cố gắng nhún mình nhảy qua, sau khi cố gắng vài ba lần như thế, liền vượt qua được ngạch cửa. Vừa bước qua, nhìn lại bỗng thấy mình không còn là một đạo sĩ nữa, mà đã biến thành một vị tăng. Ở giữa đám đông có bày một tòa

cao, trên tòa có một vị Hòa thượng già mặc áo cà sa màu đỏ. Vừa thấy tôi bước vào, ngài liền mỉm cười, gọi tôi bước lên. Tôi bèn đẩy dạt những người xung quanh để bước lên tòa. Vị Hoà thượng đưa cho tôi một quyển kinh, nói: "Con hãy giảng bộ kinh này cho đại chúng nghe!" Tôi bèn đứng bên cạnh ngài mà giảng cho đại chúng. Mọi người đều cung kính quỳ xuống lắng nghe. Được một lúc, tôi bỗng tỉnh giấc, toàn thân mồ hôi toát ra như tắm, quên bẵng đi là mình đã giảng những gì. Tôi bèn ngẫm nghĩ, biết số mình không phải làm đạo sĩ, mà sau này nhất định sẽ làm tăng.

Sáng hôm sau nhằm đời Sùng Trinh năm thứ hai, tôi được hai mươi tám tuổi. Từ ngày hôm đó, tôi lập công khóa thường nhật là mỗi ngày đều quỳ tụng một bộ Lương Hoàng Sám, và cứ ba ngày thì lễ sám một lần. Mỗi khi đến phần hồi hướng, tôi đều cảm thấy xúc động, nước mắt quanh tròn, bầm bạch Tam bảo, khẩn cầu báo đáp bốn ơn nặng. Những người bạn quen đến vườn thăm viếng, thấy tôi xả bỏ được những thói quen xấu ngày trước, chân thực tu hành không chút xao lãng, đều lên tiếng khen ngợi. Có người phát tâm ăn chay trường, lại cũng có người phát tâm muốn xuất gia cầu đạo. Từ đó, trong vòng một trăm dặm, ai cũng đều nghe tiếng Đạo như Hoàn Cực ở Tiêu Viên.



Đời Sùng Trinh năm thứ ba, cách huyện Lãng Khung hơn tám mươi dặm, có chùa Đại Giác ở trấn Tam Doanh tổ chức hội Long Hoa. Trước đêm giao thừa ít ngày, tôi đến chùa lễ Phật. Khi ấy, vị Trụ trì là ngài Vân Quan, cùng các vị trong ban tổ chức đang tụ tập tại chánh điện. Tôi cung kính lạy Phật xong, bèn đến trai đường ngồi nghỉ. Lúc ấy, có một ông lão tóc bạc trắng, đầu chít khăn nhà Nho, đến gần vái chào, hỏi tôi từ đâu đến. Tôi trả lời từ huyện Lãng Khung đến. Ông ấy bèn hỏi: "Ngài có biết Đạo như Hoàn Cực ở Tiêu Viên không? Ngài ấy đạo đức, tu hành thế nào?"

Tôi trả lời: "Tôi đã từng gặp qua. Gã đó chỉ nên biết tên chớ không nên gặp mặt. Hấn giả vờ tu hành, lừa mình dối người. Hướng chi, vừa mới xuất gia, chẳng có đạo đức gì đáng kể!"

Vị cư sĩ già nghe xong, liền nghiêm mặt nói: "Ngài đã là đạo sĩ, thấy kẻ khác có đạo đức thì nên tán thán, biết kẻ khác có lỗi lầm thì nên che giấu. Nay lại đổ kỹ kẻ đồng môn. Làm sao gọi là đạo sĩ được?"

Vừa khi ấy, có một vị cư sĩ quen từ ngoài bước vào, thấy tôi bèn vui mừng vái chào. Vị cư sĩ già hỏi: "Ông biết vị đạo sĩ này sao?"

Người đó trả lời: "Vị này là Đạo nhơn Hoàn Cực ở Tiêu Viên!"

Vị cư sĩ già bèn nói: "Xuýt nữa không nhận ra Ngài!"

Bèn lập tức mời vị Trụ trì cùng ban tổ chức đến để giới thiệu. Mọi người bèn khẩn khoản mời tôi làm Chủ đàn. Tôi nói: "Người Chủ đàn hội Long Hoa phải biết nghi lễ của đạo sĩ, tôi chỉ biết tĩnh tu, chuyên môn lễ bái tụng kinh."

Bọn họ lại khẩn khoản, nài nỉ không thôi. Tôi cũng cố gắng từ chối đôi phen, nhưng thấy bọn họ tỏ ra kiên quyết, không chịu thay đổi ý định, bèn nói: "Kỳ đại hội này, công việc chính phải là cúng Trai tãng, các vị đã dự bị xong chưa?"

Tôi lại nói tiếp: "Nếu thiếu việc cúng Trai tãng, làm sao có thể gọi là Thăng hội? Việc này tôi sẽ cố gắng đảm trách. Thứ nhất là sẽ hướng dẫn các vị cư sĩ trang hoàng

đạo trường, thứ hai là sẽ hướng dẫn các vị thiện tín bố thí tu phúc."

Mọi người nghe xong, vui mừng bái tạ.

Ngày hôm sau tôi dò hỏi ai là người có danh vọng trong vùng, dự định mời họ làm thủ lãnh chỉ huy công tác. Có người đề nghị: "Trong trấn này, có ông Hương hoạn họ Ngải, và ông quan Chỉ huy họ Cung. Ông họ Cung là rể ông họ Ngải. Cả hai đều là người giàu có và thích làm việc nghĩa. Hơn nữa, họ Cung lại là bạn rất thân của ông Tiêu Ám Sơ ở huyện Lãng Khung, Trừ hai vị này ra, ngoài ra không còn ai nữa." Nghe xong, tôi nghĩ thầm rằng công việc có cơ hội thành tựu, bèn quyết định đến nhà họ Cung trước. Khi đến nơi, vừa đúng lúc Tiêu Ám Sơ phái người nhà đem quà tết đến, tôi bèn nhấn người ấy vào báo. Quan Chỉ huy họ Cung liền mời tôi vào nhà. Vào trong thì thấy vị Hương hoạn họ Ngải cũng có mặt nơi đó. Hai người tuy đã nghe danh Đạo Nhơn Hoàn Cực, nhưng chưa từng cùng tôi giáp mặt. Tôi trình bày lý do thiết lập đại hội cúng Trai tăng. Bọn họ trả lời: "Tổ chức pháp hội Long Hoa, lẽ nào lại không cúng Trai tăng? Đạo Nhơn Hoàn Cực đã hoan hỷ đảm nhiệm việc này, chúng tôi cũng xin nguyện tham gia quyên góp."

Hai người bèn triệu tập các bậc kỳ lão cùng các vị thiện tín trong vùng lại thương nghị. Mọi người đều vui vẻ hưởng ứng. Ngày hôm sau, hai vị họ Ngải và họ Cung cầm hai tàng lọng xanh vàng đi hai bên, còn tôi thì mặc áo đạo sĩ, mang giày cỏ đi chính giữa, phía sau là các vị kỳ lão cùng các vị thiện tín rầm rộ đi theo. Chúng tôi đi rảo một vòng thị trấn, những người tham dự đều khuyến khích bạn bè, thân thuộc cùng nhau hoàn thành công việc phúc thiện. Nội ngày hôm đó, tiền gạo cúng dường tính ra được hơn ba trăm lượng bạc và hơn năm chục thạch gạo.



Sau khi về đến chùa, tôi bèn mời thợ đến dựng khoảng mấy mươi gian phòng cỏ, là nơi tạm trú cho các vị khách tăng. Đồ đạc cần thiết đều là đi vay mượn đâu đó cũng tạm đủ dùng, chỉ có điều là vẫn chưa tìm ra vị phụ trách trai soạn. Đến khoảng xế trưa, có một vị tăng hành cước tìm vào. Tôi thấy vị ấy dáng người nghiêm nghị kín đáo, cử chỉ nhã nhặn, ăn nói nhỏ nhẹ dịu dàng, hơn nữa, vừa trẻ tuổi lại vừa cường tráng. Tôi hỏi từ đâu đến, thì vị ấy cho biết là đang đi thăm viếng núi Kê Túc, nhân tiện

ghé qua, vốn người phủ Tầm Điện, pháp hiệu là Thành Chuyết. Tôi yêu cầu ở lại trợ giúp công việc nấu nướng, vị ấy liền nhận lời. Thầy Thành Chuyết là người rất có đạo tâm, ngày đêm làm việc siêng năng, không hề biếng nhác. Nhân đây, hai chúng tôi bèn kết làm bạn đạo.

Mỗi ngày, các vị tăng hành cước tham dự Trai tăng đều không dưới một trăm vị, hơn nữa, lại có hơn một trăm cô nhi, quả phụ, và những người nghèo khổ đến xin ăn. Hễ có vị tín chủ nào đến cúng trai tăng, tôi đều khuyên họ vào lễ bái các vị tăng để cầu phúc báo. Hơn nữa, lại khai thị cho các thí chủ rằng: "Những người nghèo khổ trong đám xin ăn đó, có thể đã là cha mẹ, hoặc bà con nhiều đời trước của các vị. Bởi vì lúc trước không biết cúng dường Tam Bảo, không biết bố thí kẻ nghèo, cho nên ngày nay phải chịu những quả báo như vậy. Chỉ vì mất thịt của các vị không nhìn thấy mà thôi. Bởi vậy, các vị phải cố gắng dẹp tâm ngã mạn, cung kính lễ bái chư tăng, hầu mong được phước báo đời sau!" Các vị thí chủ nghe xong, bèn y theo lời khuyên nhủ, cung kính lễ lạy các vị tăng sĩ.

Tổ chức pháp hội cúng Trai tăng, từ xưa đến nay là một sự kiện rất ít xảy ra ở tỉnh Vân Nam, mà đây cũng là một nhân duyên hy hữu cho tôi, tuy chưa đọc kinh sách, chỉ hoàn toàn hướng dẫn mọi người theo thiện ý của mình. Đến

lúc pháp hội gần bế mạc, nghe các vị trong ban tổ chức bàn riêng với nhau là sẽ sắm lễ vật để cúng dường riêng cho tôi. Vì vậy, một ngày trước khi pháp hội hoàn tất, tôi bèn lên đến cáo từ thầy Thành Chuyết. Hôm sau, trời vừa hừng sáng, tôi đã một mình lầm lũi trên con đường trở về huyện Lãng Khung.



Đời Sùng Trinh năm thứ tư, tôi được ba mươi tuổi. Khoảng tháng hai, có hai anh em ông Lý Quân Phụ, Lý Quân Bật, là người ở châu Kiếm Xuyên đến thăm. Hai vị này đều là Nho sĩ nổi danh, và cũng là hai vị Phật tử thuần thành. Họ thường hay đến đây thăm viếng. Hai người có một thư viện ở cách châu lý khoảng hơn ba mươi dặm, phong cảnh ngoạn mục, núi đỏ trùng trùng, tùng xanh điệp điệp, hơn nữa, lại rất hoang vắng tịch mịch. Hai anh em có ý mời tôi đến đó ẩn tu. Vì cả hai đều là bạn thân của Tiêu Âm Sơ, do đó tôi bèn lập tức phái người đến báo tin cho họ Tiêu biết chuyện này. Họ Tiêu cảm thấy trừ trừ khó xử. Một bên là bạn Đạo, không nỡ nói lời tạm biệt với tôi; một bên là bạn Nho, cảm thấy phải tùy thuận theo lời yêu cầu của hai anh em nhà họ Lý. Tôi bèn nói với Âm Sơ: "Chỗ này cách

Kiểm Xuyên cũng không xa, chi bằng để tôi về tạm trú bên đó tốt hơn." Sau đó tôi từ biệt Âm Sơ, ngày mười lăm tháng ba đến tĩnh tu nơi thư viện của anh em nhà họ Lý. Ở đây, tôi vẫn tiếp tục công việc cúng dường các vị tăng hành cước, hơn nữa, sự dụng công tu hành càng ngày càng tiến bộ. Hai anh em họ Lý thấy thế càng tăng lòng tin tưởng đối với Tam Bảo. Người anh là Lý Quân Phụ bèn phát tâm ăn chay trường.



Đầu tháng sáu, khí trời oi bức, tôi bèn trèo lên đỉnh núi, ngồi trên một mỏm đá, vừa để tọa thiền, vừa để hóng mát. Hướng nhìn về phía tây khoảng năm dặm, trong dãy núi ngoằn ngoèo, rừng cây rậm rạp, thấp thoáng hình như có một ngôi chùa cổ. Tôi bèn lần mò tìm đến nơi, té ra chỉ là một am tranh. Thấy cửa trước chỉ khép hờ, phía trong nghe có tiếng gõ mõ tụng kinh, tôi bèn ngồi đợi cho đến khi thời kinh chấm dứt mới bước vào. Thấy bên trong có một vị tăng già, dáng mạo khả kính, tôi bèn bước đến đánh lễ. Vị ấy nói: "Bên phái Đạo sĩ, ít có người lễ lạy chư tăng. Ông từ đâu đến đây? Pháp danh là gì?"

Tôi trả lời: "Con là đạo nhơn Hoàn Cực ở Tiêu Viên, huyện Lăng Khung. Nay theo lời mời đến tĩnh tu tại thư viện Xích Nham (của hai anh em nhà họ Lý)."

Vị tăng bèn chấp tay nói: "Tôi có nghe nói, ông trong kỳ đại hội Long Hoa đã tổ chức cúng dường trai tăng, chẩn tế người nghèo, không phân biệt tông phái, lại khéo dẫn dắt các vị đàn na tín chủ bỏ tâm san tham phân biệt. Xin hỏi ai là thầy của ông, và ông đang đọc tụng những bộ kinh nào mà có thể làm những Phật sự lớn lao như vậy?"

Tôi nói: "Con chưa từng lạy ai làm thầy, và cũng chưa từng đọc qua kinh điển, bất quá đó chỉ là một việc làm theo thiên ý của mình mà thôi."

Vị tăng kinh ngạc nói: "Những việc làm của ông, đều là hạnh nguyện của Bồ tát. Ông là người rất có tuệ căn, vậy phải nên cấp tốc đi tìm minh sư, xin xuất gia làm tăng, để có thể hoàng dương Phật pháp, hóa độ chúng sanh! Tôi thường tụng kinh Hoa Nghiêm, ông có thể thỉnh về cung kính quỳ đọc. Đọc xong ông sẽ biết rằng Phật pháp rất là thâm sâu, hạnh nguyện của Bồ tát cũng rất là rộng lớn vô lượng. Tự nhiên ông sẽ phát tâm Bồ đề, mà không cần sự chỉ dẫn của ai hết!"

Nghe xong, tôi liền bái tạ, cung kính thỉnh bộ kinh về. Sau khi trở về thư viện, tôi bèn thắp hương quỳ đọc, đến hết phẩm Thế Chủ Diệu Nghiêm, tự nhiên nhớ lại giấc mộng đêm mới xuất gia làm đạo sĩ, bèn nôn nao mong ước sớm được xuất gia làm tăng.



Đến cuối tháng bảy, có vị Trụ trì chùa Đại ở huyện Lăng Khung là thầy Diệu Tông, đem thư của Tiêu Âm Sơ đến, ước hẹn sẽ cùng nhau đi triều bái núi Kê Túc. Thấy những điều mà họ Tiêu đề nghị đều hợp với ý nguyện của mình, tôi bèn từ giã hai anh em họ Lý, sau đó cùng thầy Diệu Tông và Tiêu Âm Sơ khởi hành đến núi Kê Túc. Ngày mười lăm tháng tám thì đến nơi, tá túc tại chùa Tịch Quang. Tôi bèn dò hỏi các vị thiện tri thức đang ẩn tu trong núi, thì nghe đồn ở Sư Tử Nham có hai vị lão hòa thượng là ngài Đại Lực và ngài Bạch Vân chuyên tu pháp môn Tịnh độ, đã hơn ba mươi năm chưa hề xuống núi. Vào ngày mười tám, tôi cùng thầy Diệu Tông và Tiêu Âm Sơ bèn lên núi tìm hai vị ấy. Trải qua một cuộc hành trình vất vả, băng rừng lội suối, xuống vực qua đèo, chúng tôi đã tìm đến tịnh

am của hai ngài. Sau khi diện kiến, tôi bèn lễ lạy cầu xin được xuống tóc xuất gia. Hòa thượng Đại Lực, sau khi hỏi rõ nguyên do tại sao tôi muốn xin xuất gia, bèn từ bi chấp thuận. Ngài dặn tôi nên trở về sắm sửa đủ y bát. Nghe thế, Tiêu Âm Sơ bèn thưa với Hòa thượng: "Hòa thượng đã từ bi thu nhận Đạo nhân Hoàn Cực, còn phần y bát và cúng trai, xin để cho con lo liệu."

Hòa thượng Bạch Vân nghe nói thế bèn lên tiếng: "Tôi thấy vị này trong tương lai sẽ trở thành rường cột cho Phật giáo, không thể nào thu nhận anh ấy một cách hấp tấp, e rằng anh ấy sẽ nghĩ việc xuất gia là dễ dàng, do đó không chịu giữ gìn giới luật cẩn thận. Hãy để cho anh ấy tự mình đi từng nhà hóa duyên y bát, hầu có thể điều phục phần nào tính ngã mạn của mình. Hơn nữa, đây cũng là một cơ hội để khảo nghiệm xem tâm chí của anh ấy thế nào. Sau khi anh ấy hóa duyên được y bát xong, sẽ trở lại đây để được làm lễ xuống tóc xuất gia!"

Tôi suy ngẫm thấy hai vị thiện tri thức, một vị thì thâm nhận, còn một vị thì thử thách, làm cho người khác nể trọng, kính sợ. Mới biết rằng đạo Phật, đối với vấn đề xuất gia rất thận trọng chứ không có bừa bãi, khác xa với đạo Lão. Hơn nữa, tôi cũng biết rằng nhân duyên của mình vẫn chưa đến, bèn cúi lòng thưa với hai vị Hòa thượng: "Lời

của hai Ngài, con nguyện sẽ nhất nhất tuân hành, nhưng lên núi lần này, chẳng lẽ đi về tay không. Xin hai Ngài ban cho con một pháp danh, để con tuy rằng chưa xuống tóc, nhưng trong tâm vẫn có cảm nghĩ rằng mình là một vị tăng."

Hòa thượng Đại Lực nghe thế bèn mỉm cười, đặt cho tôi pháp danh Thư Quỳnh.



Sau đó, tôi bèn lay hai ngài cáo từ. Ra đến bên ngoài, tâm trạng vẫn còn đang băn khoăn lưỡng lự, thì có một vị tăng, pháp hiệu Nguyệt Phong, đến gần hỏi tôi: "Này Đạo nhân! Trong tâm ông có việc gì khó xử phải không!"

Tôi trả lời: "Con đang nghĩ không biết phải đi hóa duyên y bát ở nơi nào?"

Thầy ấy nói: "Từ huyện Lãng Khung, vượt qua núi Phụng Vũ khoảng hai trăm dặm có vùng sản xuất muối tên là Lạc Mã, cư ngụ khoảng hơn một vạn gia đình, dân cư

tương đối khá giả lại hay ưa làm việc thiện. Tôi là người ở vùng đó. Chỉ độ một vài hôm tôi sẽ trở về thăm thầy tôi, nếu ông chưa đến vùng đó, có thể cùng tôi đến đó một chuyến."

Cuối tháng chín, tôi cùng thầy Nguyệt Phong rời núi Kê Túc để đi Phụng Vỹ, và phải mất mười lăm hôm mới đến Lạc Mã. Chúng tôi tạm trú ở chùa Phóng Quang ở núi Tây. Vị trụ trì là thầy Ngô Tông vui vẻ đón tiếp, dường như đã quen biết nhau từ lâu. Chùa này là hương hỏa của dòng họ Dương. Gia đình nhiều đời ưa làm việc phúc thiện, con cháu phần lớn theo nghiệp Nho. Nhờ sự khen ngợi và khuyến khích của hai thầy Nguyệt Phong và Ngô Tông, tôi được rất nhiều thiện nam tín nữ đến thăm hỏi và giúp đỡ. Lại có vị thổ quan họ Tụ, hiệu Yến Chi, vừa gặp tôi đã cảm thấy tâm đầu ý hợp, và càng lúc càng tỏ ra kính mến.



Tưởng là tìm đến nơi xa lạ, té ra lại trở thành nơi quen thuộc. Tôi rất nôn nóng muốn trở lên núi Kê Túc làm lễ xuất gia, không ngờ lại bị đàn việt giữ lại. Tháng chín đời

Sùng Trinh năm thứ ba, có lão Hòa thượng Lượng Như từ tỉnh thành đến phủ Vĩnh Xương giảng kinh. Sau khi giảng xong ngài bèn trở về tỉnh thành. Trên đường về ngài có đi ngang qua vùng tôi đang ở và đến tạm trú tại chùa Đại Giác ở núi Đông gần đó. Tôi bèn thảo luận với thầy Nguyệt Phong: "Các vị thí chủ ở đây kiên quyết giữ con ở lại, làm cho con không được toại ý xuất gia. Hiện nay con dự định xuất gia với lão Hòa thượng Lượng Như, để tiện việc thân cận học hỏi, nhưng lại sợ thất hứa với hai vị Hòa thượng trên núi Kê Túc. Việc này không biết phải làm sao?"

Thầy Nguyệt Phong nói: "Tôi biết Hoà thượng Lượng Như thuộc về phái Tịch Quang, Ngài đã làm Trụ trì ở chùa Tịch Quang ba năm. Pháp danh của ông cũng thuộc về tông phái Tịch Quang. Hiện nay nếu xuất gia với ngài Lượng Như, tuy có vẻ như bội ước với hai vị ở núi Kê Túc, nhưng nếu luận về dòng phái, ông vẫn thuộc về hàng cháu của Hoà thượng Đại Lực, không phải là hoàn toàn thất tín, mà việc xuất gia cũng được toại nguyện. Việc này phải làm cho mau, đừng nên do dự chần chờ gì nữa."

Nghe xong, tôi bèn quyết định xuất gia với ngài Lượng Như. Sau đó, tôi với thầy Nguyệt Phong rời chùa Pháp Quang ở triền núi phía tây đến chùa Đại Giác ở núi phía đông để làm lễ yết kiến ngài Lượng Như, nhưng chỉ

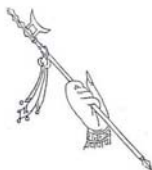
nói là đến để xin theo hầu hạ ngài, chứ chưa dám tùy tiện nói đến việc xin xuất gia. Ngài Lượng Như bèn cho phép tôi dời qua chùa Đại Giác tạm trú.

Sáng hôm sau, tôi đến tìm ngài Lượng Như lễ bái, thành khẩn cầu được xuất gia. Ngài cười nói: "Tối hôm qua ta nằm mộng thấy một vị tăng đắp cà sa, theo sau có vô số đệ tử đến tìm ta, nói rằng tóc đã dài xin được xuống tóc. Hôm nay có được nhân duyên này, con chắc là kẻ *thừa nguyện tái lai*, có thể nối tiếp công nghiệp hoàng pháp lợi sanh của ta, ta sẽ đặt cho con pháp danh là Độc Thế, pháp hiệu là Thiệu Như, và sẽ chọn ngày tốt để làm lễ xuất gia cho con, con nên chuẩn bị *y năm điều* để thọ ngũ giới."

Tôi cảm thấy hơi buồn là mình xuất gia quá trễ, nhưng lại vui mừng là có được nhân duyên sâu dày đời quá khứ. Ngài Lượng Như chọn ngày mùng năm tháng mười làm lễ xuống tóc cho tôi. Các thiện nam tín nữ ở khắp nơi trong vùng, đến ngày đó ùn ùn lên núi tham dự chúc mừng. Lúc đó đang thiếu người phụ giúp việc nghi lễ, tôi không biết làm thế nào, bèn đi ra phía ngoài tìm xem ai có thể phụ giúp, thì vừa lúc ấy thầy Thành Chuyết bước vào. Từ lúc tạm biệt ở Tam Doanh đến nay đã gần hai năm, hôm nay gặp lại, giống như có sự hẹn ước từ trước, quả thật là một điều kỳ lạ! Tôi bèn hỏi từ đâu đến, thì thầy ấy trả lời: "Tôi

từ núi Bảo Đài, phủ Vĩnh Xương đến, mục đích là muốn tìm ngài Lượng Như xin xuất gia. Hôm qua tôi đến chân núi, nghe ngài Lượng Như đang ở tại chùa Pháp Quang, hôm nay sẽ làm lễ xuất gia cho một đạo sĩ. Tưởng ai, té ra là đạo nhơn Hoàn Cực!"

Cả hai chúng tôi đều té ra cười, quả thực là một nhân duyên kỳ lạ. Đến giờ ty làm lễ xuống tóc, mọi người trong vùng, nam nữ lão ấu, đến vây quanh giới đàn, giống như đang nhìn ngắm một người thân yêu đang xuất gia, lên tiếng ca ngợi khôn xiết. Buổi lễ hoàn tất, sau khi dùng trai xong, mọi người bèn xuống núi ra về, tiếng niệm Phật vang động cả một góc trời.



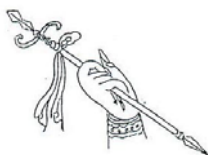
Chiều hôm sau, thầy Nguyệt Phong nói với tôi: "Thiện nam tín nữ vùng này, tuy có nhiều người tụng kinh, nhưng họ vẫn chưa được nghe Hòa thượng thuyết pháp, nếu thầy Thiệu Như sẵn lòng, xin thỉnh Hòa thượng từ bi thuyết pháp, ắt Phật tử vùng này muôn năm sẽ không dám

quên cái nhân duyên của buổi lễ xuất gia này. Chẳng lẽ một người đói gập bữa ăn ngon mà lại không được ăn no?"

Nghe xong, tôi bèn đem lời thầy Nguyệt Phong trình bạch với Hòa thượng, đồng thời tự nguyện đứng ra tổ chức một khóa giảng kinh. Hòa thượng nghe xong bèn hứa bắt đầu từ ngày mùng mười sẽ giảng kinh Pháp Hoa. Tất cả những đồ vật cần dùng cho pháp hội đều do quan Thổ ty Tự Yến lo liệu, còn các phí dụng hàng ngày như tiền, gạo, v.v..., đều do thập phương tín thí cúng dường. Ban ngày tôi phụ trách chức vụ trưởng ban kiểm tri khách, ban đêm lại phải xem kinh để ngày hôm sau phụ giảng. Tôi giao cho thầy Thành Chuyết phụ trách mọi việc bên trong, còn thầy Nguyệt Phong thì lo các việc bên ngoài. Mỗi ngày số người đến nghe thuyết pháp đều rất đông đảo. Ba bữa cơm cháo, thức ăn đều rất phong phú dồi dào. Đến ngày mùng tám tháng mười hai thì pháp hội viên mãn. Tiền gạo thí chủ cúng dường vẫn tiêu dùng không hết. Không những làm việc lợi ích chúng sanh, mà còn làm cho họ tăng trưởng lòng tin đối với Phật pháp.



Ngày mồng chín, tôi cáo từ các vị đàn việt hộ pháp, ngày mồng mười theo Hoà thượng đi vân du. Đến ngày mười lăm thì đến huyện Lăng Khung, tạm trú tại chùa Diệu Tông. Tiêu Âm Sơ có việc phải đi xa, còn Dương Thiệu Tiên khi nghe tin tôi đến, bèn mời chúng tôi về thư viện của anh tạm trú cho đến qua năm mới. Có một vị đồng đạo tên Biến Châu, người phủ Hạc Khánh, cũng là pháp quyến của vị Trụ trì am Thê Vân ở núi Long Hoa, thấy tôi mới xuất gia mà đã chủ động trong việc thỉnh cầu người khác giảng kinh, bèn cũng phát tâm mời Hoà thượng Lượng Như đến am Thê Vân giảng kinh Lăng Nghiêm. Hoà thượng đối với việc bố thí pháp không hề bõn sẻn, bèn vui vẻ nhận lời. Sau ngày rằm tháng giêng, chúng tôi từ biệt Dương Thiệu Tiên và mấy người bạn cũ để lên đường. Bọn họ thấy không thể tiếp tục giữ tôi lại, bèn cúng dường cho tôi một số tiền lộ phí. Tôi một mực từ chối, làm cho mọi người lộ vẻ không vui, thấy thế tôi bèn nhận một ít tiền cho bọn họ vui lòng. Hoà thượng thấy tôi tâm tính thanh cao, không tham lợi lộc, ngài tỏ vẻ rất vui lòng, từ đó đối với tôi lại càng thương mến.



Ngày hai mươi hai chúng tôi đến am Thê Vân. Vị thổ quan ở phủ Lệ Giang, người họ Mộc, vốn là một Phật tử thuần thành. Mỗi khi nghe có vị thiện tri thức hay vị tăng nào đến phủ Hạc Khánh, họ Mộc đều sai người đến mời thỉnh về dinh ông ta. Vì thế, khi nghe tin ngài Lượng Như đến, họ Mộc bèn theo lệ, sai người đến mời thỉnh. Tôi cũng được đi theo để hầu thầy. Vùng này, phía đông giáp ranh với sông Kim Sa, phía tây giáp ranh với sông Hắc Thủy, phía nam giáp ranh với châu Kiếm Xuyên, còn phía bắc giáp ranh với nước Tây Tạng. Dinh thự của thổ quan họ Mộc dựa sát chân núi Tuyết Sơn, đỉnh núi cao vút đến tận mây xanh, chung quanh bao bọc bởi những khu rừng xanh bát ngát. Họ Mộc giữ chúng tôi ở đó nửa tháng để thỉnh vấn những vấn đề Phật pháp.



Ngày mười tám tháng hai, chúng tôi từ già vị thổ quan để trở về phủ Hạc Khánh. Ngày hai mươi bắt đầu giảng kinh Lăng Nghiêm. Tôi may mắn được bổ vào chức vụ Hậu đường; thầy Liễu Nhiên, người châu Kiếm Xuyên, một vị tăng chùa Vạn Phật ở núi Thạch Bảo, làm chức Thủ Tòa. Thầy ấy lúc thiếu thời thường hay đến nghe giảng kinh ở vùng Giang Nam. Lần này bốn vị "chấp sự" luân phiên nhau giảng kinh. Khi đến phiên thầy Liễu Nhiên giảng chương Bát Hoàn, thầy ấy giảng sai lạc ý nghĩa của kinh, lại còn tỏ vẻ châm biếm ngài Lượng Như, mọi người cảm thấy rất bất mãn. Vị thủ lãnh Tây đường là thầy Nhất Vân đem việc ấy thuật lại cho tôi nghe làm cho tôi rất bất bình, liền ra trước giảng đường công khai tuyên bố lỗi lầm của thầy Liễu Nhân, và sau đó đem Thanh quy ra xử phạt thầy ấy. Ngài Lượng Như nghe trong chúng xôn xao, bèn đi xuống dò hỏi hư thực. Mọi người đều thưa với ngài: "Thầy Liễu Nhân có tâm khinh mạn, vi phạm nội quy, thầy Thiệu Như có tính bộc trực, nên đã y theo Thanh quy xử phạt thầy Liễu Nhiên, có điều là chưa bạch trước với Hòa thượng, ngưỡng mong Ngài từ bi tha thứ ..."

Hòa thượng nói với thầy Liễu Nhiên: "Ý nghĩa của chương Bát Hoàn rõ ràng như thế, vì thầy có ý muốn xuyên tạc, nên mới đưa đến hậu quả như thế. Thầy phải quán xét lỗi lầm của mình."

Kế đó Hòa thượng nói với tôi: "Con chưa được lệnh của thầy mà lại có vẻ chuyên quyền đem Thanh quy ra xử phạt Thủ tòa, đáng lẽ phải bị phạt nặng, nhưng theo như ý kiến của mọi người, nên thầy chỉ phạt nhẹ. Bây giờ phạt con quỳ một cây hương."

Sau đó Hòa thượng nói với mọi người: "Thầy Thiệu Như là người rất tận tâm bảo hộ Chánh pháp. Tương lai nếu làm nên, thì sẽ là người chỉ biết làm việc theo đúng quy củ, không biết mua chuộc cảm tình, hoặc sợ hãi ai hết."



Một hôm có hai ba vị mới xuất gia đến nghe thuyết pháp, thái độ của bọn họ giống hệt như những kẻ thô tục ngoài đời, làm cho mọi người cảm thấy chán ghét. Hòa thượng khuyên răn bọn họ: "Người xuất gia trước tiên phải thọ mười giới sa di, kế đó phải nên thọ giới tỳ kheo, đầy đủ uy nghi thì mới được gọi là tăng, nếu như không thọ giới tỳ kheo, uy nghi không đầy đủ, không những không thể gọi là tăng mà lại còn làm ô nhục Phật pháp."

Lúc đó tôi ở bên cạnh nghe Hòa thượng nói lời ấy xong, bèn lạy Hòa thượng, bạch rằng: "Con thỉnh cầu Hòa thượng truyền cho con giới tỳ kheo để con được làm tăng."

Hòa thượng nói: "Ta là pháp sư, muốn thọ giới tỳ kheo cần phải có luật sư."

Tôi bèn hỏi Hòa thượng: "Thưa Hòa thượng, vậy ai là luật sư?"

Hòa thượng nói: "Khi luật tông gần như bị diệt, thì được vị luật sư Cổ Tâm ở Nam Kinh trung hưng lại. Người đời gọi ngài là Luật tổ. Hiện nay ngài đã viên tịch. Thừa kế ngài chỉ còn Hòa thượng Tam Muội đang nỗ lực hoàng dương giới luật. Hiện nay, Hòa thượng Tam Muội đang ở vùng Giang Nam."

Tôi bèn thưa: "Xin Hòa thượng cho phép con đi Giang Nam thọ giới, sau đó sẽ trở lại hầu hạ Hòa thượng."

Hòa thượng nói: "Đường xa đến cả vạn dặm. Đến đó đâu có dễ dàng như con tưởng."

Tôi nói: "Nếu không thọ tỳ kheo, không được gọi là tăng. Con bỏ đạo Lão theo đạo Phật, mục đích là để làm tăng. Nếu như không làm tăng thì xuất gia làm gì?"

Hòa thượng im lặng không trả lời. Thấy thế, tôi vẫn không nản lòng, cứ lẽo đẽo theo nài nỉ Hòa thượng xin đi thọ giới. Mỗi lần như thế, Hòa thượng đều giữ thái độ im lặng. Đến ngày mùng tám tháng tư, sau khi khóa giảng kinh hoàn tất, tôi bèn đến phòng phương trượng từ biệt Hòa thượng, ngài thấy tôi ý chí kiên quyết, bèn nói: "Đây là do nghiệp lực của con dẫn dắt. Con đường trước mặt, dù sương mù khò, cũng phải đi thọ giới. Thôi con cứ sửa soạn lên đường."

Có một số bạn đồng tu cũng muốn cùng tôi đi thọ giới, chúng tôi bèn đến cáo từ Hòa thượng. Ngài dặn dò: "Con hôm nay mới đi hành cước lần đầu, vậy mà đã có nhiều người bạn cùng đi với nhau. Nếu làm tốt sẽ trở thành thiện tri thức cho nhau, còn nếu không thì sẽ trở thành một lũ giang hồ."

Tôi cúi lạy cảm tạ Hòa thượng đã từ bi dặn bảo, thưa với ngài: "Con hôm nay xin ra đi với tư cách một người thiện tri thức."



Bấy giờ là đời Sùng Trinh năm thứ sáu, tôi được ba mươi hai tuổi. Vào ngày mồng tám tháng tư, khoảng giờ thân chúng tôi rời am Thê Vân, đi được hai mươi lăm dặm thì trời đã tối mịt, chúng tôi bèn vào tá túc trong một cái am nhỏ. Khoảng tháng hai vừa qua, thầy Thành Chuyết đã đi núi Kê Túc trước, thầy ấy có hẹn với tôi vào ngày hai mươi một tháng tư sẽ gặp nhau ở chùa Tam Tháp, phủ Đại Lý. Chúng tôi đến nơi đúng ngày hẹn, nhưng thầy Thành Chuyết vẫn chưa đến. Ngày hôm sau chúng tôi đến chùa Cẩm Thông dự lễ thì thấy thầy ấy cũng vừa đến. Từ đây đi về phương nam, chúng tôi không còn rời nhau nữa. Đi được bốn ngày, đến chùa Cốc Ô ở vùng Bắc Nham, thì gặp được một người quen cũ bấy giờ cũng đã xuất gia ở đó. Khi châm trà, thầy ấy thấy tôi bèn rất kinh ngạc, hỏi tôi vì sao lại làm tăng hành cước. Thầy ấy lại than là tuổi đã già không thể đi theo chúng tôi được. Tôi khuyên thầy ấy nên chuyên tu Tịnh độ. Nghe xong, thầy ấy bèn phát nguyện sẽ niệm Phật suốt đời. Chúng tôi ở tạm nơi đó mười hôm rồi lại tiếp tục lên đường.



Đến ngày mồng hai tháng năm, nhìn theo làn mây trắng xa xa, thì ra cố hương đã ở trong tầm mắt. Chúng tôi tá túc ở chùa Kim Thiềm cách phủ lý độ mười dặm. Đêm nằm nghĩ đến việc không thể phụng dưỡng cha mẹ, không thể tự thân làm ma chay cho ông bác, hai giòng lệ cứ chảy dài không dứt. Lại nhớ đến mấy đứa em nhỏ, thất lạc bảy năm nay, không biết đã lên đèn phiêu bạt đến nơi nào, đang nương tựa vào ai. Làn ra đi xuất gia này sẽ là lần vĩnh biệt, không thể nào không tìm gặp lại chúng. Sáng hôm sau tôi thối lộ cho thầy Thành Chuyết hay những tâm sự của mình. Sau khi rời chùa, lòng tôi cảm thấy hoang mang, cứ đi một đoạn lại dừng, vừa nhớ tưởng vừa sụt sùi rơi lệ. Nhưng lại thầm nghĩ: "Nếu như mình vẫn còn cái tâm lưu luyến gia đình, có lẽ sẽ bị đọa vào lưới nghiệp, không những việc xuất gia thọ giới tu hành không thành, mà việc báo đáp ơn sâu sanh thành dưỡng dục của mẹ cha cũng không thể nào thực hiện được." Tôi lại tự nhủ thầm: "Phải quán sát rõ ràng, định nghiệp nhân duyên của mỗi người, phàm sanh ra trên đời, những sự giàu nghèo khổ vui thọ yếu đều là do nghiệp đã tạo đời trước. Quả báo của mỗi người trong đời này, dù chí thân như cha con cũng không thể thay

cho nhau nhận chịu được." Tôi cảm thấy ân hận là không gặp lại mấy đứa em. Điều này có vẻ như quên nhân nghĩa, thiếu từ bi, thế nhưng, không còn cách nào khác hơn là đem công đức tu hành của mình hồi hướng tế độ cho họ. Nghĩ thế xong, tôi đành gạt lệ, không đi vào trong phủ lý, mà tìm đường đi vòng quanh phía ngoài thành phố. Tôi hướng về dãy núi phía tây nơi phần mộ của tổ tiên, quỳ mọp xuống đất, khóc òa lên như muốn trút hết những nỗi niềm sầu khổ trong tâm khảm của mình. Đôi chân mềm nhũn như không còn sức lực nào nữa, tôi gấn gượng bước đi như muốn chạy trốn những nỗi niềm u uất trong lòng. Buổi chiều chúng tôi đến huyện Quảng Thông, nghỉ đêm tại một ngôi chùa cổ.



Ngày hôm sau, trên đường đi đến huyện Lộc Phong, tôi gặp một người bà con tên Châu Chi Tân, đang từ tỉnh thành trở về phủ lý, từ xa ông ấy vẫy chào tôi: "Hứa Xung Tiếu! Bây giờ chú ở đâu? Xuất gia được bao lâu rồi? Hiện giờ đang đi đâu đó?"

Tôi trả lời: "Xuất gia ở núi Kê Túc. Hiện giờ đang đi đến Giang Nam để thọ giới cầu học."

Ông ấy hỏi: "Sẽ có thư từ gì cho gia đình không?"

Tôi trả lời: "Tâm sự nhiều lắm, viết không hết. Nhờ anh trông nom dùm hai đứa em tôi."

Miệng tuy trả lời, thế nhưng đôi chân vẫn không dừng bước. Ông ấy lại hỏi tiếp, nhưng lúc bấy giờ tôi cảm thấy quá xúc động, nghẹn ngào không nói thành lời. Ông ấy đứng bên vệ đường nhìn theo bóng tôi dần khuất mới tiếp tục lên đường.

Thầy Thành Chuyết nói: "Đã không gặp lại thì nên trả lời là sẽ viết thư thăm."

Tôi nói: "Đã cắt đứt dây thân ái, nếu mà viết thư thăm hỏi, e rằng lại tiếp tục dây dưa tình cảm. Người xưa có nói: *Tâm như sắt đá thì chí nguyện mới kiên cố, nếu không quên tình ái thì khó mà thành tựu chí đạo.*"



Đi được vài ngày nữa thì thấy gần đến tỉnh thành. Thế nhưng trước khi đến tỉnh thành phải qua Bích Khê Quan. Đây là một dãy núi hùng vĩ, đỉnh núi cao vút, phong cảnh tú lệ, đẹp nhất trong các dãy núi lân cận. Từ trên đỉnh núi nhìn xuống, chỉ thấy một vùng rừng núi bao la xanh ngắt, trải dài đến tận chân trời. Chúng tôi lần xuống chân núi, qua đò để đi vào tỉnh thành, đêm đó chúng tôi tá túc tại chùa Di Lạc ở ngoại ô thành phố. Một số người bạn đồng hành muốn ở lại vài ngày để đi thăm viếng các chùa miếu trong vùng lân cận, nhưng tôi sợ gặp lại người thân, làm chướng ngại cho cuộc hành trình, thành thử sáng hôm sau đốc thúc mọi người tiếp tục lên đường.

Trước tiên đến đê Tùng Hoa, sau đó qua Kim Mã Quan, đến trạm Bản Kiều nghỉ một đêm. Phủ Tâm Điện là quê cũ của thầy Thành Chuyết. Thầy đã xuất gia tại am Quán Âm ở vùng Dương Lâm. Vì tiện đường nên thầy mời các vị đồng hành cùng đến thăm sư phụ của mình, sau đó sẽ tiếp tục cuộc hành trình. Nghe xong mọi người đều đồng ý. Chúng tôi vượt qua Thổ Nhi Quan, đêm đó tá túc tại am Hà Hữu, sáng hôm sau thì đến am Quán Âm. Sư phụ của thầy Thành Chuyết là một bậc rất có hậu đức, còn vị sư huynh thì là một người hiền lành chất phác, cả hai đều là những bậc chơn tu. Hai vị ấy tiếp đãi chúng tôi rất nồng

hậu và chơn thật. Tá túc ở đó độ nửa tháng, chúng tôi bèn cáo biệt rồi lại tiếp tục lên đường.



Đi được vài ngày thì đến phủ Khúc Tĩnh, sau đó đến Phá Tần Sơn, đây là nơi mà Chu Cát Lượng ngày xưa đã từng cùng với tù trưởng trong vùng (Mạnh Hoạch) tuyên thệ đồng minh. Nơi đó có một ngôi chùa cổ, chúng tôi bèn ở đó ngủ qua đêm. Tôi nói với các bạn: "Chúng ta ra đi kỳ này, không giống như các vị du tăng thông thường khác, chỉ mãi mê xem cảnh vật, mà không lo việc tu hành. Ở đây chúng ta nên làm một giá đèn La hán, trên thì có thể đốt đèn, dưới thì có thể chứa dầu. Ban ngày thì gánh theo, ban đêm thì thắp lên. Mỗi ngày luân phiên một người, sau khi ăn chiều xong, vào giờ tuất (khoảng bảy đến chín giờ tối) phụ trách việc thắp đèn. Mọi người ngồi chung quanh đèn, tùy bộ kinh mà mình đang học tập, hoặc đọc, hoặc nghiên ngẫm nghĩa lý, đến nửa đêm thì đi nghỉ. Dùng đây làm quy

định cho cuộc hành cước." Mọi người nghe xong đều gật đầu tán thành.



Chúng tôi đi đến Bình Di Nha, rời khỏi vùng thảng cảnh của đất Điền Nam (miền nam tỉnh Vân Nam). Đây là vùng tiếp cận với tỉnh Quý Châu. Qua vùng Nhất Tự Khổng, vào châu Phổ An. Đi được vài ngày thì qua Quan Sách Lãnh. Dãy núi này địa thế cao vút, chu vi đến hơn trăm dặm, trên núi có một trại binh, trong đó có một ngôi miếu thờ đức Quan Công. Đi tiếp vài ngày thì đến Bàn Giang, vùng này đường núi quanh co hiểm trở. Phút chốc bỗng gặp cơn mưa tầm tã, dưới mấy khe suối, nước cuồn cuộn như gào thét. Mấy con đường núi đều trở thành những rãnh nước lớn. Bốn bề gió lốc xoáy mạnh, làm cho chúng tôi không thể đứng vững. Nước từ cổ áo chảy vào quần trong. Chúng tôi phải bò dưới đất mà đi, cảm tưởng như đang cưỡi trên một chiếc phao nổi. Mỗi khi tháo dây lưng, nước từ trên thân chảy xuống giống như mở cửa đê. Chúng tôi phải tháo dây lưng mấy lần như thế, cơn lạnh như thấu vào xương tủy. Tôi nói với mấy bạn: "Ngày xưa, các vị cổ

đức đi cầu học, đã xả thân vì pháp mà không lấy làm khổ. Chúng ta không nên vì cơn mưa này mà thoái thất đạo tâm của mình. Trong tương lai thuật lại câu chuyện hành cước của mình, chắc là mọi người sẽ cười ò."

Chúng tôi lầm lũi đi trong cơn mưa, đến chiều xuống đến chân núi, đêm đó chúng tôi tá túc tại chùa Đại Nguyên. Tôi gặp một vị tăng từ vùng Giang Nam đến, bèn hỏi thầy ấy về tình hình dọc đường. Thầy ấy nói: "Lúc này hành cước rất khổ. Bọn giang hồ đang hoành hành khắp mọi nơi. Thế nhưng bọn chúng thấy các vị tăng hành cước, mặc áo nạp, mang bồ đoàn thì lại không gây sự. Nếu đi đường không mặc áo nạp bồ đoàn thì có lẽ chúng sẽ làm khó dễ, chướng ngại cho việc đi cầu học."

Tôi bèn nói với mấy bạn: "Nếu chúng ta muốn đi đường bình an, phải nên thay đổi hành lý."

Tạm trú ở đó mười hôm chúng tôi lại lên đường. Sau khi qua cầu Thiết Sách ở vùng Bàn Giang Độ, đồi núi trở nên hiểm trở, phía trên là những khu rừng trúc rậm rạp xanh mướt, phía dưới là giòng sông, nước cuồn cuộn chảy xiết. Đây là bến sông quan trọng tiếp nối giữa hai tỉnh Vân Nam và Quý Châu.



Ngày hôm sau, đang trên đường đến An Trang Nha, lối đi ngoằn ngoèo, sỏi đá lồi lõm, bỗng nhiên gót giày bị thủng lỗ, đế bị sút ra, không còn mang được nữa. Tôi bèn vứt bỏ để đi chân đất. Đi được vài chục dặm, đến tối lúc dừng chân, hai gót chân phồng to lên đến nỗi không còn thấy được mắt cá. Tôi cảm thấy đau nhức như bị lửa đốt, hoặc bị kim châm. Nửa đêm nằm suy nghĩ: "Thân không có một đồng tiền, đây lại là chỗ hoang vu hẻo lánh không có chỗ để hóa duyên, không thể ở lâu. Sớm mai phải tiếp tục cuộc hành trình." Lại nghĩ: "*Người đời vì tham công danh phú quý mà còn phải chịu đựng bao nhiêu gian khổ, sau đó mới thành toại; nay mình vì xuất gia tu hành, cầu đạo giải thoát, chẳng lẽ vì không có giày mà lui sụt đạo tâm hay sao?*"

Ngày hôm sau miễn cưỡng lên đường, lúc đầu cảm tưởng như hai gót chân không thể chạm xuống đất, kể đó dùng gậy từ từ lết đi, đi được năm sáu dặm, thì có cảm tưởng là hai chân không còn phải là của mình nữa, mà cũng không còn cảm thấy đau nhức gì cả, mà trên lộ trình cũng

không cần phải tạm nghỉ chân. Đến tối tính ra thì đã đi được hơn năm mươi dặm. Buổi tối nghỉ đêm tại am An Trang Nha. Hôm sau xin được một đôi giày cỏ, vừa học cách mang thì giày rách, cỏ lòi cả ra ngoài, tôi bèn bỏ đi không thèm dùng tới.

Có một gã giang hồ bám theo sau chúng tôi cả mấy ngày. Hôm sau, sau giờ ngọ, chúng tôi đi đến một con sông nhỏ, chỉ có một chiếc cầu độc mộc bắc ngang. Thầy Thành Chuyết cùng mấy người bạn đồng hành qua cầu trước, tôi thủng thỉnh đi phía sau chót, gã giang hồ cũng leo đẹo theo sau. Đợi hẵn qua đến nửa cầu, tôi bèn quay đầu lại hét lên một tiếng, gã hoảng hồn rơi xuống nước. Tôi chỉ vào gã ấy nói: "Anh từ ngày hôm nay phải lo sửa đổi tâm tính làm người lương thiện."

Gã giang hồ tỏ vẻ hổ thẹn, leo lên bờ xong, bèn cúi thủ tìm đường đi mất.



Trên lộ trình chúng tôi gặp nhiều khó khăn, nhưng những người bạn đồng hành đều không chút nao núng. Thấm thoát mùa hè đã chuyển sang mùa thu, khoảng tháng mười chúng tôi đến châu Vũ Cương, là vùng giáp ranh giữa tỉnh Quảng Đông và tỉnh Hồ Nam, tá túc ở am Chỉ Thủy. Thầy Trụ trì, pháp danh Di Hủy, là người rất có tình đạo, hỏi han mọi người một cách thân mật. Sau khi biết chúng tôi từ miền Vân Nam xa xôi đến, thầy bèn mời chúng tôi tạm ở lại cho đến hết mùa đông. Một hôm thầy ấy mời tôi vào phòng uống trà, tôi thấy trên bàn có một bộ Pháp Hoa Tri Âm. Lúc ở Vân Nam thường nghe thầy tôi khen ngợi bộ chú giải này, thành thử trong tâm cũng có phần ưa thích. Tôi định mượn bộ sách ấy để chép lại, nhưng không có giấy bút. Sư đệ của thầy Trụ trì là thầy Trung Lập là người rất háo học, biết được ý định của tôi bèn chuẩn bị đầy đủ hết cả. Mùa đông năm đó, mỗi ngày trời đều đổ tuyết lớn, hơn nữa phòng tôi lại trống không, thành thử gió lạnh thấm vào. Tôi chỉ có một áo nạ, nên phải ngồi co rúm người lại để chép kinh. Tuy mấy ngón tay tê cóng cả lại, còn mực thì dường như đông cứng, thế nhưng tôi vẫn chép kinh không ngừng nghỉ. Hai huynh đệ thầy Trụ trì thấy tôi là người có chí, siêng cần học hỏi, lại càng kính mến, bèn đem tặng cho tôi một chiếc áo bông. Tôi cảm thấy rất ngượng ngùng khi mặc vào, vì từ lúc sinh ra đến nay, đây là lần đầu tiên được mặc áo bông. Trong nhóm bạn đồng

hành có hai ba người từ biệt để đi triều hải (ngắm biển), chỉ còn thầy Thành Chuyết và Giác Tâm ở lại với tôi.

Châu Vũ Cương này thuộc quyền thống lãnh của tù trưởng Mân Vương. Có một vị tôn thất tên là Yên Ly rất ham thích thư họa, thường tới lui với thầy Dị Hủy. Khoảng giữa tháng mười ông ấy lợi tuyết đến am, đem theo một trang giấy bản lớn, dự định vẽ một bức họa "Ngư ông đội nón lá câu cá trên sông lúc trời đang mưa tuyết". Ông ấy dùng than vẽ thử vài lần, xong vẫn chưa quyết định, tôi đứng bên cạnh thấy vậy bèn nói với ông: "Thông thường người vẽ hay, phải lập ý trước khi nâng bút. Khi đã hạ thủ thì không còn nghĩ ngợi gì nữa. Như vậy bức họa mới có thần. Nếu phải suy nghĩ đôi ba lần, e rằng bức họa sẽ không còn sự tuyệt diệu tự nhiên."

Ông ấy quay lại nhìn tôi nói: "Nói nghe thì dễ, nhưng khi làm thì thật khó. Thầy có thể làm được hay không?"

Tôi cười nói: "Tôi cũng hiểu biết đôi chút."

Ông ấy bèn đưa bút cho tôi nói: "Thỉnh thầy vẽ bức họa này."

Tôi cầm bút trên tay, trong đầu trước tiên phác họa bối cảnh, sau đó vung bút lên một thoáng thì bức họa đã hoàn thành. Ông ấy khen ngợi không ngớt lời, nói với thầy Dị Hủy: "Những vị cao sĩ ẩn tích trong chúng tăng quả thật không ít. Xin thầy đem bức họa này treo trong am."

Từ đó ông ấy thường đến am ngồi đàm luận với chúng tôi. Ông ấy có ba tập sách, tự tay viết về những kỷ niệm ông ấy đã đi khắp nơi yết kiến những bậc cao nhân, đem tặng cho tôi cùng hai thầy Thành Chuyết và Giác Tâm.



Ngày mồng năm tháng giêng, Pháp sư Hòa Nghi khai giảng Kinh Lăng Nghiêm tại am Lương Gia, cách Chỉ Thủy độ sáu mươi dặm. Thầy Trung Lập muốn chúng tôi cùng đi nghe kinh. Thầy Thành Chuyết vì chưa đọc Kinh Lăng Nghiêm, thành thử đi tới phủ Bảo Khánh trước, gần gũi ngài Đại sư Chuyên Ngu tại am Ngũ Đài, sau khi nghe kinh xong, tôi và thầy Giác Tâm sẽ đến phủ Bảo Khánh để gặp thầy ấy. Chúng tôi ba người đến am Lương Gia, số người nghe kinh chỉ độ hai mươi vị. Mỗi người đều đem theo một thạch gạo và một lượng bạc để làm lệ phí nghe kinh. Thầy Trung Lập đóng tiền lệ phí, còn tôi và thầy Giác

Tâm thì chỉ mang theo áo nạp và bồ đoàn, không có tiền vật để đóng góp, trong lòng chỉ muốn đến tùy hỷ công đức xong rồi đi ngay. Thầy Trung Lập thấy thế bèn bạch với Pháp sư Hòa Nghi, sau khi biết chúng tôi là những tăng sĩ đạu bạc từ Vân Nam đến, ngài bèn miễn lệ phí, cho chúng tôi được phép tham dự nghe kinh. Tôi nói với thầy Giác Tâm: "Tuy pháp là do pháp sư bố thí, nhưng phần ẩm thực là do đại chúng đài thọ, chẳng lẽ mình ăn không mà không làm." Do đó chúng tôi hai người bèn tự nguyện hành đường, rửa bát, quét dọn, gánh nước, không cần ai phải sai bảo gì cả, hễ có thì giờ rảnh là chúng tôi nhào vào phụ giúp công việc. Đến ngày mồng một tháng tư, kỳ giảng hoàn tất, thầy Trung Lập ở lại am Lương Gia, còn tôi và thầy Giác Tâm thì lên đường đến phủ Bảo Khánh, tá túc tại chùa Báo Ân.



Nghe trong chùa có thầy Tự Như cũng là người Vân Nam, chúng tôi bèn đến yết kiến. Sau khi nghe chúng tôi kể lại nhân duyên từ Vân Nam đến, thầy bèn gọi chúng tôi là sư đệ. Tôi hỏi thầy ấy tại sao lại xưng hô như vậy. Thầy nói: "Tôi là người châu Kiếm Xuyên, xuất gia ở núi Thạch Bảo, lúc nhỏ có theo học với Hòa thượng Lương Như, y chỉ ngài

khoảng sáu năm, lãnh hội rất nhiều những lời giảng của ngài. Sau khi rời khỏi Vân Nam thì không còn liên lạc, nên không biết tin tức gì về ngài nữa. Hôm nay gặp lại thầy thì cũng giống như thấy được Hòa thượng Lượng Như, cho nên nếu luận về pháp quyển, thì phải gọi thầy là sư đệ. Thầy ở Vân Nam đã nghe qua kinh nào rồi?"

Tôi trả lời: "Đã có nghe qua Kinh Pháp Hoa và Lăng Nghiêm, nhưng chỉ là để trông nhân duyên, chứ chưa am hiểu nghĩa lý gì nhiều."

Thầy Tụ Như lại hỏi chúng tôi mới từ đâu đến. Tôi đáp: "Mới từ am Lương Gia nghe Pháp sư Hòa Nghi giảng Kinh Lăng Nghiêm đến."

Thầy Tụ Như nói: "Pháp sư Hòa Nghi là bạn đồng học của tôi. Các vị đến đây vừa phải lúc. Đại sư Chuyên Ngu vừa soạn xong bộ Lăng Nghiêm Tứ Y Giải. Các vị cư sĩ hộ pháp thỉnh ngài in ra để phát hành. Đại sư bảo tôi tại đây thay thế ngài giảng giải bộ chú giải đó. Thính chúng đã được hơn một trăm vị, nhưng vẫn còn thiếu người đảm nhiệm chức vụ Hậu đường. Sư đệ có thể đảm nhiệm việc đó."

Tôi nói: "Thầy cho phép được một chỗ nghe kinh là đủ. Còn việc đảm nhiệm chức vụ, thực sự con không dám."

Thầy ấy nói: "Đã là con của Sư Tử, thì không nên quá khiêm tốn. Tôi sẽ chuẩn bị y phục để bổ nhiệm thầy vào chức vụ này."

Tôi nói: "Cúi mong thầy cho con được xin hai việc. Thứ nhất, xin được mặc áo nạp mang bờ đoàn nhập chúng. Thứ hai, thỉnh cầu Phương trượng đừng cho riêng thức ăn, chỉ cần được nghe pháp là đã mang ơn vô lượng."

Thầy Tự Như không chấp nhận lời thỉnh cầu, cương quyết bắt tôi phải thay đổi y phục.

Trong chùa có một vị tăng thường trụ, pháp danh là Dã Khê, từ lâu đã y chỉ Đại sư Chuyên Ngu, cũng là một người tham dự nghe kinh. Ngày hôm sau thầy ấy đến Am Ngũ Đài thăm Đại sư. Đại sư hỏi han về sự tình trong kỳ giảng kinh sắp tới. Thầy Dã Khê đem lai lịch cùng sự khẩn cầu của tôi trình bạch cho Đại sư biết. Đại sư nói: "Ta lúc còn nhỏ ở chùa Trúc Lâm ở núi Bắc Ngũ Đài, y chỉ Đại sư Kiến Xuyên, tùy chúng nghe kinh cũng mặc áo nạp, mang giày cỏ, gậy, nón, bờ đoàn. Nhẫn đến khi đi hành cước đến núi Ngũ Đài, Nam Nhạc, nhẫn đến khi đến phủ Hạc Khánh

này cũng vậy, chưa hề thay đổi. Nhân vì đàn việt xây cất am này, quỳ dâng y áo giày dép, thỉnh ta thay đổi, nếu không họ sẽ không đứng dậy; cho nên ta đã tùy thuận mà thay đổi, mục đích làm cho họ sinh khởi lòng tin. Thế nhưng, mỗi khi thấy các vị thiền tăng vẫn giữ cổ phong đó, ta đều cảm thấy rất kính mến, bởi vì rất ít người có những phong thái khác thường như vậy. Nay nghe có thầy từ Vân Nam đến, không bị hoàn cảnh lay chuyển, thầy ấy ít nhất cũng đã bước trên những bước chân mà ta đã trải qua. Nay thầy về bạch với thầy Tự Như nên cho thầy ấy được toại ý, không nên cưỡng ép. Có thể dùng đó làm gương, cảnh tỉnh những kẻ tham lam."

Thầy Tự Như bèn cho tôi được tùy ý nguyện. Trong chúng có kẻ khen tôi là người bảo trì cổ phong đậm bạc, lại cũng có người chê tôi là kẻ ưa thích lập dị. Hai lời khen chê ấy, tôi đều gác ngoài tai, không để ý đến.

Ngày thứ ba sau khi khóa giảng bắt đầu, thầy Phương trượng ra lệnh cho bốn vị bản thủ giảng lại, thay phiên nhau trong vòng sáu tuần. Thầy phụ trách Tây đường có việc phải đi xa, còn thầy Thủ tòa thì bị bệnh xin nghỉ. Vị Đường chủ là thầy Khả Tự, người thừa kế của Pháp sư Vô Học ở Kinh Tử Phong, núi Nam Nhạc, là người tính tình thuần hậu, háo học, tâm chí lại rất khế hợp với tôi. Tôi và

thầy ấy đều kính mến nhau. Từ quyển thứ tư trở đi, hai người chúng tôi luân phiên nhau giảng cho đến khi hết bộ kinh.



Khóa giảng kinh hoàn tất, thầy Tự Như hướng dẫn mọi người đến am Ngũ Đài lễ tạ Đại sư Chuyên Ngu, thì gặp lúc đại sư đang ngồi kiệt già dưới một cây dù lớn (cho nên có người đặt cho ngài biệt hiệu là Tản Cư Đạo Nhơn - đạo nhơn ở dưới cây dù). Thầy Tự Như cùng mọi người lễ tạ xong trở về chùa. Đại sư giữ tôi lại khoản đãi một bữa cơm. Trên mâm cơm chỉ có một đĩa khổ qua. Đại sư ăn trước, kẻ đó mời tôi ăn. Tôi vừa đặt một miếng khổ qua vào miệng, cảm thấy mùi vị rất đắng, nuốt xuống không xong, mà nhổ ra cũng không được. Đại sư thấy thế cười nói: "Trước đắng sau ngọt, tu hành làm bậc thiện tri thức cũng vậy."

Tôi lễ tạ lời khai thị của ngài. Đại sư hỏi: "Ta thấy con là người có khí tiết, hiện giờ con đang dự định đi đâu?"

Tôi trả lời: "Dạ, lúc con khởi hành ở Vân Nam, đã có ý định đi tìm Hòa thượng Tam Muội thọ giới. Sau khi thọ giới sẽ tùy ý du phương cầu học."

Đại sư nói: "Hòa thượng Tam Muội là một luật sư chân chánh, thầy nên đến đó thọ giới. Còn như tùy ý du phương cầu học, thì hiện nay các tông lâm ở Giang Nam, phần lớn các khóa giảng học, quy củ không được nghiêm túc. Người học phần nhiều là bọn nông cuồng ngạo mạn. Nếu như con thấy không thích hợp, con có thể trở về đây ở với ta. Chớ nên ngạo du phóng dật. Trong tương lai con sẽ là rường cột cho Phật pháp."

Nói xong, ngài bèn kêu thị giả viết một bức thư giới thiệu đến Hòa thượng Tam Muội. Đưa thư cho tôi xong, ngài lại khuyên nhắc: "Con nên bắt chước những tiết tháo của ta ngày trước."

Tôi lễ tạ ngài xong bèn từ biệt.



Ngày hôm sau, ước hẹn với thầy Thành Chuyết cùng nhau đi triều sơn núi Nam Nhạc. Từ Bảo Khánh đi độ năm ngày đường thì đến Dương Liễu Đường, chúng tôi leo phía sau núi mà lên, đi thăm các chùa ở Cửu Long Bình, Cổ Đại Bình, bên cạnh chùa có một cái hồ tên là Trĩ Đàm (Ngày trước, khi Hòa thượng Tam Muội mới đến đây, có một con rồng hóa thành chim trĩ từ giữa hồ vỗ cánh bay lên, hòa thượng bèn truyền tam quy ngũ giới cho nó). Kế đó chúng tôi đi thăm các chùa Mao Bình, v.v... Lại đi vòng qua đỉnh Thiên Quế, đỉnh Yên Hà, rồi từ đỉnh Chúc Dung đi xuống, đến miếu Nam Nhạc, sau đó đến nghỉ đêm tại một trà am.



Trong am gặp một du tăng, tôi bèn hỏi đường. Thầy ấy nói: "Lúc này bọn thổ tặc rất lộng hành. Hiện nay bọn chúng đang lẫn lút ở các vùng như Thương Đức, Tào Châu, Long An, Kinh Châu, v.v... Ở đó quan quân phòng vệ rất nghiêm mật, thế nhưng quan quân phần lớn lại là bọn bất lương, thường thường đoạt lấy hành lý của các vị du tăng, rồi lại còn vu khống là gian tế. Oan khuất không biết đâu mà biện bạch, thọ nhận khổ não một cách oan uổng. Các thầy chớ nên xuống núi!"

Tôi và thầy Thành Chuyết, tai tuy nghe như thế, nhưng lòng vẫn không nao núng, nghĩ thâm: "Chẳng lẽ đã vượt qua ngàn dặm sơn khê mà lại không được lợi ích gì hay sao?", bèn đến hỏi vị Trụ trì xem có con đường nào khác hay không. Thầy ấy nói: "Thời thế loạn lạc, quý thầy nên tạm ở lại đây một thời gian, đợi đến khi thái bình lên đường cũng không muộn. Làm gì phải cấp bách như thế."

Tôi nói: "Chúng con đã quyết định, vả lại thời gian cũng không chờ đợi mình. Xin thầy chỉ đường đi khác, chúng con rất tạ ơn."

Thầy ấy nói: "Tuy có đường khác, nhưng rất là hoang dã. Đường này rất ít người qua lại, một mạch chỉ toàn là rừng núi. Phải từ Kiềm Dương đi đến Hội Thông, qua huyện Lão Lâm, đến chùa Từ Hóa ở Phổ An, hỏi đường đi đến huyện Vạn Tải, từ đó đi đến phủ Thụy Châu thì có thể đến tỉnh thành Giang Tây. Như vậy thì sẽ không đi qua những vùng mà bọn thổ tặc hoành hành."

Sáng hôm sau chúng tôi y theo lời dặn khởi hành, quả thật chỉ thấy núi non trùng điệp, không thấy làng xóm nào cả, đúng là vùng đất cực kỳ hoang dã. Mỗi sáng, chúng tôi hoặc là ăn một buổi rồi đi cho đến tối, hoặc là ôm

bụng trống lên đường. Mỗi ngày đi không dưới bảy tám mươi dặm.



Hơn nửa tháng sau chúng tôi đến tỉnh Giang Tây, tá túc tại chùa Tháp Hạ, sau khi nghỉ độ ba ngày, chúng tôi lại đến huyện Đức An, khi đến Lô Sơn, chúng tôi đi thăm các chùa nổi tiếng như Quy Tông, Khai Tiên, Ngũ Nhũ, v.v...

Một hôm đi đến am Vạn Tùng lúc trời đã xế chiều, chúng tôi gõ cửa am xin tá túc, thì vị Trụ trì nổi giận đóng cửa lại không cho chúng tôi vào. Một lúc sau trời tối, dưới ánh sao lấp lánh chúng tôi thấy bên cạnh đường có một tảng đá lớn, phía dưới có một khoảng trống dài độ hơn một trượng, ba người chúng tôi bèn đặt bồ đoàn ngồi nghỉ. Một lúc sau, vị Trụ trì mở cửa am bước ra lớn tiếng xua đuổi, chúng tôi tự trách thầm số phận vô duyên của mình, hơn nữa, cảm thấy thương xót sự ngu si của vị ấy, bèn không đếm xỉa đến lời xua đuổi, cố ngồi lì ở đó một đêm. Sáng hôm sau, ánh mặt trời vừa le lói ở phương đông là chúng tôi tiếp tục lên đường. Đến Diệp Bình dừng sáng, sau đó đi đến

Sái Cốc Trạch, Ngưỡng Thiên Bình, rồi đến Kim Trúc Bình, đến lúc trời xế chiều thì tá túc ở chùa Đông Lâm. Thiên đường ở phía sau chùa, còn phòng khách tâng thì chỉ có ba gian, mà lại tàn tạ không thể tưởng tượng, chung quang cỏ mọc cao khoảng ba tấc, tường vách nứt nẻ, mái ngói loang lổ, cửa cái cửa sổ đều không còn phen che. Trong chùa có một ngôi điện thờ đột nóc, chúng tôi vào đó lễ Phật, thấy bụi bặm bám đầy, bèn câu chim én làm ô uest cả điện thờ. Tôi với thầy Thành Chuyết quét dọn sạch sẽ, đặt bồ đoàn phía bên trái bàn Phật, bàn với nhau là ngồi niệm Phật một đêm, để khỏi phải uống công đến Cổ Bạch Liên Xã này. Chẳng ngờ thầy tri sự từ trong chùa đi ra, cho rằng chúng tôi không báo cáo với các vị chấp sự mà tự ý di động đồ vật trong điện thờ, bèn lớn tiếng quở trách và xua đuổi chúng tôi không cho tá túc. Đến cổng chùa, có một vị sư già phụ trách hóa duyên, mời chúng tôi ở lại dùng cơm và tá túc trong phòng của vị ấy, nhưng thầy tri sự lại đến, la rầy vị sư già, rồi lại lấy nước tạt dưới đất cho ướt, mục đích làm cho chúng tôi không thể nằm ngồi được trên mặt đất. Chúng tôi cảm tạ vị sư già xong bèn ra khỏi cổng chùa. Tôi nói với thầy Thành Chuyết và Giác Tâm: "Chúng ta nhiều đời đã gieo trồng hạt giống không tốt đối với vị ấy, thành thử hôm nay phải trả quả báo. Chúng ta nên xem họ như thiện tri thức của mình, giúp cho chúng ta thành tựu hạnh nhẫn nhục, không nên khởi tâm oán hận."

Thế nhưng lúc này không có chỗ nghỉ ngơi. Thầy Thành Chuyết nói: "Lúc này khi qua đây, thấy phía dưới đường lộ có một khóm cây rậm rạp, chúng ta có thể vào đó tạm nghỉ đêm."

Chúng tôi bèn xuống đường tìm đến nơi, té ra là một ngôi mộ cũ. Ba người trải bồ đoàn dưới đất mà ngồi. Bốn bề tịch mịch không một tiếng động, lại thêm bầu trời đen kịt không một ánh sao đêm. Khoảng canh một bỗng nghe có tiếng hô lớn: "Bắt trói nó lại." Bốn bề đều có tiếng người họa theo: "Bắt trói bọn tặc lại."

Tôi nói với thầy Thành Chuyết: "Nếu như vị đó muốn hạ độc thủ, đem người lại truy lùng, cũng khó mà biện bạch, biết đâu đây cũng là định nghiệp của chúng ta."

Đến lúc trời sáng, nghe từ xa có tiếng nhạc ngựa, thì mới biết bên ngoài có một con đường lớn thông qua. Chúng tôi cảm thấy an tâm hơn một chút, bèn ra khỏi khóm cây. Thấy ngoài ruộng có người, bèn hỏi: "Tối hôm qua nghe bốn phía đều có người hò hét, không hiểu có việc gì?"

Người ấy trả lời: "Lúc này ruộng lúa đã chín, thành thử mấy người canh ruộng phải làm như vậy để dọa nạt bọn trộm cắp."

Bọn tôi ba người nghe xong đều cười ồ cả lên.



Chúng tôi đến viếng chùa Tây Lâm, tá túc một đêm, sau đó đi đến phủ Cửu Giang thì mặt trời đã lặn về tây, các chùa am ở ngoài thành đều không cho tá túc, nói rằng vì bị luật pháp nghiêm cấm, qua sông thì mới có chỗ nghỉ đêm. Chúng tôi chỉ còn cách nhịn đói qua sông, đến giữa sông thì gã lái đò đòi tiền, tôi bèn cởi giày buộc ống quần đưa cho hắn. Có một đạo sĩ ngồi bên cạnh thấy thế bèn móc tiền ra trả giúp cho chúng tôi. Sau khi lên bờ, hỏi những người bên cạnh chỗ để tá túc, thì họ cho biết trong vùng lân cận không có chùa am nào cả, nếu như đi dọc xuống bờ đê độ bảy chục dặm đến Tạc Cảng, nơi đó có một vùng tên là Ngũ Tổ Ly Mẫu Đôn, ở đó có một trà am, cho phép người xuất gia tá túc. Tôi nói với hai thầy Thành Chuyết và Giác Tâm: "Chúng ta quả thật đã bị lừa, đường đến am còn xa, mà gió

tây nam lại bắt đầu thổi mạnh, mỗi người phải cố gắng đi nhanh, không thể đứng ở đây mà do dự được nữa!"

Trong cơn gió buốt thổi tạt vào mặt, ba người cúi đầu làm lũi dưới ánh trăng, mãi hơn nửa đêm mới đến. Chúng tôi gõ cửa xin vào tá túc, rất may vị tăng Trụ trì là người có đạo tâm, liền mở cửa mời chúng tôi vào. Thầy ấy hỏi chúng tôi lý do tại sao phải đi trong đêm khuya như vậy. Chúng tôi bèn tường thuật lại những sự việc xảy ra, thầy ấy thở dài an ủi chúng tôi đã hành cước gian khổ, sau đó bèn vui vẻ pha trà đãi khách. Tôi xúc động nói: "Không đến vùng Cửu Giang làm sao biết chỗ này có tình đạo như vậy!"

Sáng hôm sau, sau khi dùng sáng, tôi bèn hỏi đường, thì biết các tổ đình đều bị hư hỏng, thế nhưng có điều may mắn là tất cả đều đã được Hòa thượng Tam Muội tu sửa lại, nghe xong chúng tôi bèn đến các nơi đó để thăm viếng. Trước tiên chúng tôi đến huyện Hoàng Mai, lên núi Phá Ngạch lễ Tứ Tổ Đạo Trường, kế đó đến núi Mã Mậu lễ Ngũ Tổ Đạo Trường, kế đó đến chùa Cao Sơn lễ Tịnh Giám Tổ Đạo trường, sau đó qua đến chùa Chí Lão ở Linh Đương Lãnh lễ Thiên Tuế Bảo Chương Tổ Đạo Trường, rồi lại đến huyện Tiềm Sơn lễ Tam Tổ Đạo Trường, sau đó đến huyện Thanh Dương, lên núi Cửu Hoa triều sơn. Từ Đại điện nhìn xuống thấy có một cái am, chúng tôi bèn đến xin

tá túc, thế nhưng ở đây không có dùng cơm chiều. Sáng hôm sau chúng tôi ngồi một hồi lâu, thì vị trụ trì nói: "Am chúng tôi nghèo, chỉ cho tá túc chứ không cung cấp thực phẩm. Quý thầy có thể đến tiệm xin cơm ăn." Tôi nói với hai thầy bạn: "Tiệm cơm mặn làm sao có thức ăn chay?" Do đó chúng tôi lên điện lễ Bồ tát xong, liền nhịn đói xuống núi. Đi hơn mười dặm, đến một cái am dùng sáng.



Đến phủ Thái Bình, nghe có Pháp sư Duy Ngô tại Thanh Sơn giảng kinh Pháp Hoa, nơi đó cách phủ lý không xa. Chúng tôi ba người vui mừng hỏi đường tìm đến. Đến nơi thì mặt trời đã ngã về tây, thầy Tri sự thấy chúng tôi mang gậy, nón, bồng đoàn bèn không cho tá túc, chúng tôi cầu khẩn đôi ba lần, thầy ấy thấy trời đã tối mịt đường xá khó đi, bèn kêu người dẫn chúng tôi ra khỏi chùa đến một miếu thổ địa ở ven đường để nghỉ qua đêm. Chúng tôi đem bồng đoàn chõng lên với nhau rồi ngồi đối diện. Tôi nói: "Chúng ta đã vì pháp mà đến, chẳng lẽ lần này về không?"

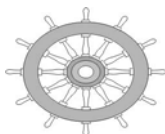
Sáng hôm sau chúng tôi vào chùa ăn sáng, nghe xong một thời pháp liền xuống núi, vào trong xóm khát thực, ăn xong chúng tôi hỏi đường rồi tiếp tục cuộc hành trình.



Ngày mùng mười lúc giờ ty, chúng tôi đến Nam Kinh, từ xa chiêm ngưỡng bảo tháp của chùa Báo Ân. Bảo tháp cao vút hiện rõ trên nền trời, dưới ánh mặt trời lại càng tỏ lộ những màu sắc chói lọi huy hoàng. Chúng tôi vào trong lễ Phật, sau đó đi nhiều tháp. Đến trưa bụng đói bèn hỏi những người đến lễ tháp rằng chỗ nào có trai đường tiếp đãi chúng tãng. Có người chỉ dẫn, nói: "Trai đường ở hành lang phía nam của Tam Tạng Điện."

Chúng tôi đến đó lễ Phật xong bèn ngồi một bên điện thờ. Tuy thấy có chúng tãng ra vào, nhưng không có người nào đến hỏi han cả. Chúng tôi không biết vì lý do gì, bèn đứng dậy ra ngoài, gặp một vị sư già liền hỏi lý do, thầy ấy cho biết: "Nam Kinh là nơi giảng pháp thiên đường. Nếu như y phục giày dép tề chỉnh thì là khách tãng thanh lịch,

sẽ có người ra tiếp đãi, còn các vị là du tăng hành cước, thành thử không có người đến hỏi han."



Nghe xong chúng tôi bèn đi vào thành, đến am Đại Phật ở phía tây Chung Cổ Lâu tá túc. Am này không có chánh điện, chỉ thấy họ dùng mái lợp bằng cỏ che ở phía trên tượng Phật. Vị Trụ trì là một bậc chân tu, vì chùa nghèo, cho nên mỗi bữa ăn chỉ có thể đãi khách một bát cơm. Thấy chúng tôi đến, thầy rất vui mừng, hỏi từ đâu đến. Chúng tôi trả lời từ Vân Nam đến, thầy ấy nói: "Vị tri sự chùa Hưng Thiện, hiệu Ấn Ngô, cũng là người đồng hương của quý thầy, quý thầy có thể ghé qua thăm, thầy ấy chắc chắn sẽ cho quý thầy tá túc."

Trưa hôm sau chúng tôi đến đó xin tá túc, thấy các vị khách tăng dùng cơm nấu bằng gạo cũ đã bị mối mọt, còn thức ăn chỉ có ít dưa chua mốc meo hôi thối. Chúng tôi đến các liêu phòng để thăm hỏi các vị tăng trong chùa, thì thấy các vị tăng thường trú ăn cơm gạo trắng, thức ăn toàn thứ tươi ngon đúng mùa. Đệ tử của thầy tri sự, hiệu Khuếch Nhiên, cũng là người Vân Nam, nhận ra giọng nói của chúng tôi. Tối đến bèn đến phòng chúng tôi hỏi thăm què

quán, tôi nói: "Chúng tôi là người Quý Châu." Thày ấy lại hỏi tiếp, ý muốn lưu giữ chúng tôi lại, tôi nói với thầy Thành Chuyết và Giác Tâm: "Chúng ta từ vạn dặm đến đây, phải nên y chỉ những vị thiện tri thức có đạo đức. *Đối với những người không biết tưởng nghĩ đến đại chúng, chúng ta chẳng thà ăn uống đạm bạc, chứ quyết không thân cận họ.*"



Nghe có Pháp sư Giác Ngộ giảng kinh Lăng Nghiêm ở am Viên Giác, bèn đi ra khỏi thành để nghe kinh, gặp thí chủ cúng trai tăng. Mỗi mâm hai người thì có bốn đĩa thức ăn. Tôi cùng một vị du tăng dùng chung một mâm. Tôi giữ uy nghi ăn uống chậm rãi, còn vị tăng ngồi đối diện thì đưa đũa gắp không ngừng, chỉ một loáng là vị ấy đã lùa sạch bách. Sau bữa trai tăng, ra khỏi cửa chùa, tôi nói với hai bạn: "Chúng ta sau này nếu có nhân duyên tổ chức trai tăng, không luận là mấy món thức ăn, tất cả đều đựng vào một bát lớn, để cho mọi người được thuận tiện. Thứ nhất là làm cho tư cách của các vị tăng trở nên trang nghiêm, thứ hai là làm cho thí chủ sanh khởi lòng kính trọng. Nếu làm

như vị tăng ngày hôm nay, ắt là mất hết thể cách, có khác gì người đời."



Chúng tôi lại đến thăm chùa Phổ Đức, tá túc trong thiền đường. Tối hôm đó chúng tôi bàn với nhau: "Bây giờ tháng mười sắp sửa qua mùa đông, nếu tiếp tục đi, e rằng sẽ bị lạnh, chỉ bằng tạm tá túc ở đây, qua đến mùa xuân trời ấm sẽ tiếp tục cuộc hành trình."

Sáng hôm sau, sau bữa ăn sáng, chúng tôi tìm vị tri sự xin tá túc, thầy ấy nói: "Hai người chúng tôi còn không cho tá túc, huống hồ là ba." Kế đó thầy ấy quay nhìn tôi, nói: "Chức hương đang ở Chung Bản Đường giao cho mình thầy."

Tôi cười nói: "Tay chân con vụng về, không làm hương được."

Chúng tôi bèn tom góp hành lý ra khỏi chùa. Tôi nói với thầy Thành Chuyết và Giác Tâm: "Các tùng lâm trong

thành phố không cho ba người tá túc, như vậy chúng ta phải tạm chia tay, trú qua mùa đông. Hẹn vào cuối tháng chạp gặp nhau. Nghe nói núi Bảo Hoa chú trọng đến việc học tập kinh điển. Tôi sẽ đến đó học tụng chú Lăng Nghiêm."

Thầy Thành Chuyết nói: "Tôi với thầy Giác Tâm sẽ đến Tổ Đường. Khi nào thầy học xong chú thì qua đó gặp."

Tôi đem bồ đoàn đổi lấy tám ngọ cụ của thầy Giác Tâm rồi sau đó chúng tôi chia tay nhau.



Tôi lên đến lưng chừng núi Bảo Hoa thì trời đã nhá nhem, bèn xin vào tá túc ở am Thạch Môn. Buổi tối ngồi uống trà, tôi hỏi thầy Trụ trì: "Nghe núi Bảo Hoa rất chú trọng đến việc học tập kinh điển, con muốn đến đó."

Thầy Trụ trì nói: "Trong núi có một vị sư già, cũng là người Vân Nam, ở miền bắc cũng đã lâu. Thầy ấy đến núi này cũng khoảng mười năm, và đã đọc Đại Tạng Kinh ba lần rồi. Thầy ấy là người rất siêng năng hiểu học. Tôi cũng

đã từng học với thầy ấy. Chùa đó tương đối ít người, chỉ có bốn vị chấp sự, may mắn là họ nấu ăn chung với nhau chứ không nấu ăn riêng. Tuy ngày ba bữa đạm bạc, nhưng nếu có khách tãng đến, họ đều tiếp đãi và cho tá túc. Thầy đã có ý định lên núi học tập, phải nên xả bớt, không nên nệ hà với nếp sống đạm bạc ở đó."



Sáng hôm sau tôi lên đến chùa, lễ Phật xong bèn để một ngày đi xem quang cảnh và thăm hỏi các vị tãng trong chùa. Sâu kín trong lòng, tôi có cảm tưởng nơi đây rất là quen thuộc, hình như đã có đến rồi. Tôi đến đánh lễ thầy thủ tòa, cầu học chú Lăng Nghiêm. Thầy ấy hỏi tôi là người vùng nào? Xuất gia được mấy năm? Chú Lăng Nghiêm đáng lẽ phải nên học tập trước hết.

Tôi nói: "Con là người Vân Nam. Vừa mới xuất gia là đã đến Giang Nam, vả lại không biết chữ, thành thử chưa đọc tụng."

Thầy ấy bèn chấp thuận, nói với tôi: "Thầy ở trong chùa này, có thể phụ giúp công việc hành đường, hãy tạm ngủ dưới nhà trù."

Đến tháng mười một, chén bát bị đông đá dính vào với nhau, khó tách ra được, cho nên mỗi khi rửa bát tôi đều dùng khăn lau khô, để sáng hôm sau khi dùng đến, chén bát có thể được tách ra dễ dàng. Thấy thầy phụ trách việc gánh nước trong chùa, một mình không thể cung cấp kịp số nước cần dùng, tôi bèn phụ giúp thầy ấy. Thầy điển tọa, hiệu là Liễu Nhiên, trẻ tuổi lại lanh lợi, thế nhưng mỗi khi nhà kho đem đồ vật đến, hoặc gạo hoặc thức ăn, thầy ấy đều giữ lại một mớ. Một buổi sáng tôi học chú xong, quay về nhà trù, thầy điển tọa để dành cơm mời tôi dùng. Tôi hỏi: "Mọi người đều ăn cháo, cơm này từ đâu tới?"

Thầy ấy nói: "Tôi có hảo ý để dành cơm cho thầy ăn, tại sao thầy lại truy hỏi?"

Tôi nói: "*Kẻ đại trượng phu lẽ nào lại dùng thức ăn không chính đáng.*"

Nói xong liền đứng dậy ra ngoài. Từ đó mấy người trong nhà trù liên kết với nhau, không cho tôi ở chung. Thầy điển tọa bàn riêng với thầy tri sự, nhân vì không có

người làm hương đăng, bèn tống tôi đến Bản Đường để phụ trách việc nhang đèn và đánh bản. Chỗ tôi ngủ là một gian phòng lớn mà chỉ có một mình tôi, cho nên giống như nằm trong phòng nước đá. Có một vị sư già, hiệu Vân Sơn, vốn là một vị hoạn quan xuất gia, rất có đạo tâm, thấy tôi là người có chí cao, an bàn thủ đạo; một hôm trời tối đen, thầy ấy đẩy cửa vào phòng, đến gần nói nhỏ vào tai tôi: "Tặng cho thầy tấm mền này để đắp cho đỡ lạnh." Nói xong thầy ấy bèn len lén ra khỏi phòng. Tôi đưa tay sờ thử, thì thấy giống như bông nhưng hơi cứng, đắp lên cũng chẳng thấy ấm gì hơn. Sáng hôm sau nhìn kỹ, thì ra đó là một tấm mền bông cũ đã vá đi vá lại không biết bao nhiêu lần. Món quà tuy như thế, nhưng tôi cảm thấy rất cảm kính lòng từ bi chiếu cố của vị ấy. Đến ngày mười sáu tháng chạp, sau khi học chú xong, tôi đến lễ tạ thầy Thủ tòa, thầy ấy nói: "Ngày mùng một tết, có một vị cư sĩ họ Tang ở trấn Hà Khẩu đến chùa lay Lương Hoàng Sám, thầy nên đọc bộ đó cho thạo, có thể dùng tiền cúng dường trong dịp này mà sắm áo mền."

Tôi đã hẹn với hai thầy Thành Chuyết và Giác Tâm gặp nhau vào ngày đó, nên hoàn toàn không cảm thấy quan tâm đến vụ lễ sám này. Đến ngày hai mươi tám tháng chạp, trời mới hừng sáng, tôi liền hướng về phòng thầy thủ tòa lay ba lay xong liền xuống núi. Đến Đông Dương hỏi

đường đến Tổ Đường. Đi hơn một trăm dặm, mãi đến tối mới đến nơi. Hỏi hai thầy Thành Chuyết và Giác Tâm thì thầy tri khách nói: "Mấy ngày trước hai vị ấy đi triều sơn ở Nam Hải, khi đi có dặn là khi nào thầy Thiệu Như ở núi Bảo Hoa đến, thì bảo thầy ấy đến Nam Hải gặp nhau."

Sáng hôm sau tôi bèn lên đường. Khi qua vùng Ngưu Thủ thì gặp thầy Đốn Tu, lúc trước đã từng gặp nhau ở am Vân Thủy ở Quý Châu, thầy ấy cố gắng giữ tôi ở lại đón năm mới. Ngày hôm sau, sau bữa ăn sáng, tôi không từ già, chỉ lặng lẽ lên đường. Đến chùa Linh Cốc vào chiều ngày ba mươi tết, trong phòng khách tặng phần lớn là dân giang hồ, bọn họ làm ồn ào náo loạn cả lên. Các nơi khác trong chùa lại không có chỗ trống để nghỉ đêm, tôi bèn ngồi ở phía sau cánh cửa cho đến khi trời sáng. Sau khi ăn sáng tôi bèn lên đường, vừa đến cổng chùa thì gặp thầy tri sự, hiệu là Hoàng Truyền. Thầy ấy hỏi tôi: "Hôm nay là ngày mồng một, tại sao lại lên đường. Mời thầy ở lại nghỉ ngơi một vài ngày."

Thấy thầy ấy có vẻ ân cần, tôi bèn trở vào, dùng cơm trưa xong, tôi lại tiếp tục lên đường. Đi được khoảng hai mươi dặm bèn tá túc tại một am nhỏ.



Ngày mồng hai nghỉ ở am Bản Kiêu, ngày mồng ba lúc đang trên đường đi bỗng gặp thầy Thành Chuyết. Tôi hỏi: "Hai thầy cùng đi triều Nam Hải, tại sao chỉ có một mình thầy trở lại?"

Thầy Thành Chuyết trả lời: "Đến huyện Vô Tích, thầy Giác Tâm đến Nam Hải trước, tôi sau đó đến Hàng Châu thì nghe Hòa thượng Tam Muội tại Cự Lộ Lãng núi Ngũ Đài truyền "hoàng giới", thành thử quay lại tìm thầy để cùng đi với nhau."

Tôi nói: "Đường đi đến núi Ngũ Đài còn rất xa, mà việc truyền "hoàng giới" cũng chưa chắc đã có thực. Chi bằng đi đến am Cổ Lâm ở Nam Kinh thọ giới. Nơi đó cũng là do Hòa thượng Cổ Tâm khai sáng. Thầy nghĩ thế nào?"

Sau đó chúng tôi bèn đến am Cổ Lâm xin thọ giới. Thầy tri khách nói: "Mỗi người phải đóng lệ phí một lượng năm tiền. Ngoài ra y, bát phải tự lo liệu." Thầy Thành Chuyết có y mà không có tiền, còn tôi thì y và tiền đều

không có, chỉ có một xâu chuỗi làm bằng gỗ nạm vàng của vùng Vân Nam, bèn đưa cho thầy tri khách để làm tiền đóng lệ phí và may y. Thầy ấy cầm lấy tỏ vẻ chấp thuận, quay mình bước vào phòng. Tôi là người thính tai lạnh mắt, thoáng thấy có người ở trong phòng lén nhìn ra, lại nghe bọn họ thì thầm với thầy tri khách: "Hai gã này có lẽ là dân giang hồ, sợ không biết xâu chuỗi này từ đâu tới."

Kế đó, thầy tri khách bước trở ra nói với chúng tôi: "Thường trụ không nhận, các vị tự đi lo liệu y bát xong rồi trở lại."

Tôi lấy lại xâu chuỗi rồi đi ngay; thầy ấy giữ chúng tôi ở lại dùng cơm trưa, tôi nói: "*Ròng thì phải trở về biển lớn, lẽ đâu lại cam phận ở trong vết chân trâu.*"

Liền đi đến am khác xin tá túc. Ngày hôm sau qua sông Trường Giang đến Phố Khẩu.



Ngày mười bốn tháng giêng, đang ở Hồng Tâm Phố, thì nghe bọn cướp đến, nam nữ la khóc, quăng con ném vợ, thê thảm không thể tưởng tượng. Tôi và thầy Thành Chuyết, bụng không một hạt cơm, cổ không một giọt nước, từ sáng cho đến tối, đào tẩu hơn một trăm dặm, đến tối hôm đó, tá túc tại Tam Phố. Ngày mười lăm, bọn cướp phá Phụng Dương, đốt lăng Hoàng đế. Tôi và thầy Thành Chuyết chạy đến nghỉ đêm ở Bắc Từ Châu. Ngày hôm sau muốn qua sông Hoàng mà không có thuyền, bèn ngồi trên bờ sông đợi, đến trưa, có mấy viên chức đem ngựa đến kéo thuyền vào bến, chúng tôi bèn lên thuyền qua sông. Đến giữa sông, nước xoáy mạnh, gã lái thuyền vì uống rượu say, đôi tay mềm nhũn, giữ lái không vững, lại thêm thuyền cũ rỉ nước, mấy viên chức trên thuyền quynh quáng cả lên, miệng lớn tiếng cầu trời khẩn đất. Chúng tôi hai người chỉ biết chuyên tâm niệm Phật. Cũng may có một cơn gió nhẹ thổi đến, đẩy thuyền vào bụi lau chỗ nước cạn, chúng tôi hai người bèn dùng hai tay nắm vào cỏ lau, từ từ bơi vào bờ. Tối hôm đó ngủ tạm tại một ngôi miếu hoang.



Ngày hôm sau chúng tôi tiếp tục cuộc hành trình dài đến núi Ngũ Đài, ban ngày thì dãi dầu mưa nắng, ban đêm thì lặn lội gió trăng, hoặc vào xóm làng khát thực, hoặc xin thức ăn của nông phu. Đến ngày mùng một tháng ba, chúng tôi đến cửa Trường Thành, qua khỏi Quan Long Tuyền thì vào đến đất Sơn Tây. Chúng tôi đến Cự Lộ Lãn ở núi Ngũ Đài. Phòng dành cho khách tăng thập phương ở phía ngoài cổng chùa. Sau khi được an bài chỗ nghỉ, chúng tôi đi đến phòng Phương trượng định đánh lễ Hòa thượng Tam Muội, nhưng hai vị tăng người miền bắc giữ cửa nói với chúng tôi: "Có hương nghi mới cho vào, còn không thì mời ra ngoài."

Chúng tôi thấy hai vị đó ăn nói thô lỗ, biết không cách nào phân trần, bèn trở về phòng. Tôi than thở với thầy Thành Chuyết: "Chúng ta từ vạn dặm xa xôi đến đây, bây giờ không có hương nghi lại không được gặp mặt thiện tri thức."

Thầy Thành Chuyết nói: "Chớ lo, sáng mai hai người giữ cửa đi ăn sáng, chúng ta đến đánh lễ ngài."

Sáng hôm sau chúng tôi nhịn đói, đi thẳng vào phòng Phương trượng đánh lễ. Hòa thượng hỏi: "Hai thầy từ đâu đến?"

Tôi trả lời: "Chúng con từ Vân Nam đến."

Hòa thượng lại hỏi: "Đến đây làm gì?"

Nhân vì chúng tôi không có y bát nên không dám nói đến xin thọ giới mà chỉ nói đến triều sơn núi Ngũ Đài. Hòa thượng nói: "Vân Thù ở trong tâm các thầy, các thầy lại đi triều sơn. Phải nên nghĩ đến chuyện chân thực tu hành."

Chúng tôi lạy tạ xong ra khỏi phòng. Do nhân duyên này tôi phát nguyện: *"Ngày sau nếu làm thiện tri thức, quyết sẽ không nhận lễ nghi của khách tăng, để cho những vị tăng nghèo được đến gặp mặt dễ dàng."*



Chúng tôi bèn trèo núi, lên đến chùa Tháp Viện, trong chùa có hai vị huynh đệ phát tâm tụng năm bộ kinh lớn trong ba năm. Các vị ấy, sau khi biết chúng tôi từ Vân Nam đến bèn vui vẻ mời ở lại. Thầy Thành Chuyết tự nguyện phụ trách việc gánh nước, nhường tôi lên điện tụng

kinh với các vị ấy. Thầy Thành Chuyết, sau khi hoàn tất công việc, thường chuyên tụng kinh Pháp Hoa. Ngoài những thời gian lên điện tụng kinh ra, tôi chuyên tâm đọc bộ Lăng Nghiêm Nghĩa Hải. Chúng tôi, miệng thì không nói chuyện tạp nhạp, mà chân thì cũng không tản bộ đó đây. Nửa đêm, lúc xả thiền, các chùa lớn nhỏ ở núi Ngũ Đài đều dùng bột lúa mạch nấu thành cháo đặc mà ăn. Vị Trụ trì trong chùa Tháp Viện là thầy Đức Vân, cùng các vị tăng trong chùa thấy chúng tôi siêng học, cả một tháng không hề thay đổi, đều sinh lòng tin tưởng kính mến, bèn mời chúng tôi đến dùng cháo chung với họ.

Tôi bàn với thầy Thành Chuyết: "Chúng ta đọc kinh trong phòng làm cho mọi người ngủ không yên. Điện Già Lam buổi tối có thắp đèn lưu ly, mà trong đó lại không có người. Chi bằng chúng ta đến chỗ đèn lưu ly đọc sách. Thứ nhất là không quấy nhiễu người khác, thứ hai là yên tĩnh dễ chú tâm. Đến khoảng nửa đêm thì đi nghỉ."

Tại núi Ngũ Đài, mùa xuân mùa thu khí trời đã rất lạnh, hướng hồ mùa đông. Đến tháng mười, chúng tôi quần áo đơn bạc, tay nâng quyển kinh, đứng dưới đèn lưu ly để đọc. Lúc đang chuyên chú thì quên hết cảnh vật, không cảm thấy lạnh, nhưng đến lúc ngừng lại, xếp kinh để đi nghỉ, thì mới cảm thấy mấy ngón tay tê cóng không thể co giãn, hai

bàn chân gần như không còn di động được nữa, toàn thân run lẩy bẩy, sự giá buốt hình như thấm vào tận trong gan phổi. Tuy thế, chúng tôi vẫn không nản lòng, trái lại chí nguyện càng ngày càng kiên cố.



Qua mùa xuân là đời Sùng Trinh năm thứ chín. Ngày đầu tháng hai, thầy Giác Tâm đi triều Nam Hải trở về lại Nam Kinh, tìm đến núi Ngũ Đài gặp chúng tôi. Vào giữa tháng ba, có một vị tăng người Hồ Nam đến triều sơn núi Ngũ Đài, hiệu là Kiếu Như. Thầy ấy đã từng cùng chúng tôi tại phủ Bảo Khánh nghe Đại sư Chuyên Ngu giảng Lăng Nghiêm Tứ Y Sở. Thấy chúng tôi trong chùa, thầy bèn đến hỏi thăm. Có người hỏi lý do tại sao biết chúng tôi, thầy ấy bèn tường thuật lại việc chúng tôi đi hành cước cho mọi người nghe. Thầy Trụ trì Đức Vân sau khi nghe xong câu chuyện bèn thiết trai, tập họp tất cả đại chúng trong chùa, mời tôi giảng kinh Lăng Nghiêm. Nhân vì được mọi người trong chùa đối đãi quá hậu hĩ thành thử tôi không thể từ chối. Đến ngày mùng một tháng bảy thì giảng xong.

Từ lúc đến núi Ngũ Đài đến nay, chúng tôi chỉ ở chùa Tháp Viện, chưa có dịp đi thăm các chùa khác trong vùng. Thế nên, ngày mồng ba chúng tôi lên núi Đông Đài, thầy Trụ trì ở đó tiếp đãi chúng tôi theo nghi lễ tiếp đãi các vị pháp sư. Kế đó, chúng tôi đến núi Bắc Đài, thầy tri sự ở đó cũng tiếp đãi chúng tôi như thế. Nhân đây trong tâm tôi cảm thấy hổ thẹn, thành thử không dám tiếp tục đi thăm các chùa khác nữa.



Đến ngày mồng tám, chúng tôi đến cáo từ thầy Trụ trì và chư tăng để đi Bắc Kinh cầu Hòa thượng Tam Muội truyền giới. Thầy Trụ trì cố gắng giữ chúng tôi lại không muốn cho đi, nhưng thấy tôi tâm chí kiên quyết, không muốn ở lâu, thành thử thầy ấy bèn chuẩn bị ba con la để đưa chúng tôi lên đường. Chúng tôi cùng nhau đến Cự Lộ Lãnh tá túc một đêm. Ngày hôm sau, thầy Đức Vân chưa nữ chia tay, theo tiễn chúng tôi đến Thọ Hạ Viện ở Đường Lê. Sáng hôm sau, sau khi ăn sáng, chúng tôi bèn bái biệt, thầy Đức Vân nước mắt quanh tròn, chúc chúng tôi lên

đường, nói: "Sau khi thọ giới xong, mời quý thầy trở lại Ngũ Đài. Xin đừng phụ lòng mong đợi của chúng tôi."



Ngày mười chín tháng bảy, chúng tôi đến phủ Bảo Định, bèn đến tá túc tại chùa La Hầu ở phía tây cầu Phương Thuận. Thầy Thành Chuyết, lúc ở núi Ngũ Đài đã từng hẹn với một vị đạo sĩ, nên đến Thường Châu gặp vị ấy. Khoảng xế trưa ngày hôm sau, chúng tôi ra phía ngoài chùa tản bộ, thấy phía xa có một khu rừng rậm rạp, bèn cùng các bạn đồng hành sáu người đến đó. Vì ham hóng mát, chúng tôi đã ngồi mãi cho đến khi mặt trời xế bóng. Nhìn lên không trung, bỗng thấy có mấy cụm mây hình như bụi mù, sau đó lại nghe tiếng người nhốn nháo từ xa vẳng lại. Từ từ đám bụi ùn lên như mây, một lúc sau, chúng tôi thấy một đám người già trẻ nam nữ từ xa ùn ùn chạy đến như núi lở sóng trào, mới biết là quan quân đang truy lùng tới. Những người đang ngồi bèn chạy tán loạn, chỉ còn thầy Giác Tâm là chạy theo tôi. Hai chúng tôi không thể trở lại chỗ cũ, mà cũng không thể đi theo đường lớn, bèn tất tả chạy về hướng nam. Mỗi đêm chỉ tá túc ở những am nhỏ, ngoài ra mỗi ngày chỉ ăn được một bữa.



Trèo non lội suối, đi lạc đường, rồi lại đi đường vòng. Một hôm bụng đói, chúng tôi bèn tạm ngồi nghỉ ở dưới gốc cây bên cạnh một ngôi mộ. Tôi nói với thầy Giác Tâm: "Chúng ta từ Vân Nam đi xuống Giang Nam, rồi từ nam đi lên bắc, nay lại từ bắc xuống nam. Đi tới đi lui đã hơn hai vạn dặm. Lặn lội một cách vô ích, chí nguyện thọ giới vẫn chưa thành tựu. Thầy bốn sư đặt cho tôi hiệu Thiệu Như, là hy vọng tôi sẽ hoàng pháp lợi sanh; nay kể như tuyệt phận, thực cảm thấy rất hổ thẹn. Lại nữa, pháp danh của tôi là Độc Thể. Thể tức là thân, tức là pháp thân lý thể. *Độc* (Hán: Độc) *kinh là để hiểu lý, lý đã hiểu thì phải quên lời. Giống như nhân có ngón tay mới thấy được mặt trăng, thấy được mặt trăng rồi thì phải quên ngón tay.* Từ hôm nay tôi sẽ đổi hiệu là Kiến Nguyệt."

Hai chúng tôi càng nghĩ càng buồn, bất giác rơi lệ, không thể kềm chế được. Có một ông lão đi ngang qua, thấy chúng tôi ngồi thở than buồn bã, bèn hỏi lý do. Tôi bèn thuật lại nỗi khổ hành cước mà không toại được chí nguyện. Ông lão cũng than thở không nguôi, nói với chúng tôi: "Tôi

họ Lý, hiệu là Trường Trai Đạo Nhơn, ở một mình không có thân thuộc, hồi xưa làm nghề dạy học, nhân vì thời cuộc loạn lạc nên trở về nhà. Nhà tôi ở phía trước mặt. Xin mời hai thầy về nhà nghỉ một đêm, ngày mai lên đường."

Khi đến nhà ông lão, thì thấy nhà ông đã bị cướp sạch không còn một món. Ông lão đến nhà hàng xóm mượn một ít bột xấu, làm bánh cúng dường. Ngày hôm sau chúng tôi từ biệt lên đường.



Chúng tôi đi được sáu ngày thì đến Đại Đạo ở huyện Nam Cung. Đến trưa vẫn không có chỗ khát thực. Chúng tôi nhìn thấy phía xa có một cái am nhỏ, bèn đi đến đó. Tôi dặn thầy Giác Tâm ở ngoài, rồi bước vào am một mình. Thấy trong am chỉ có một vị sư già đang nhóm lửa mà không ai phụ giúp. Tôi chấp tay vái chào, nhưng thầy ấy làm ngơ như không thấy. Tôi bèn giúp thầy ấy nhóm lửa nấu cơm. Sau khi cơm chín, thầy ấy cũng chẳng mời tôi, cứ ngồi ăn một mình, tôi cũng lấy bát xúc cơm ăn. Hai người không nói với nhau lời nào. Thầy ấy vừa ăn xong một bát

thì tôi đã xúc bát thứ hai. Thấy thế thầy ấy bèn nói: "Trên đời chưa thấy ai như thầy, chủ chưa mời đã tự tiện lấy ăn."

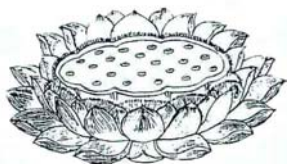
Tôi trả lời: "Trên đời cũng chưa thấy ai như thầy, thấy khách đến không mời cơm mà lại tự ăn trước."

Thầy ấy nghe thế bèn cười lớn nói: "Tôi cũng là người tu thiền. Ngày trước cũng đã từng đi tham phỏng các vị thiện tri thức. Vì không lịch duyệt nên phần nhiều phải nhẫn chịu đói khát, giống như thầy ngày hôm nay. Xin tùy tiện dùng cơm."

Tôi nói: "Ngoài cửa còn có một vị đạo hữu."

Thầy ấy vui vẻ nói: "Mời vào để cùng dùng cơm."

Hai chúng tôi dùng cơm no xong, xin cáo từ. Thầy ấy bèn giữ chúng tôi ở lại ba ngày.



Ngày mồng một tháng chín đến Qua Châu ở Giang Nam, tá túc ở am Tức Lãng, gặp một thầy người Vân Nam,

hiệu là Thanh Như. Bàn đến chuyện hành cước mới biết thầy ấy ở miền bắc gặp nạn đao binh nên trở về nam. Ngày hôm sau thầy ấy cùng chúng tôi qua sông, đến chùa Cam Lộ. Thầy tri sự, hiệu là Bình Tố, cũng là người cùng tỉnh với chúng tôi, từ lâu đã ở phủ Trấn Giang, có rất nhiều đệ tử. Thầy ấy rất thích những vị tăng từ Vân Nam đến Giang Nam cầu học. Thầy Thanh Như đến gặp thầy Bình Tố trước, nói về việc chúng tôi. Sau đó chúng tôi đến đánh lễ ra mắt. Thầy Bình Tố hỏi chúng tôi nguyên do gặp nạn đao binh, tôi bèn tường thuật lại câu chuyện, thầy ấy an ủi nói: "Tôi lúc nhỏ đi tham phỏng thiện tri thức, cũng đã gặp nhiều nghịch cảnh, nhưng đạo tâm không hề thoái chuyển. Ngày nay mới có những nhân duyên như vậy. Hai vị đi tìm thầy thọ giới, lên bắc xuống nam, gặp bao nhiêu việc gian nan mà vẫn không xao lãng chí nguyện ban đầu, ngày sau nhân duyên hồng pháp tự nhiên sẽ thù thắng. Hai thầy cứ an tâm ở lại đây. Sang năm, ngày nguyên đán năm Sùng Trinh thứ mười là ngày lâm nạn của mẹ tôi (nghĩa là ngày sinh nhật của tôi), tôi sẽ cho tụng năm bộ kinh lớn để báo ân. Hai thầy có thể tham dự tụng kinh. Còn chỗ ăn ở của hai thầy tôi sẽ lo liệu hết."

Chúng tôi tạm trú tại chùa cho đến hết kỳ tụng kinh báo ân mẹ thầy ấy thì cáo từ. Tôi nói: "Hòa thượng Tam Muội vẫn còn ở miền bắc, không thể lên được. Phải đợi Hòa

thượng vào nam rồi sẽ xin thọ giới. Hiện nay chúng con muốn đến chùa Thiên Đồng để tham thiền."

Thầy Bình Tố khen hay, bèn giúp chúng tôi chuẩn bị. Ngoài hành lý ra còn tặng chúng tôi mỗi người hai lượng rưỡi bạc làm tiền lộ phí.



Ngày mồng ba tháng hai, chúng tôi đến bến đò huyện Đan Dương, muốn lên thuyền buôn để đi. Thầy Giác Tâm đem hành lý của hai người để dưới chân, thấy mấy người lái đò dành giạt hành khách, xô qua lẫn lại, bất giác hành lý bị người khác trộm mất. Chúng tôi than trách duyên phận gì mà phải đến nỗi này! Cũng may là tôi vẫn còn mang tiền lộ phí trên mình. Khoảng xế trưa đến xin tá túc ở am Hải Hội, người trong am thấy chúng tôi không có hành lý bèn không chấp thuận. Chúng tôi thuật lại chuyện bị mất hành lý ở bến đò, nhân vì am ở cách bến đò không xa nên họ đã ra đó hỏi hư thực. Sau khi biết sự thực, họ bèn cho chúng tôi tá túc. Gặp hai vị du tăng, lúc trước khi chúng tôi

lên miền bắc đã từng đi chung với họ mấy ngày. Họ biết chúng tôi đang đi hành cước, bèn nói: "Hai thầy đi cầu thọ giới, Hòa thượng Tam Muội đã rời Bắc Kinh. Tháng giêng vừa qua đã ở tại chùa Thạch Tháp, phủ Dương Châu khai giới đàn. Hiện nay nhân vì am Hải Triều ở huyện Đan Đồ thỉnh cầu, cho nên ngày mùng tám tháng hai này sẽ khai giới đàn ở đó. Hai thầy tại sao không đi nhanh đến đó để xin thọ giới."

Chúng tôi nghe xong, bao nhiêu sầu muộn tự nhiên tan biến.



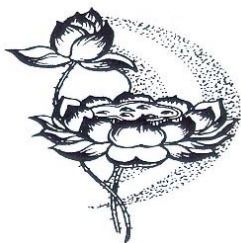
Hôm sau tôi và thầy Giác Tâm quay về am Hải Triều, thì đúng lúc Hòa thượng vừa đến am. Nghe nói thầy Giáo thọ là người Hồ Nam, hiệu là Huân Lục, tính tình độ lượng, thông minh khéo léo, phụ giúp Hòa thượng trong việc giáo hóa rất là uy nghiêm, và thầy ấy sẽ là người điều khiển tất cả mọi việc trong kỳ truyền giới. Chúng tôi xin thầy tri khách cho phép chúng tôi vào đánh lễ thầy Giáo thọ. Thầy ấy hỏi quê quán, tôi trả lời là người Vân Nam. Thầy nói:

"Kỳ truyền giới này là do thầy tri sự muốn an táng sư phụ nên tổ chức. Mỗi người phải đóng lệ phí là một lượng bạc, y bát phải tự lo liệu lấy."

Tôi nói: "Hành lý bị mất sạch ở bến đò Đan Dương, chỉ còn tiền lệ phí là hai lượng rưỡi bạc."

Thầy Giáo thọ nói: "Tiền này chỉ đủ đóng lệ phí và làm y bát cho một người."

Tôi liền xin cho thầy Giác Tâm được ghi danh thọ giới, thầy Giáo thọ bèn đưa tôi qua Giới đường, còn thầy Giác Tâm thì vào ban Hành đường.



Thầy Dẫn lễ của Giới đường, pháp hiệu là Viên Nhĩ, là người Sơn Đông, tính tình ngay thẳng, nhưng lại thiếu tế nhị. Thấy tôi không có hành lý, không chịu thỉnh Giới bản để đọc, cả ngày cứ ngồi yên trên đơn, tuy không phạm quy luật, nhưng cũng không chịu đến thưa hỏi, thầy ấy tỏ vẻ

không thích, bèn lên tiếng la rầy: "Kiến Nguyệt, ở đây không phải là chỗ để im lặng tọa thiền, tại sao không đi thỉnh Giới bốn để đọc cho thuộc."

Tôi trả lời: "Con không biết chữ, vả lại cũng không có tiền thỉnh Giới bốn."

Hễ mỗi khi có một người xin thọ giới vào Giới đường, thầy Dẫn lễ liền gọi: "Kiến Nguyệt, thầy lại ngồi đây, nhường chỗ cho người sau tới."

Tôi cứ y như lời, đem y bát dời đến phía sau mà ngồi. Sau đó có hơn mười người mới đến, thầy cứ kêu tôi ngồi thụt ra phía sau để nhường chỗ. Cuối cùng có một người mới vào, thì không còn đơn trống ở trên cao, thầy bèn kêu tôi ngồi xuống đất với thầy Hương đang. Tôi hoàn toàn không kêu ca lời nào cả, cho là như việc đùa giỡn. Các vị giới huynh đều cảm thấy bất bình, cho rằng tôi là người quá khiếp nhược. Tôi nói: "Tu hành phải lấy sự nhẫn nhục làm gốc, huống gì toàn là đồng giới với nhau, đáng lý phải nên nhường cho kẻ khác."



Đến lúc trả bài "Tỳ Ni Nhật Dụng", thầy Dẫn lễ đem tên tôi đặt lên hàng đầu, ý muốn tôi phải khẩn cầu thầy ấy. Các vị giới huynh đều lo dùm cho tôi, nói: "Nếu như thầy không thuộc, tại sao lại không cầu thầy ấy đối thứ tự."

Tôi nói: "Đợi đến ngày mai xem sao."

Ngày hôm sau, thầy Dẫn lễ cầm bản danh sách, dẫn chín người chúng tôi đến trước thầy Giáo thọ, lạy xong, tôi liền lớn tiếng đọc rõ ràng một hơi, tựa như giòng nước tuôn cuộn cuộn, cho đến hết. Thầy Giáo thọ nói: "Mỗi ngày thầy ngồi im lặng, nói là không biết chữ, tại sao hôm nay lại đọc một cách suông sẻ lưu loát như thế!"

Tôi nói: "Không phải là con không biết chữ, nhưng vì không có tiền để thỉnh Giới bốn, thành thử ngồi im, lắng nghe các giới huynh ở đơn bên cạnh đọc tụng, do đây mà nhớ."

Thầy Giáo thọ bèn rất hoan hỷ, đãi tôi một chung trà. Khi trở lại Giới đường, các giới huynh đều lại chúc mừng. Trong các vị đồng giới, tâm đầu khế hợp nhất có mười ba vị.



Kỳ này thầy A xà lê Hương Tuyết phụ trách giảng kinh Phạm Võng, bốn vị bản thủ luân phiên giảng lại. Một hôm thầy Thủ tòa, hiệu là Lạc Như, giảng lại, nhưng thầy chỉ biết lặp lại những điều mà Hòa thượng đã giảng, ngoài ra chẳng thêm được một chữ, chẳng giảng được thêm một nghĩa gì mới. Tôi và các vị giới huynh thân nhất ngồi thành một hàng, quay đầu nhìn nhau, bất giác mỉm cười. Thầy Thủ tòa thấy được, trong lòng không vui; lúc trở lại Giới đường, bèn ghi tên mười ba người chúng tôi vào danh sách "giảng lại". Trong các giới đàn từ trước đến nay, đối với các vị sa di chưa bao giờ có việc này. Thông thường, không có cách nào khác hơn là tìm cách sám hối với các vị chấp sự. Thế nhưng, quá ba ngày vẫn không thấy có ai đến cầu sám hối, thầy Thủ tòa không còn cách nào hơn là đem danh sách chúng tôi trình lên thầy Phương trượng. Hòa thượng lại tưởng là thầy Thủ tòa thực tâm tiến cử, bèn chấp nhận cho mười ba người chúng tôi được "giảng lại". Đây đúng là "lộng giả thành chơn" (làm giả mà hóa ra thực), không còn cách nào đình chỉ được nữa. Đến ngày tôi phải lên tòa "giảng lại", trong ngoài đều cảm thấy kinh hãi, mọi người

đều đến tụ họp để nghe. Hòa thượng và hai vị A xà lê cũng đến ngồi phía sau từ bi ủng hộ tinh thần. Bài giảng chủ đề là "Thập Kim Cương Chứng Tử, Đệ Thập Tín Tâm Vị" trong quyển thượng của Kinh Bồ Tát Giới Phạm Võng. Sau khi mở kinh đọc chánh văn xong, tôi bèn trước tiên giảng phần huyền đàm về nghĩa lý chính yếu, sau đó y vào chánh văn để giải thích. Lúc giảng xong xuống đài, mọi người đều nức nở ngợi khen. Hòa thượng và hai vị A xà lê cũng đều hoan hỷ khích lệ, bèn đưa tôi vào lễ tạ thầy Phương trượng. Hòa thượng tặng cho tôi mền, áo và giày.

Thầy Huân Lục hỏi: "Thầy đã nghe ai giảng kinh?"

Tôi nói: "Dạ thưa, lúc ở Vân Nam nghe thầy bốn sư giảng, lúc đi hành cước đến phủ Bảo Khánh, nghe thầy Tự Như, thay thế Đại sư Chuyên Ngu giảng Lăng Nghiêm Tứ Y Giải."

Thầy Huân Lục nói: "Đại sư Chuyên Ngu là thầy y chỉ, còn thầy Tự Như là bạn thân của tôi. Tại sao thầy không cho tôi biết sớm?"

Thầy Huân Lục đối với tôi càng gia tăng sự kính mến, liền tặng cho thầy Giác Tâm y bát để vào Giới đường thọ giới.



Vào ngày hai mươi tháng ba, sau giờ Ngọ, có người cháu của nhà họ Hạ ở Đan Dương, là một thư sinh thiếu niên, tính tình ngạo mạn, không tin Tam Bảo, sau khi uống rượu say sưa, bèn vào am đi thẳng đến phòng Phương trượng, ngồi trên pháp tòa của Hòa thượng, cười nói huyên náo. Thầy Thị giả khuyên gián gã ta, nhưng gã không nghe mà còn mắng nhiếc, các vị tăng trong chùa không phục, bèn tống cổ gã ra khỏi chùa. Sáng hôm sau, gã cầm đầu một nhóm bạn bè đến chùa gây sự. Hòa thượng bèn hoãn ngày thọ giới Cụ túc lại.

Những thời công phu chiều trong chùa, đều có nhiều cư sĩ tại gia đến tùy hỷ tham dự. Thầy Huân Lục muốn tìm biện pháp để chấm dứt sự gây hấn, bảo toàn đạo trường, nên sau thời công phu chiều, tập hợp mọi người đến trước tượng Vi Đà, bạch với đại chúng: "Hiện giờ đạo trường đang bị ma quỷ phá phách, chưa thể giàn xếp ổn thỏa. Trong đám các vị đệ tử đây, có ai là người dám xả bỏ thân

mệnh để bảo hộ pháp môn, xin bước ra tình nguyện gánh vác."

Hỏi như vậy xong, mọi người đều im lặng, không ai dám lên tiếng. Tôi bèn lên tiếng hưởng ứng, đồng dạc bước ra phía trước, đánh lễ thầy Huân Lục. Thầy ấy nói: "Thầy có một mình, tại sao muốn làm việc này!"

Tôi nói: "Đệ tử thọ giới của Hòa thượng đầy khắp thiên hạ, con là người tự nguyện ra trước, những người khác sẽ theo sau. *Người xuất gia không có vợ con để lưu luyến, không có sản nghiệp ràng buộc, không có công danh để ôm giữ, không có thân mệnh để tham tiếc. Đi khát thực qua ngày, không mang theo tiền lộ phí. Tá túc ở từng lâm, không phải đóng tiền nhà. Phạm đã là tăng, thì phải dùng giới luật làm thân thuộc, hướng hồ vì muốn bảo vệ pháp môn, ai mà không dũng cảm!* Xin Hòa thượng và hai vị A xà lê an tâm, không phải lo lắng về việc này. Còn như trong nhóm bè đảng của bọn họ, nếu có kẻ nào dám xả bỏ vợ con, sản nghiệp, vứt bỏ công danh, thân mệnh, xin cứ tự nhiên đến đây nói chuyện với tôi! Nếu không, xin mỗi người tự lo lấy sự học, bồi dưỡng đạo đức của mình. *Từ xưa đến nay, những kẻ có đức hạnh, giỏi văn chương, đều không phụ danh phận nho sĩ của mình. Đối với công danh sự nghiệp, phải là bậc đại trượng phu trong thiên hạ. Há có thể vì*

chuyện thị phi của kẻ khác mà làm táng thất đức hạnh của mình?"

Thầy Huân Lục nói: "Thầy hôm nay ở trong chúng dám nhận đảm đương, ngày sau cũng phải nên theo lời đây mà thực hành. Nếu thế, pháp môn lo gì mà không được an định, ma chướng lo gì mà không bị diệt trừ!"

Sau khi mọi người giải tán, các vị cư sĩ đến tham dự khóa tụng hàng ngày cũng được loan báo về buổi họp vừa qua. Các vị ấy cũng tuân tự loan truyền sự việc này cho mọi người trong vùng biết.

Ngày hôm sau, sau giờ ngộ, có khoảng hơn hai mươi vị tại gia, đều là những bậc tai mắt trong giới nho sĩ, cùng các bậc kỳ lão trong vùng, đến chùa yết kiến thầy Huân Lục. Bọn họ cũng mời tôi đến tham dự buổi họp, dùng lý lẽ để giảng hòa. Sau đó, ngày truyền giới Cụ túc được ấn định lại vào ngày mồng tám tháng tư.

Hòa thượng tập họp các vị tăng chấp sự tại phòng Phương trượng, nói hai thầy A xà lê và các vị thượng tọa theo hầu ngài lâu năm: "Nếu không có việc ma chướng xảy ra kỳ này, thì chúng ta cũng không biết có thầy Kiến Nguyệt. Các vị đem pháp làm thầy, phải nên can đảm hành

động giống như thầy ấy. Trong kỳ giới này tôi đã tìm được người (kế vị)."

Các vị ấy nghe xong, đánh lễ Hòa thượng rồi cáo lui. Hai thầy A xà lê chỉ bảo, dặn dò chúng tôi mười ba người phải thường theo hầu Hòa thượng, hy vọng sau này sẽ trở thành rường cột của tông môn.



Ngày mồng mười, chúng tôi trở về chùa Thạch Tháp. Có chùa Huệ Chiếu thỉnh cầu Hòa thượng vào ngày hai mươi tháng tư khai giới đàn.

Ngày mười tám tháng năm là lễ Đại Thọ của Hòa thượng, các vị đồng giới đều không chuẩn bị lễ vật, tôi bèn đề nghị các vị ấy làm một cuộn giấy dài, tôi sẽ dùng nó để vẽ bức họa "Năm mươi ba cuộc tham bái thiện tri thức của Thiện Tài Đồng Tử", để làm quà chúc thọ Hòa thượng. Tôi vì phải vẽ bức họa thành thử không có thì giờ rảnh để tùy chúng trong kỳ truyền giới. Hòa thượng nghe được việc này, bèn cho tôi vào phòng ngài để vẽ cho yên tĩnh. Ngài lại cười nói: "Kiến Nguyệt, con mới vừa đăng giới phẩm là đã được vào phòng của ta!"

Tôi cảm thấy hổ thẹn, bèn đánh lễ tạ ơn.

Ngày hai mươi tháng sáu, có một vị họ Trịnh ở Hải Đạo, tỉnh Hòa thượng mở pháp hội Vu Lan Bồn ở chùa Thạch Tháp, đồng thời giảng Hiếu Hành Sao. Hòa thượng bảo tôi đến chùa Huệ Chiếu thay mặt thầy A xà lê Hương Tuyết giảng Phạm Võng Trục Giải, còn thầy ấy thì trở về chùa Thạch Tháp thay mặt Hòa thượng giảng Hiếu Hành Sao. Đến ngày mười lăm tháng bảy, khóa giảng ở hai nơi đều viên mãn.



Thầy Hương Tuyết khai thị cho các bạn đồng giới của tôi, bảo họ thỉnh cầu Hòa thượng đổi pháp danh, để thuận tiện trong việc thường theo phụ giúp Hòa thượng. Các bạn đồng giới đều tuân lời, bèn đến phòng Phương trượng, tranh nhau lạy Hòa thượng cầu được đặt pháp danh mới. Chỉ có tôi là lui về phía sau, đánh lễ Hòa thượng xong, bèn quỳ xuống bạch với ngài: "Con nhân vì được sự chỉ thị của thầy bốn sư, thành thử mới rời Vân Nam đến đây cầu

xin Hòa thượng cho con được thọ giới. Nếu như không có thầy bốn sư thì không thể xuống tóc xuất gia, cũng không thể thọ cụ túc giới làm tăng. Khẩn cầu Hòa thượng từ bi cho phép con vẫn được giữ pháp danh cũ, để con không quên cội gốc của mình. Con nguyện sẽ theo hầu Ngài trọn đời."

Hòa thượng nói: "Lúc ta mới thọ giới, các vị thượng tọa cũng khuyên ta cầu xin Tổ đổi pháp danh. Nghĩ lại, Luật tổ chữ húy là Như, ta thì pháp danh chữ Tịch, còn thầy bốn sư của ta chữ húy là Hải. Ta không dám quên nguồn gốc của mình, mà sửa pháp danh cao hơn chữ Hải. Ta đã hoằng pháp hơn ba mươi năm, nay thấy con có cùng tâm nguyện như ta, quả thật là con không tự khinh. Vả lại, làm bậc thiện tri thức, điều quan trọng là chú trọng sự trau dồi đức hạnh của mình, chứ không phải là tên gọi. Cho phép con giữ pháp danh cũ."



Lúc đó có am Tỳ Ni ở huyện Thái Hưng tỉnh Hòa thượng khai giới đàn vào ngày mười lăm tháng tám. Mọi

người đều sẽ tháp tùng. Buổi tối ngày mồng mười, thầy Giáo thọ Huân Lục bạch Hòa thượng chỉ định ban chấp sự mới, thầy ấy nói: "Con đảm nhiệm giáo thọ các vị mới thọ giới đã lâu, hiện nay khí lực không đủ, tinh thần càng lúc càng suy nhược. Thỉnh Hòa thượng thiết lập chức vị Tây đường, phụ trách việc giáo giới, lại kiêm tổng lý các vấn đề giới luật. Đơn vị này sẽ được đặt định tại Thủ đường, quản lý những người mới thọ giới. Chức vụ này chỉ có thầy Kiến Nguyệt mới có thể đảm đương. Thỉnh Hòa thượng giám xét!"

Hòa thượng liền triệu tập các vị chấp sự đến phòng phương trượng, làm yết ma bạch chúng, bổ tời vào chức vị mới. Tời quỳ bạch: "Con mới vừa thọ giới Cụ túc vào mồng tám tháng tư năm nay, chưa được nửa năm, đâu dám gánh vác việc to lớn. Vả lại, con chưa am tường giới luật, đâu dám dạy bảo người khác. Chỉ sợ không những vô ích cho những vị mới thọ giới, mà hơn nữa, lại còn phụ ơn của các thầy. Thỉnh cầu Hòa thượng tuyển chọn các vị thượng tọa mà giao phó cho trách nhiệm này."

Hòa thượng nói: "Thầy Giáo thọ Huân Lục đề cử quyết định không sai. Ta cũng biết rõ lòng con. Các vị Bồ tát Thập Địa vẫn còn phải ở địa vị học tập tu hành. Nay con không nên ngại gì về việc vừa tự học lại vừa dạy bảo

người khác. Nếu con hiểu lòng ta thì nhân đây sẽ thành tựu sự lợi mình lợi người."

Tất cả mọi người đồng thanh bảo tôi: "Nèn thuận tùng mệnh lệnh của Hòa thượng. Không thể chối từ!"

Tôi bèn đánh lễ, tiếp nhận sự chỉ định của Hòa thượng. Trong các bạn đồng giới, các thầy Ánh Vũ, Thương Ngô được bổ vào chức vụ Thư ký, còn các thầy Huệ Sanh, Dĩ Nhận, Dụ Như, Nhược Ngu, Quán Chi, v.v..., thì được làm Dẫn lễ. Mọi người đều phấn chí nỗ lực. Các vị chấp sự dưới quyền Hòa thượng, chưa bao giờ có các vị đồng giới tham dự một cách nhiệt liệt mạnh mẽ, tợ hồ sóng biển như vậy. Vị Dẫn lễ của Thủ đường là thầy Viên Nhĩ, tức là thầy Dẫn lễ thọ giới của tôi. Tôi tuy ở chức vị cao, nhưng trong mọi hành động đều vẫn cư xử với thầy ấy như bậc thầy, còn thầy ấy cũng không chấp nhất, mỗi khi phải thi hành đúng quy luật, đều nhường cho tôi đi trước. Thế nhưng, trong tâm tôi cảm thấy rất hổ thẹn, nếu như gặp những người thích học giới luật đến hỏi, thì làm sao giải thích sự thối mắc của họ khiến cho họ hoan hỷ? Nhân đây tôi tìm đến phòng thầy Huân Lục, trình bày tâm sự của mình. Thầy ấy nói: "Trong Đại Tạng Kinh, giới luật Đại thừa, Tiểu thừa, tổng cộng có hơn ngàn quyển. Tôi cũng chưa đọc qua. Nếu thầy đã có chí nguyện, thì có thể thỉnh

về học tập, để ngày sau làm Đại luật sư. Như thế thì sẽ không phụ lòng tôi, đã ở trong đám đông tìm ra thầy."

Tôi bèn nhờ người đến huyện Gia Hưng thỉnh về một pho Quảng Luật. Từ đấy, ban ngày thì tôi tổng quản lý vấn đề quy luật của các đường, ban đêm thì chong đèn đọc sách luật. Mỗi khi gặp những đoạn văn cổ tối nghĩa, không biết hỏi ai, tôi bèn đóng sách lại thở dài. Chỉ còn có cách lễ lạy thỉnh cầu chư Phật Bồ tát gia bị khiến cho được thông hiểu. Sau khi lễ lạy xong, tôi ngồi lắng tâm một lúc, sau đó lại mở quyển sách ra, suy ngẫm nghĩa lý, thì cũng giống như "mở cửa thấy núi (Hán: khai môn kiến sơn)", tự nhiên thông suốt, không còn một chút nghi ngờ nào hết. Sự cảm ứng như thế, lần nào cũng giống như vậy.



Lần truyền giới kỳ này, dự định vào ngày mười lăm tháng mười thì hoàn tất. Ba ngày trước đó, các vị tân giới tử hợp nhau làm một tấm y bằng tơ màu vàng tặng cho tôi, để tạ ơn dạy dỗ không biết mỗi mạt. Tôi bèn nói với bọn họ: "Hòa thượng và thầy Giáo thọ đã đem trách nhiệm quan

trọng này giao phó cho tôi, đúng lý tôi phải tận tâm phục vụ, giúp đỡ các ngài trong việc giáo hóa. Tôi đâu phải vì tham danh tham lợi mà đảm nhiệm chức vị này."

Nói xong, tôi bèn nghiêm nghị chối từ. Bọn họ bèn đem tẩm y đến phòng Phương trượng quỳ lạy, trình bày lý do tại sao họ muốn cúng dường tẩm y. Hòa thượng bảo tôi: "Trong giới luật chỉ cấm sự tham cầu, chứ không cấm việc do người khác bố thí. Con có thể nhận lấy."

Tôi bạch Hòa thượng: "Con không nhận tẩm y này là có hai lý do. Một là hổ thẹn giới đức của mình vẫn còn yếu kém mà đã gánh vác trách nhiệm lớn, sợ rằng mình có những khiếm khuyết, kẻ khác nhân đây mà hủy báng; hai là pháp môn của Hòa thượng cao vượt, sợ những vị chấp sự sau này cho đây là một việc thông thường. Cho nên con mới khước từ."

Hòa thượng gật đầu, bảo các tân giới tử: "Thầy Tây đường không nhận y là muốn hoàn thành đức hạnh của mình, bảo hộ pháp môn. Các con cũng không nên cưỡng ép."

Ngày mười tám tháng tám Hòa thượng trở về chùa Thạch Tháp ở Dương Châu. Chùa Thừa Thiên ở Cao Bưu

thỉnh Hòa thượng khai giới đàn vào ngày mồng một tháng mười hai, đến ngày mười lăm tháng giêng thì viên mãn. Tôi vẫn đảm nhiệm chức vụ Tây đường.



Đời Sùng Trinh năm thứ mười một, ngày mười bảy tháng giêng, chúng tôi trở về chùa Thạch Tháp. Am Thiện Khánh trong phủ thỉnh Hòa thượng khai giới đàn vào ngày hai mươi tháng giêng, cho đến giữa tháng ba thì hoàn tất. Tôi vẫn đảm nhiệm chức vụ Thủ đường. Sau đó chùa Bảo Công ở trấn Thiệu Bá thỉnh Hòa thượng khai giới đàn vào ngày mồng tám tháng tư. Kỳ này tôi đảm nhiệm chức vụ Tây đường. Sau khi giới kỳ viên mãn, chúng tôi lại quay về chùa Thạch Tháp ở Dương Châu.

[Mấy năm trước] đời Sùng Trinh năm thứ bảy, lúc Hòa thượng đang hoằng pháp ở Bắc Kinh, con gái Hoàng đế Thần Tông là Công chúa Vinh Xương và Phò mã Dương Công, đã hướng dẫn toàn bộ thuộc hạ trong dinh đến quy y, đồng thời cúng dường ba bộ tăng già lê (đại y) quý. Một bộ

cúng dường Hòa thượng, một bộ cúng dường thầy A xà lê Hương Tuyết, còn một bộ cúng dường thầy Giáo thọ Huân Lục. Đến hôm nay, thầy Huân Lục ôm bộ tạng già lê đến đánh lễ Hòa thượng, đôi mắt ứa lệ, bạch với ngài rằng: "Con theo hầu Hòa thượng, đảm nhận chức vụ Giáo thọ đã được mười một năm. Mỗi kỳ truyền giới, con thường để ý quán xét phẩm cách của các tân giới tử, trắc nghiệm tâm tánh, hành vi của các vị ấy, rất mong muốn tìm một vài vị phụ giúp Hòa thượng trong việc hoằng hóa, đến nay trong kỳ truyền giới ở am Hải Triều thì tìm được thầy Kiến Nguyệt. Con cảm thấy gần đây cơ thể tinh thần của con đều suy giảm, ăn uống mỗi ngày một ít ỏi. Con biết chẳng còn bao lâu nữa con sẽ từ trần. Nay con xin khẩn thiết thỉnh cầu Hòa thượng từ bi, đem bộ tạng già lê mà Công chúa Vinh Xương đã cúng dường này, giao lại cho thầy Kiến Nguyệt. Con đã tìm được người hiền, thì nay có chết đi cũng toại nguyện."

Hòa thượng khen thầy Huân Lục: "Thầy đúng là đệ tử ruột của ta, nghĩ đến tiền đồ của pháp môn mình."

Sau đó Hòa thượng triệu tập các vị chấp sự đến làm chứng minh. Ngài tự tay đem bộ tạng già lê giao cho tôi, ngài nói: "Con nên phụ giúp cho ta, giống như thầy A xà lê Huân Lục vậy."

Tôi vô cùng cảm động, nước mắt đầm đề ướt cả tay áo, đánh lễ nhận thọ. Tôi dám nói rằng: "Cha mẹ tuy là bạc sanh thành, nhưng thầy Huân Lục mới là người tri kỷ của tôi. Ôn lớn như vậy, chỉ có sự hồng pháp lợi sanh mới có thể báo đáp được mà thôi."



Khoảng giữa tháng sáu, Hòa thượng theo lời thỉnh cầu bèn khai giới đàn tại chùa Đàn Độ ở Thanh Giang Phố, huyện Hoài An. Ngày ba mươi tháng bảy, sau khi truyền giới cụ túc, Hòa thượng bèn đi thăm núi Vân Đài ở Đông Hải, ngài dặn tôi ở lại lo công việc cấp phát giới điệp, sau khi xong lên núi gặp ngài. Tháng tám tôi lên núi Vân Đài gặp Hòa thượng, đến ngày ba mươi chúng tôi xuống núi, đi thuyền vào đất liền, trở về chùa Thạch Tháp.



Các vị quan chức đàn việt ở Nam Kinh thỉnh cầu Hòa thượng khai đàn truyền giới tại chùa Báo Ân vào ngày mười lăm tháng mười. Thầy Huân Lục bị bệnh phải ở lại chùa Thạch Tháp, tôi cũng ở lại để chăm sóc thuốc men. Hoà thượng đi Nam Kinh truyền giới. Kỳ này, thầy Độc Hành làm A xà lê, còn thầy Hương Tuyết thì làm giáo thọ. Hòa thượng sau khi đến Nam Kinh, bèn cho người gọi tôi vào kinh thành phụ giúp, tôi từ chối không đi, ngài lại cho người về gọi tiếp.

Thầy Huân Lục là người chí hiếu, bèn bảo tôi: "Bệnh tôi tuy nặng, nhưng thầy không nên làm trái lời của Hòa thượng. Tôi muốn dặn thầy, sau khi tôi mất, xin làm lễ trà tỳ, sau đó đem đến đặt bên phải của tháp Thiên Long Luật Tổ."

Tôi nghe lời di chúc của thầy, cảm thấy đau đớn trong lòng, bèn khóc sục sùi, không nỡ lên đường.

Thầy Huân Lục nói: "Đây là lần đầu tiên Hòa thượng đến Nam Kinh, cho nên số người cầu thọ giới rất đông. Hai lần cho người về gọi, ắt là phải có sự việc quan trọng, không thể trì hoãn."

Tôi chỉ còn cách lạy thầy Huân Lục từ biệt, sau đó lên đường đến Nam Kinh. Đến nơi, vào yết kiến Hòa thượng, ngài hỏi về bệnh tình của thầy Huân Lục, tôi bèn trả lời rất nặng. Sau đó ngài bổ nhiệm tôi vào chức vụ Tây đường, ngoài ra, thầy A xà lê Hương Tuyết cũng đem chức vụ Giáo giới ủy phó cho tôi. Chỗ ở của các giới tử ở phía sau điện Tây Phương. Số người đến xin thọ giới hơn sáu trăm người. Hòa thượng nói: "Số người đến thọ giới rất đông, hai vị A xà lê đã xuống chỗ ở của họ xem xét qua, nhưng chưa xếp đặt chỗ nằm của họ theo thứ tự, thầy nên xuống dưới sắp xếp dùm."

Tôi liền đến liêu của các giới tử xem xét, thấy hành lý ngổn ngang trên mặt đất. Tôi nhận thấy phần lớn các người đến thọ giới đều là người có học thức, không ai là không có thói quen công phu niệm Phật, phải nên dùng phương pháp tự khiêm để điều phục họ, do đó tôi bèn đi đến giữa đám đông lên tiếng: "Tôi y theo lời dặn bảo của Hòa thượng, ở đây giữ chức vụ Tây đường. Bây giờ tôi xin thương nghị với đại chúng, nếu nghe thì chúng ta sẽ y như quy luật mà Hòa thượng dặn dò, còn nếu không thì sẽ khó mà giải quyết. Các vị thử xem, khoảng giữa giới đường này rất khoáng khoáng, vài trăm người có thể đi kinh hành, còn các đơn chung quanh rất hẹp, không thể chứa được nhiều người. Nếu ai cũng muốn lên các đơn cao, thì những

người còn lại phải nằm nghỉ chỗ nào. Tôi sẽ trải chỗ nằm của mình ở dưới đất trước. Trong đại chúng nếu có ai là người thực tâm cầu thọ giới, thích nhường nhịn kẻ khác, thì đây là cơ hội để quý vị hiển bày cái tâm vô ngã, đồng thời thành tựu hạnh nguyện Bồ tát của mình. Xin hãy cùng tôi trải chỗ nằm dưới đất. Các vị phải nên xếp ngay thẳng theo thứ tự ngang dọc, đừng để xéo qua bên này hoặc bên kia. Nếu vị nào là người ở kinh thành, hoặc có giường nhỏ, thì ngày mai đem đến để vào vị trí hiện tại của mình, còn vị nào từ tỉnh khác đến, hoặc không có giường nhỏ, thì dời lên các đơn cao ở chung quanh. Xin mọi người hãy dời đổi vị trí trong im lặng."

Mọi người nghe xong, không còn ai tranh giành, đều vui vẻ làm theo lời tôi nói. Trong giới đường này có hơn sáu trăm người cầu thọ giới, thế mà chỗ nằm đều ngay hàng thẳng lối, giống như đường xá trong thành phố. Thực là một sự kiện tốt đẹp ít có. Mỗi đêm tôi giảng giới luật một thời, còn ban ngày thì hướng dẫn, chỉ bảo bọn họ. Điều này làm cho mọi người kính phục.

Sau khi nghe tin Hòa thượng sửa soạn an bày các vị tôn chứng sư, vị thủ sa di là Tiêu Viễn (tuổi độ năm mươi, đã từng nhiều năm ở Nam Kinh đi nghe giảng kinh ở nhiều nơi) đề nghị với các giới tử sa di là thỉnh tôi đăng đàn làm

tôn chúng. Bọn họ bèn cùng nhau đến phương trượng, quỳ bái với Hòa thượng. Hòa thượng bèn sai vị thị giả gọi tôi đến phòng ngài để cho tôi biết về việc này.

Tôi nói: "Thưa Hòa thượng, con chưa được hai hạ lạc, vả lại, đức hạnh của con còn ít ỏi. Con đâu dám lạm phép tham dự vào hàng tôn chúng."

Hòa thượng nói: "Đây là sự thỉnh cầu của hàng mấy trăm giới tử, chứ đâu phải là con lạm phép. Con không nên từ chối điều này. Có thể gọi là nhân duyên của con đã đến."

Tôi bèn miễn cưỡng đánh lễ tạ ơn Hòa thượng.

Điện Tây Phương Tam Thánh ở gần nhà kho và nhà trù (nhà bếp). Mỗi ngày ba thời cơm, mỗi người đều ở trên đờn của mình mà thọ trai. Một hôm, vào buổi sáng, ban phụ trách hành đường không đưa cơm đến. Tôi điều tra lý do thì được cho biết là nhóm phụ trách hành đường muốn làm tiền các giới tử, cho nên mới là khó như vậy. Tôi bèn bắt mấy người hành đường ra quỳ hương. Lúc đó toàn thể nhân viên trong nhà trù khoảng hơn một trăm người đồng loạt ra khỏi điện Tây Phương Tam Thánh. Tôi bèn đến văn phòng Tăng Lục Ty báo cáo, vị trưởng ty là thầy Khế Huyền bèn ra lệnh cho các vị tăng quản sự đóng tất cả các

cửa ra vào, đồng thời bắt mấy vị điển tọa, phạn đầu đem đóng gong. Mấy người còn lại trong nhóm bèn vội vàng leo tường trốn ra ngoài. Đây là lễ thói xưa nay của bọn nhà trù tại các giới trường nơi kinh thành. Sau lần chấn chỉnh này, mọi người đều răn rắp tuân theo quy củ, không ai còn dám vi phạm. Đến ngày lâm đàn truyền giới cụ túc, quang cảnh trang nghiêm cũng giống như trong giấc mộng đêm mới vừa xuất gia làm đạo sĩ.

Hốt nhiên nghe được hung tin thầy Huân Lục viên tịch tại chùa Thạch Tháp và đã đưa linh cốt về cầu Nam Môn. Tôi nhớ đến ân đức của thầy ấy, trong lòng cảm thấy đau xót, hai dòng lệ chảy dài không dứt. Tôi bèn tụ họp mười ba vị đồng giới, nghinh thỉnh linh cốt của thầy Huân Lục về an trí tạm tại chùa Phổ Đức để cung phụng. Thầy Đạo Sanh ở lại đó để chăm nom hương hỏa. Chúng tôi trở về bảo tháp Báo Ân, lập đàn ở tám hướng. Hàng trăm vị tăng thay phiên nhau nhiều tháp, lạy sám trong bảy ngày. Đến ngày mùng một tháng mười hai, Hòa thượng và hai vị A xà lê đến, tôi cùng mười ba vị đồng giới, hướng đạo các vị giới tử cầm tràng phan, hương hoa dẫn đường. Hơn một ngàn người cất tiếng niệm Phật không ngớt, tiễn đưa linh cốt của thầy Huân Lục về chùa Thiên Long, đúng như lời trần trối của thầy ấy.

Sau khi giới kỳ hoàn tất, Đại tư mã Phạm Công mời Hòa thượng ở lại, để đến ngày mùng một tết làm lễ truyền thọ Tam quy Ngũ giới. Chúng tôi bèn bái từ Hòa thượng, trở về chùa Thạch Tháp trước.

Ngày mùng chín tháng giêng, Hòa thượng lên thuyền trở về chùa Thạch Tháp, thuyền đến Long Đàm thì gặp gió lớn, phải ghé vào bến ba ngày. Có một vị tăng pháp danh Sở Tử ở am Đại Thủy, thuộc về hàng cháu của Đại sư Diệu Phong (Đại sư Diệu Phong đã từng phụng chiếu của Hoàng đế Thần Tông, xây chùa Đồng Điện ở Hoa Sơn), cung thỉnh Hòa thượng lên núi viếng cảnh. Đến nơi, chỉ thấy lối đi cỏ mọc um tùm, thềm đá siêu vẹo, trong các điện thờ thì đèn nhang chênh mảng, còn các liêu phòng thì thưa thớt ít người.

Hòa thượng thở dài nói: "Tùng lâm này gây dựng chưa đến năm mươi năm mà sao lại thê lương thảm đạm như thế này."

Thầy Sở Tử nói: "Thưa Hòa thượng, đây là vì không có người đạo đức chủ trì cho nên mới ra nông nỗi này. Khẩn cầu Hòa thượng đến đây trùng hưng lại. Giác linh của các vị tổ cũng cảm ơn ngài không ít."

Hòa thượng nghe xong rất cảm động bèn chấp nhận lời thỉnh cầu, sau đó ngài bèn xuống núi. Ngày hôm sau lên thuyền trở về chùa Thạch Tháp ở Dương Châu.

Am Thập Phương ở Giang Âm thỉnh Hòa thượng khai giới đàn vào ngày mồng tám tháng hai. Thầy Hương Tuyết làm Yết ma, còn tôi thì vào năm Sùng Trinh thứ mười hai mới chánh thức đảm nhiệm chức vụ Giáo thọ. Hòa thượng tập họp các vị thủ lãnh, giao phó trách nhiệm cho tôi, ngài nói: "Phàm các sự việc nộp đơn xin thọ giới, cùng những công tác ngoại vụ, đều do văn phòng Giáo thọ xử lý, không cần phải hỏi ý kiến của tôi."

Tôi nghĩ đến trách nhiệm nặng nề, công việc đa đoan, thế nhưng hiểu được lòng từ bi của Hòa thượng, cho nên đã hết sức nỗ lực, không dám phụ lòng tiến cử của thầy Huân Lục.

Giữa tháng hai, thầy Sở Tử cùng các thầy ở Hoa Sơn hướng dẫn các vị thí chủ ở Nam Kinh đến am Thập Phương thỉnh cầu Hòa thượng lên Hoa Sơn trụ trì. Nhân vì đã từng hứa khả, thành thử Hòa thượng không thể từ chối lời mời, ngài bèn sai thầy tri khách hướng dẫn các vị ấy đi thăm viếng các nơi trong chùa, lúc đến phòng tôi, thầy Sở Tử trọn mắt nhìn tôi chăm chăm, tôi hiểu ý thầy ấy, bèn nói:

"Dạ thưa, mùa đông năm Sùng Trinh thứ bảy có đến tham học ở chùa của quý thầy, rất tiếc đã làm phiền đến thường trụ." Bọn họ bèn cả cười nói: "Lúc nãy thấy mặt rất quen, nhưng vẫn sợ nhận lầm người. Nếu là thầy, làm sao mà lại lên chức vị này nhanh như vậy. Chúng tôi có mắt mà không thấy được người tài." Tôi bèn thuật lại những sự việc đã diễn tiến trong mấy năm vừa qua. Ngày hôm sau bọn họ trở về núi Bảo Hoa để làm lễ chuẩn bị nghinh đón Hòa thượng. Kỳ truyền giới ở am Thập Phương đến ngày mồng tám tháng tư thì hoàn tất.

Ngày mười lăm tháng tư Hòa thượng lên núi Hoa Sơn. Đến buổi chiều, tại phòng phương trượng, triệu tập các thầy Kiến Huyền, Chi Phù, Tứ Hoàng, Thuần Nhiên, Độc Hành, Tâm Dung, Hương Tuyết, Nguyệt Cốc, Đạt Chiếu, cùng các vị a xà lê kỳ cựu và tôi. Hòa thượng nói: "Chúng ta hôm nay cùng trụ tại núi này, đây sẽ là thường trụ của chúng ta, còn chùa Thạch Tháp chỉ là chỗ ở tạm. Trong số các vị đây, cần phải có một vị có đạo tâm, có tài năng, tinh thần cường tráng, không nề lao khổ, hãy vì ta đứng ra đảm nhiệm chức vụ Giám viện!"

Hòa thượng nói xong, mọi người đều im lặng. Ngài bèn quay về phía tôi nói: "Kiến Nguyệt, tại sao thầy không chịu đảm nhận?"

Tôi trả lời: "Dạ thưa, tại vì Hòa thượng chưa gọi đến tên. Trước mặt các vị tôn túc đây, con chưa dám đáp ứng."

Hòa thượng nói: "Ta đã nói rõ ràng là có đạo tâm, có tài năng, không nề lao khổ. Nếu không phải là thầy thì là ai?"

Các vị A xà lê đều lên tiếng: "Thầy Kiến Nguyệt nên lễ tạ, không nên trái mệnh lệnh của Hòa thượng."

Tôi hoan hỷ phụng mệnh lễ tạ Hòa thượng xong, bèn thưa với ngài: "Trước tiên con xin khẩn cầu Hòa thượng chấp nhận bốn điều, sau đó mới đảm nhiệm chức vụ Giám viện. Thứ nhất, ba thời cơm cháo con sẽ tùy chúng quá đường, chứ không nhận lời thỉnh đến nhà đàn việt thọ trai. Thứ hai, tất cả các quan chức thăm chùa, con sẽ không nghinh tiếp hoặc đưa tiễn họ. Thứ ba, con sẽ không đi tham dự cúng đám hoặc lễ lộc tại nhà cư sĩ. Thứ tư, con sẽ không quản lý tiền bạc, mà chỉ lo tận tâm phục vụ đại chúng. Con hứa sẽ không biếng nhác trong những công tác của thường trụ."

Hòa thượng nói: "Ta chấp nhận bốn điều yêu cầu này, y như tâm nguyện của con. Thế nhưng không nên từ chối việc giảng giới luật."

Tôi nói: "Thưa Hòa thượng, Giám viện giảng luật, đây không phải là nhiệm vụ của con. E rằng đại chúng sẽ không phục."

Hòa thượng nói: "Hiện nay con là Giáo thọ kiêm đảm trách chức vụ Giám viện, chứ không phải Giám viện đi phụ trách công việc của Giáo thọ."

Các thầy A xà lê đều lên tiếng: "Trong chúng ta, người có thẩm quyền giảng luật, đương nhiên là thầy. Điều này, thầy càng cần phải tuân hành mệnh lệnh của Hòa thượng."

Ngày mười tám tháng năm là lễ đại thọ (sinh nhật) sáu mươi của Hòa thượng, các vị thượng tọa xa gần, cùng các đệ tử khắp nơi đều tụ tập. Đến tháng chín, khai giới kỳ mùa đông, thì bỗng thấy thầy Thành Chuyết gánh y bát lên núi. Tôi cảm thấy rất vui mừng, và hỏi thầy ấy từ đâu đến. Thầy Thành Chuyết nói: "Từ lúc xa nhau khi gặp nạn ở miền bắc, tôi đã đến chùa Thiên Đòng để tham thiền, sau đó đến núi Hoàng Sơn học tập kinh điển. Hiện nay mới từ nơi

đó đến đây. Tôi một mực hỏi thăm tin tức của thầy, nhưng hoàn toàn không nghe được tin tức gì."

Tôi nói: "Vì tôi đã đổi hiệu là Kiến Nguyệt, cho nên thầy tìm không ra. Tụ họp rồi lại chia ly, chia ly rồi lại tụ họp. Đúng là chúng ta có duyên lành từ nhiều đời, cho nên mới gặp lại nhau ngày hôm nay. Ba năm không gặp nhau. Hãy đợi đến lúc, tôi sẽ làm tôn chứng sư cho thầy."

Năm Sùng Trinh thứ mười ba, vùng Giang Nam bị nạn đói. Giới kỳ mùa xuân hoàn tất vào ngày mùng tám tháng tư. Có quan nội giám Tô Công và các quan khách tai mắt lên núi cúng trai tãng. Nhà trù làm cơm đãi khách, dọn lên món ăn vừa đen vừa khó nuốt. Hòa thượng kêu tôi lên trách mắng, ngài đưa tay lên định đánh. Tôi nói: "Dạ, Hòa thượng đã quên con đã thỉnh cầu Hòa thượng bốn điều hay sao?" Hòa thượng nhớ đến lời hứa bèn nói: "Không phải là việc của thầy." Bèn đến phòng phó trụ trì, đánh cho thầy Đạt Chiếu một trận. Thầy Đạt Chiếu đến phòng tôi giận dữ oán trách, cho rằng tôi không che chở cho thầy ấy. Thầy Đạt Chiếu là tôn chứng sư của tôi. Tôi bèn nói với thầy Thành Chuyết: "Không ổn rồi, hôm nay chúng ta phải tránh đi là tốt nhất. Tôi sẽ đi với thầy đến chùa Thiên Đòng."

Sáng hôm sau, lúc trời chưa sáng, tôi đưa hành lý cho thầy Thành Chuyết ra phía sau núi đứng đợi. Đến lúc trời sáng tôi bèn lên đỉnh Long Cang, hướng về phòng phương trượng lay chín lay, sau đó bèn cùng thầy Thành Chuyết đến nghỉ đêm tại chùa Diên Tường. Đi thêm bốn ngày thì đến huyện Vô Tích, nghỉ đêm tại am Trấn Đường. Có hai ba vị đệ tử giữ chúng tôi ở lại. Ngày hai mươi tháng tư có mấy vị giới tử vừa từ núi Bảo Hoa đến, thấy tôi bèn lễ bái khóc lóc. Tôi hỏi việc gì xảy ra, thì bọn họ nói: "Thầy ngày mùng chín xuống núi, thì Hòa thượng tuyên bố trước đại chúng là thầy không nên đem tiền cúng chúng bốn chục lượng bạc đi. Mọi người trong chùa đều nghị luận phân vân. Con không thể không nói ra. Đây là điều oan uổng cho thầy, cho nên mới chảy nước mắt."

Tôi nói với bọn họ và thầy Thành Chuyết: "Không phải là Hòa thượng vu oan cho tôi, mà ngài vì lòng từ bi, dùng phương tiện này để cho tôi nghe thấy, không cần phải gọi cũng phải tự động trở về chùa. Nếu như tôi không trở về, thì mọi người sẽ cho đó là sự thực."

Ngày hôm sau, tôi và thầy Thành Chuyết lại quay trở về núi Bảo Hoa, đánh lễ Hòa thượng cầu xin sám hối. Hòa thượng nói: "Con không có lỗi gì cần phải sám hối cả. Chỉ là

điều bất đắc dĩ phải xuống núi. Do đó ta đem vụn tiền bạc ra để khích động, hầu mong con mau trở về chùa mà thôi."

Hòa thượng vẫn cho tôi đảm nhiệm chức vụ Giáo thọ. Đến kỳ giới mùa đông, các giới tử đông hơn một trăm người đã thọ tỳ kheo xong. Sau đó có bốn người từ miền bắc xuống cầu thọ giới. Hòa thượng bảo thầy Hương Tuyết truyền cho bọn họ mười giới sa di, thầy ấy lại tùy tiện truyền giới tỳ kheo cho họ. Thầy dẫn lễ Trí Nhân dẫn bọn họ đến phòng tôi báo cáo, lễ bái. Tôi nói: "Trong luật có nói rõ, Hoà thượng còn đó, tại sao một vị sư mà lại có thể truyền thọ giới tỳ kheo cho bốn người. Tôi không phải là Giáo thọ của các vị, mà cũng không cấp giới điệp cho ai hết."

Thầy Trí Nhân trở về bạch lại với thầy Hương Tuyết. Thầy ấy bèn trách mắng, cho là tôi coi thường sư trưởng, ngạo mạn tự tôn, bèn đi đến bạch với Hòa thượng. Hòa thượng bảo thị giả mời tôi đến, cật hỏi lý do. Tôi nói: "Thưa Hòa thượng, thầy Hương Tuyết trách con, đó là dùng lý luận của người đời. Con tuân hành quy chế của đức Phật, không đủ mười vị tăng, một mình dám truyền thọ đại giới, đây là điều quan hệ đến pháp môn. Con đảm nhiệm chức vụ Giáo thọ, đúng lý phải nên can gián. Cúi xin Hòa thượng giám xét, ai phải ai trái."

Hòa thượng bảo thầy Hương Tuyết: "Thôi, thôi! Đây là lỗi của thầy. Lời của thầy Kiến Nguyệt là đúng. Hãy chọn ngày khác, mời mười vị tăng đang đàn truyền giới tỳ kheo cho bốn người đó."

Sau đó ít hôm, Hòa thượng nói với các vị thủ lãnh: "Giới tràng của tôi, hiện nay chỉ có thầy Kiến Nguyệt mới có thể giữ vững được."

Năm Sùng Trinh thứ mười bốn, chùa Siêu Quả ở phủ Tùng Giang tỉnh Hòa thượng khai giới đàn vào ngày mười lăm tháng giêng, số người thọ giới khoảng hơn năm trăm. Trong lúc giới kỳ chưa hoàn tất thì có chùa Quảng Phước ở núi Phước Sơn, huyện Thường Thục đến tỉnh Hòa thượng đến khai giới đàn vào ngày hai mươi tám tháng năm. Ngày mười lăm tháng năm, giới kỳ ở Tùng Giang hoàn tất, Hòa thượng bảo tôi hướng dẫn các vị chấp sự đến chùa Quảng Phước trước. Đến ngày mùng một tháng bảy, giới kỳ hoàn tất, chúng tôi trở về núi Bảo Hoa. Chùa Bảo Hoa Sơn là do Hoàng đế ra sắc lệnh kiến lập, thành thử toàn bộ do các quan nội giám quản lý xây cất. Do vì phương hướng không thích hợp, cho nên chùa không được hưng vượng. Hòa thượng bèn chọn ngày để đổi phương hướng, chỉ có Đòng

điện là không dời đổi, còn các điện khác đều được di chuyển. Công phí rất là to tát.



Am Quán Âm ở Thê Hà, nơi Luật tổ xuất gia, tỉnh Hòa thượng khai giới vào ngày mồng tám tháng mười hai. Trong kỳ khai giới này, tuy tôi đảm nhiệm chức vụ Giáo thọ, nhưng Hòa thượng lại không gọi tôi đến tham dự, thành thử tôi bèn ở lại núi Bảo Hoa phụ giúp công việc xây cất. Gánh ngói, khiêng gạch, v.v..., tất cả công tác, tôi đều hăng hái xung phong trước hết.

Ngày mười tháng giêng, giới kỳ ở am Thê Hà hoàn tất, mọi người đều trở về núi Bảo Hoa. Có đồ đệ của thầy Tri khách Lý Trung đang giữ chức Hương đăng ở Tiền điện, làm chuyện phi pháp. Tôi bèn báo cho thầy A xà lê Hương Tuyết, cùng thầy tri sự Đạt Chiếu biết chuyện này, thì họ cho rằng việc đó có thể tha thứ. Tôi nghe xong cảm thấy lạnh cả xương sống. Đã phạm căn bản tội mà dám cho là có thể tha thứ, đây là điều sẽ làm cho luật pháp hoại diệt. Tôi nghĩ mình nên ra đi, tạm đến ở ẩn tại núi Hoàng Sơn, để lo công việc riêng của mình. Nghĩ đến đây, tôi bèn nói việc

này với thầy Thành Chuyết. Thầy ấy nói: "Sự việc này không nên hấp tấp."

Tôi nói: "Tôi thọ ơn của các vị ở đây rất nhiều, thật tình cũng không muốn bỏ đi. Hiện nay, các vị dưới quyền Hòa thượng đều là bậc sư trưởng, tôi thuộc về hàng đệ tử, mà lại là người Vân Nam độc nhất. Chẳng bằng bỏ đi cho nhanh là tiện nhất."

Tôi bèn đến phòng Hòa thượng xin phép được tạm nghỉ một thời gian để tĩnh tu. Hòa thượng không đồng ý, bảo tôi theo ngài đến Kỳ Châu ở Hồ Nam để làm lễ truyền giới. Tôi nói: "Dạ, hôm nay con đến thưa trước, còn ngày xuất hành thì chưa được ấn định."

Thế nhưng, dù sao chăng nữa, tâm tôi đã rời khỏi nơi đây rồi, thân không thể nào ở lại đây lâu được. Sáng hôm sau, tôi cùng ba thầy Thành Chuyết, Thiên Nhất, Thường Thanh, thân thập y bát, cùng nhau đi đến núi Hoàng Sơn. Đến một trà am ở tháp Ngũ Lý, huyện Thái Bình thì được đệ tử của thầy Canh Thạch mời ở lại. Ngọn núi đối diện là Khánh Vân Nham, là chỗ cư ngụ của thầy Trọng Đức. Kế bên có một ngọn núi nhỏ, rừng tùng sầm uất, chung quanh có các ngọn núi khác vây quanh. Bọn họ mời chúng tôi sang đó tĩnh tu. Tôi bèn cùng thầy Thành Chuyết cắt cỏ, đắp nền

dựng một cái am tranh, khoảng độ một tháng thì xây xong. Thốt nhiên tôi nhớ lại mục đích là muốn đến núi Hoàng Sơn, hiện nay sao lại dừng lại giữa đường. Thầy Thiên Nhất thấy tôi đổi ý muốn đi đến Hoàng Sơn liền từ giã trở về núi Bảo Hoa, thầy Thành Chuyết thì được mời đến huyện Tinh Đức, chỉ còn thầy Thường Thanh là cùng đi với tôi. Ngày mồng mười tháng mười, thầy Canh Thạch tiễn chúng tôi đến núi Hoàng Sơn. Chúng tôi trú ở am Bối Diệp phía dưới viện Văn Thù. Núi này đất ít đá nhiều, không thể trồng trọt, thành thử chúng tôi không còn dám mơ tưởng đến việc được ăn rau cải tươi nữa. Đến tháng mười hai, tuyết phủ trắng xóa, khí trời lạnh buốt, giống như nơi quan tái miền cực bắc. Thầy Hiếu Tông ở viện Văn Thù, là đệ tử của thầy Giáo thọ, tuy biết tôi ở núi Hoa Sơn mùa đông không đốt lò sưởi, thế nhưng vẫn mang gạo và than, lội tuyết đến am của tôi, quỳ dưới đất khẩn cầu tôi đốt than sưởi cho ấm. Tôi bèn tùy thuận ý nguyện của thầy ấy. Nơi đây tuy lạnh lẽo, gian khổ, thế nhưng lại rất thuận lợi cho việc tu tập, do đó tôi hoàn toàn bỏ hẳn ý niệm xuống núi.

Đầu năm Sùng Trinh thứ mười sáu, ngày mười một tháng giêng, thầy Giới Sinh ở núi Hoa Sơn, là bạn thân của tôi, cùng đệ tử là thầy Trí Châu, được thầy Canh Thạch dẫn đến am Bối Diệp. Tôi bèn chào đón, hỏi lý do gì mà đến đây. Thầy Giới Sinh nói: "Dạ thưa, ngày mười chín thầy

Giáo thọ xuống núi, thì ngày hai mươi sáu, Hòa thượng đi Hồ Nam, đến mừng hai tháng giêng năm nay trở về núi. Ngài biết tôi với thầy là bạn thân, cho nên đã tự tay viết bức thư này mời thầy trở về chùa."

Tôi bèn thắp hương, quỳ lạy, nâng thư lên đọc, cảm nhận được lòng thương mến sâu xa của Hòa thượng, như người cha hiền không nỡ bỏ đứa con ngỗ nghịch. Tôi bèn giữ thầy Giới Sinh ở lại năm ngày để đi thăm viếng các vùng lân cận, sau đó chúng tôi cùng đi đến huyện Tinh Đức để gặp thầy Thành Chuyết. Chúng tôi trú ngụ ở tịnh thất của thầy ấy để hái trà, độ hơn một tháng. Đến ngày mừng bảy tháng ba mới về đến núi Bảo Hoa. Đến nơi thì Hòa thượng đã nhận lời thỉnh đến chùa Hưng Giáo ở phủ Dương Châu để khai giới kỳ, ngài có để thư lại, dặn khi nào tôi trở về núi, hãy đến đó để giáo thọ cho giới tử. Tôi thấy giới kỳ đã khai vào ngày mừng một tháng ba, và thượng tọa Kiến Huyền đã đảm nhiệm chức vụ Giáo thọ, làm sao có thể đến đó được, bèn ở lại chùa Bảo Hoa, bảo thầy Trí Châu thay mặt đến đánh lễ Hòa thượng. Đến lúc sắp truyền giới tỳ kheo, Hòa thượng lại sai người về gọi, tôi bèn đến đánh lễ Hòa thượng, sám hối tội đã trái lời dạy bảo của ngài. Hòa thượng từ bi tha thứ, bảo tôi dâng đàn làm Tôn chúng sư.

Giới kỳ ở Dương Châu hoàn tất, chùa Đại ở Khẩu Ngạn, Thái Châu, tỉnh Hòa thượng khai giới kỳ, tôi lại đảm nhiệm chức vụ Giáo thọ.

Am Quán Âm ở Mã Kiều, cách Khẩu Ngạn không xa, tỉnh Hòa thượng khai giới kỳ, Hòa thượng lại nhận lời. Sau khi giới kỳ ở Khẩu Ngạn hoàn tất, chúng tôi bèn đến khai giới kỳ ở Mã Kiều. Một hôm, Hòa thượng đến nhà quan hoạn họ Chu thọ trai, nhân vì có nhiều người đến quy y xin pháp danh, Hòa thượng bèn đem áo nạp của ngài cùng bản pháp danh giao cho tôi, căn dặn nếu có người đến lễ bái xin pháp danh thì đáp y của ngài vào, lên đàn mà truyền trao pháp danh cho họ. Thế nhưng, thật là may mắn, Hòa thượng vừa đi khỏi thì trời đổ mưa hai ngày liên tiếp, chẳng có ai đến xin pháp danh. Pháp tòa của Hòa thượng chưa được ngồi mà pháp danh cũng chưa phát ra tờ nào. Lúc Hòa thượng trở về, trời cũng vừa dứt mưa, thì lại có nhiều người đến xin pháp danh. Hòa thượng cười nói: "Pháp tòa của ta đã để cho con ngồi, chỉ còn phải đợi nhân duyên mà thôi." Tôi nghe xong cảm thấy hổ thẹn, bèn bái tạ Hòa thượng.

Ngày mồng một tháng tám, giới đàn hoàn tất, núi Bạch Chử ở phủ Thái Bình tỉnh Hòa thượng khai giới kỳ

vào ngày mồng một tháng chín, đến ngày mồng tám tháng mười, giới kỳ hoàn tất, chúng tôi trở về núi Bảo Hoa.

Báo Ân Vạn Phật Các ở Nam Kinh tỉnh Hòa thượng khai giới kỳ vào ngày mồng một tháng mười, đến ngày mồng tám tháng hai hoàn tất. Vào ngày mười hai, tôi xin phép xuống núi để đi quyên gạo. Có thầy Tuyết Tràng, người huyện Thường Thục, tuy chưa thọ giới tỳ kheo, là bạn tâm giao của tôi, nghe tôi đi quyên gạo, bèn phát tâm trợ giúp. Chưa đến nửa tháng, chúng tôi đã quyên được hơn ba trăm thạch gạo. Mỗi làng mỗi thôn đều hứa trong khoảng tháng giêng họ sẽ chở gạo lên núi. Tôi trở về đánh lễ bạch lại với Hòa thượng, ngài bèn tươi cười bảo tôi: "Như vậy mới gọi là đi hóa duyên, nếu vô duyên thì không thể được như vậy."

Đầu tháng hai, các thân hào ở quận Hạp, Tô Châu, đến tỉnh Hòa thượng khai giới kỳ ở chùa Bắc Thiên. Đến ngày mồng tám tháng tư hoàn tất, chúng tôi lại trở về núi Bảo Hoa.

Ngày mười lăm tháng bảy năm Giáp thân, các quan văn võ ở Nam Kinh làm lễ cầu siêu cho Đại Hành Hoàng đế ở chùa Đại Báo Ân, tỉnh Hòa thượng làm chủ đàn và đồng thời khai giới kỳ. Hoàng đế Hoàng Quang sai quan

nội giám Kiều Thượng ban cho Hòa thượng một bộ y màu tím và lụa dệt bằng chỉ vàng. Ngày mười lăm tháng mười, giới kỳ hoàn tất, chúng tôi trở về núi Bảo Hoa.

Trong tháng mười, chùa Đại Năng Nhân ở phủ Thiệu Hưng vùng Chế Trung, tỉnh Hòa thượng khai giới kỳ vào ngày mười lăm tháng mười hai. Lỗ Vương xin quy y với Hòa thượng và thường hay đến nghe pháp. Đến ngày mồng mười tháng hai năm Ất Dậu, tức là năm Hoàng Quang thứ nhất, thì giới kỳ hoàn tất.

Kế đó, chùa Tam Tháp ở phủ Gia Hưng tỉnh khai giới đàn, chúng tôi bèn rời chùa Đại Năng Nhân đi dò qua sông Tiền Đường, dọc đường chúng tôi đến nghỉ đêm ở chùa Diên Khánh. Nhân vì toàn thể mọi người trong phủ của Lỗ Vương muốn quy y Tam Bảo, cho nên ông ta cầu thỉnh Hòa thượng truyền thọ quy y cho họ tại Cổ giới đàn của chùa này. Thế nhưng, Hòa thượng đã nhận lời khai giới đàn tại chùa Tam Tháp, thành thử ngài hứa với Lỗ Vương sau khi giới đàn ở đó hoàn tất sẽ trở lại chùa Diên Khánh làm lễ truyền giới.

Ngày hai mươi tám tháng hai, chúng tôi đến chùa Tam Tháp, ngày mồng một tháng ba thì khai giới đàn. Số người đến xin thọ giới nhiều hơn năm trăm, phần lớn đến từ

chùa Thiên Đông. Tôi thi hành quy chế rất nghiêm túc, mọi người đều chăm chỉ học tập giới luật, không ai dám vi phạm.

Một hôm, tôi chợt nhớ đến khoảng thời gian tĩnh tu ở núi Hoàng Sơn chưa bao lâu thì Hòa thượng cho người đến gọi về, trong lòng nghĩ muốn xây tháp chúc thọ để báo ơn Hòa thượng, đồng thời khẩn cầu được toại nguyện ý muốn vào núi tĩnh tu của mình. Tôi liền đem ý nguyện đến bạch với Hòa thượng thì ngài rất hoan hỷ cho phép. Tôi liền làm một danh sách quyên góp quỹ xây tháp. Trước tiên, tự mình đóng vào quỹ hai trăm quan tiền để làm gương cho mọi người, rồi sau đó đến các đường, khai thị cho các giới tử, bảo họ nên tùy hỷ phát tâm cúng dường vào quỹ xây tháp, không hạn nhiều ít. Mọi người nghe xong đều hoan hỷ phát "hiếu tâm" cúng dường. Kết quả tôi quyên góp được hơn ba trăm hai mươi lượng bạc.

Ngày hai mươi tháng năm, nghe tin quân Thanh đã qua sông Dương Tử. Hôm mười tám tháng năm, chánh phủ Nam Kinh đã đầu hàng. Hòa thượng vội vàng cho làm lễ truyền giới Cụ túc, hoàn tất giới kỳ, sau đó chúng tôi bèn trở về Tô Châu. Có ni sư Vô Hiết, người huyện Côn Sơn, là đệ tử xuất gia thọ giới của Hòa thượng, nghe tin ngài đến Tô Châu bèn ra nghinh đón.

Trong huyện này có ngôi Đạm Hoa Đình, là tổ đình của Hòa thượng. Vì Hòa thượng thường hay đến đây thăm viếng, thành thử có rất nhiều Phật tử quy y với ngài. Tôi cho ni sư biết về dự định xây tháp chúc thọ cho Hòa thượng, bà ấy bèn phát tâm cúng dường một trăm lượng, sau đó kêu gọi các Phật tử đóng góp, kết quả quyên được hơn bốn trăm lượng bạc. Tổng cộng, tôi đã quyên được chín trăm bảy mươi bảy lượng năm tiền.

Thời buổi loạn lạc, khó mà có thể nhờ vả người khác, vì thế tôi chỉ còn cách tự mình lo liệu. Mang theo bên mình, vừa nặng nhọc lại vừa lo âu.

Thượng tọa Giới Sơ, trụ trì am Cam Lộ ở Hồ Khưu, thỉnh Hòa thượng đến đó tạm nghỉ ngơi. Đầu tháng sáu, Hòa thượng bị nhuốm bệnh tả lỵ. Lúc đó, thời buổi loạn lạc, trên sông thuyền binh hành quân, thành thử thuyền bè không tới lui được, không thể sớm trở về Hoa Sơn. Các vị tháp tùng lần lần tản mác hết, chỉ còn thầy Hương Tuyết, tôi, cùng các vị thị giả, thư ký, tổng cộng mười bốn người là còn theo hầu Hòa thượng.

Các đệ tử thọ giới ở vùng Nghiêu Phong, nghe Hòa thượng đang bị bệnh, bèn mời ngài về đó tịnh dưỡng. Đến

nơi, bệnh tình của ngài càng trở nên trầm trọng. Trong lòng tôi vô cùng lo lắng. Vài hôm sau, thầy Hương Tuyết lại xin phép đi nơi khác. Một hôm, nghe quân Thanh đã đến trấn Mộc Độc, cách chùa không xa, các vị tăng trong chùa đều lo ẩn trốn. Bọn họ bèn thỉnh Hòa thượng lên một tĩnh thất trên đỉnh núi để lánh nạn. Đầu tháng sáu, nghe tình hình an tĩnh có thể xuất hành, Hòa thượng bèn ra lệnh tìm thuyền trở về Hoa Sơn. Thuyền đến Thường Châu thì bị quân lính cản lại, nên phải quay trở về Tô Châu. Ba bốn ngày sau, tình hình hơi an định, chúng tôi lại mua thuyền để lên đường. Đến trấn Tân Phong, thấy thuyền bè hấp tấp từ miệt thượng lưu đi xuống, bèn hỏi lý do. Bọn họ cho biết: "Quân Thanh đã đến Trấn Giang, và sắp sửa đến Đan Dương, vì thế chúng tôi phải chạy đi tỵ nạn. Các vị chớ nên đến đó." Chúng tôi nghe xong, lại phải quay về Tô Châu.

Một ít lâu sau, tình hình có hơi an định, chúng tôi lại tiếp tục cuộc hành trình. Đến ngày hai mươi sáu tháng sáu thì chúng tôi trở về đến Hoa Sơn. Đại chúng ra nghinh tiếp Hòa thượng, lễ bái hỏi han. Hòa thượng mỉm cười nói: "Về núi, quả nhiên là rất an ổn. Hôm nay ta ước hẹn với các thầy là ba ngày sau, nhiều lắm là bảy ngày ta sẽ vắng sinh." Mọi người nghe xong đều bật khóc. Hòa thượng nói: "Sinh tử huyễn hóa. Thực sự không có sự việc gì mà các thầy phải khóc."

Ngày tối hôm đó, tôi mời các vị chấp sự đến chứng minh, sau đó đem sổ sách quyền góp ngân quỹ xây tháp ra, đồng thời thỉnh thầy Nguyệt Cốc đọc lớn số tiền đã quyền góp, thầy Huệ Mục kiểm điểm lại sổ sách. Tổng cộng thu được chín trăm bảy mươi bảy lượng năm tiền. Sau đó tôi đem số tiền đó giao lại cho thầy Đạt Chiếu. Đến nửa đêm, tôi nhớ lại lúc dự định cải đổi phương hướng của chùa, Hòa thượng đã căn dặn các vị chấp sự rằng: "Trong tương lai, các thầy nên xây tháp của ta ở phía sau chánh điện." Nhưng tôi nhận thấy các đại tùng lâm, nếu xây tháp ở phía sau chánh điện, thường thường không thể hưng thịnh. Phải nên thỉnh Hòa thượng xác định chỗ xây tháp trước.

Ngày hôm sau tôi bèn đến phòng Hòa thượng, tìm cách bạch với ngài: "Bạch Hòa thượng, Hòa thượng đã hứa khả chúng con dựng tháp, nhưng không biết Hòa thượng quyết định xây tháp nơi đâu?"

Hòa thượng nói: "Thầy quên rồi sao! Dựng tháp ở phía sau chánh điện."

Tôi nói: "Bạch Hòa thượng. Con từng nghe thầy địa lý lúc bàn luận về mạch đất, đã từng bạch với Hòa thượng là có ba loại chuyển biến. Đại chuyển cần phải trải qua một

trăm hai mươi năm mới hưng thịnh, trung chuyển phải đợi tám mươi năm sau mới hưng thịnh, còn tiểu chuyển thì phải đợi bốn mươi năm mới hưng thịnh. Phía sau chánh điện là mạch đến, nếu như mạch chuyển không được hưng thịnh, người sau cho rằng tháp làm tổn hại đến phong thủy, e rằng họ sẽ chuyển tháp đi nơi khác, chỉ bằng dựng tháp ở Long Sơn (chỗ "đầu rồng"), để bảo trì sự hưng thịnh lâu dài. Tháp hưng thịnh thì thường trụ sẽ hưng thịnh, thường trụ hưng thịnh thì tháp cũng sẽ hưng thịnh."

Hòa thượng trầm ngâm một hồi lâu, sau đó nói với tôi: "Cứ y như lời con nói, dựng tháp ở Long Sơn."

Lúc đó có mặt các vị khác như thầy Đạt Chiếu, v.v... ở bên cạnh, tôi bèn nói với họ: "Các vị đã nghe Hòa thượng tự quyết định. Không được xây tháp ở sau chánh điện, mà nên xây tháp ở trước chánh điện."

Vào ngày mùng một tháng sáu nhuận, Hòa thượng bảo thầy thị giả đem lịch ra xem. Hòa thượng nói: "Vào giờ ty, ngày mùng bốn ta sẽ vãng sinh." Sau đó ngài ra lệnh đánh khánh tụ họp đại chúng tại phương trượng. Hòa thượng nói với mọi người: "Thầy Kiến Nguyệt là người kế thừa pháp tịch của ta tại Hoa Sơn này." Sau đó ngài đem bộ y màu tím (do vua ban cho) cùng quyển giới bản giao

cho tôi, và nói: "Ta đem việc này giao phó cho con. Hy vọng con sẽ tổng trì tam học (giới, định, huệ), làm hiển dương ánh sáng của giới luật."

Tôi bèn quỳ xuống bạch với Hòa thượng: "Giới lạc và đức hạnh của con đều là nhỏ nhất. Kính thỉnh Hòa thượng giao phó cho các vị A xà lê. Con nguyện sẽ phụ giúp các vị ấy trong công cuộc hoằng hóa chúng sinh."

Hòa thượng nghe xong bèn im lặng nằm quay vào tường. Tôi nghĩ phải nên tạm chiều theo ý của Hoà thượng, bèn bạch với ngài: "Con xin vâng mệnh Hòa thượng. Hôm nay con tạm thời đảm nhiệm công tác mà Hòa thượng giao phó, đợi đến khi Hòa thượng bình phục, sẽ trao lại cho ngài."

Hòa thượng nghe xong bèn thay đổi nét mặt. Ngài nói: "Không phải hôm nay ta mới giao cho con, mà từ lâu ta đã ôm ấp ý tưởng này trong đầu. Con không nên thoái từ."

Tôi đĩnh lễ thọ nhận xong đứng dậy. Hòa thượng bảo thầy Độc Hành: "Giới lạc và đức hạnh của thầy đều xuất sắc, xin thầy giữ chức vụ Yết ma làm mô phạm cho hậu

học." Kế đó nói với thầy Đạt Chiêu: "Xin thầy cứ giữ chức Giám viện, trợ giúp cho cho thầy Kiến Nguyệt."

Đến ngày mùng bốn, Hòa thượng tụ tập mọi người ở Phương trượng, lấy nước lau thân thể xong, bèn nói với mọi người: "Khi nào nước khô, ta sẽ đi. Các thầy đừng nên nghĩ rằng có sự đi và sự đến, cũng không nên mặc áo tang, hoặc khóc lóc. Không nên báo tang đến các chùa khác, không nên rườm rà những việc lễ nghi thế tục. Ba ngày sau chôn thi thể ở Long Sơn của chùa."

Nói xong, Hòa thượng bèn bảo mọi người niệm Phật. Khi nước lau mình vừa khô, ngài bèn ngồi kiết già, tươi cười mà viên tịch. Tãng chúng quàng nhục thân của ngài tại phòng Phương trượng. Tất cả mọi người đều tuân theo lời giáo huấn của ngài, chí thành tụng kinh ba ngày, sau đó theo đúng nghi thức, dùng hương hoa phan lọng đưa linh cữu ngài đến Long Sơn, và xây tháp cúng dường toàn thân xá lợi của ngài. Tôi không nhớ về chùa, phát nguyện ở lại làm người quét dọn, giữ tháp ba năm. Tôi bèn xây một cái chòi lá, chỉ lợp nóc nhưng không có vách. Ngày đêm tụng kinh tụng Phật để báo ơn sâu của ngài. Thế nhưng, ở đó chưa đầy một tháng, thì đại chúng đến cưỡng ép tôi trở về chùa, làm lễ tấn phong trụ trì.

Lúc đó, thầy A xà lê Hương Tuyết đang ở Tô Châu, nghe tin Hòa thượng viên tịch và đã đem y bát truyền lại cho tôi, trong lòng cảm thấy không phục. Thầy bèn từ Tô Châu, ngồi thuyền đến Hồ Bắc, khi thuyền qua Long Đàm lại không chịu về Hoa Sơn. Thầy Đạt Chiếu phải viết thư khẩn thiết can gián, thì thầy ấy mới về núi đỉnh lễ tháp của Hòa thượng. Sau đó ở điện Quán Âm khắc bản quyển Lăng Nghiêm Quán Châu do thầy tự soạn tập. Trong điện đồ đạc bày biện ngổn ngang, tôi bảo thầy ấy dời đồ qua lầu bên cạnh, thì thầy ấy nói: "Hôm nay tôi trong điện này khắc kinh, thầy lại chê bai bề bộn, đợi mai một chùa chiền quanh quẽ, không người lai vãng, chỉ sợ lúc đó không còn ai giúp thầy quét dọn."

Tôi nghiêm mặt nói với thầy ấy: "Thầy nên thận trọng lời nói. Có long thiên thượng trụ, giác linh của các bậc tiền bối, chắc chắn sẽ không đến nỗi như vậy. Xin thầy đừng phải lo lắng."

Sau đó tôi trở về phòng phương trượng, trầm ngâm suy nghĩ, nửa vui nửa buồn. Thầy Hương Tuyết hôm nay nói những lời này, trở thành trợ duyên tăng thượng, làm cho tôi càng kiên cố chí nguyện chưởng quản trụ trì pháp môn. Phải nên tức tốc thiết lập quy chế, trước hết là để cải cách tệ đoan, sau đó là y cứ vào phương quỹ.

Đêm đó, tôi soạn mười điều quy ước. Ngày hôm sau tự tập đại chúng. Tôi đánh lễ hai thầy Hương Tuyết và Đạt Chiếu xong, bèn thưa với mọi người: "Kiến Nguyệt hạnh kém phước mỏng, thừa mệnh Hòa thượng làm trụ trì ở Hoa Sơn này, nay muốn công bố mười điều quy ước, không mô phỏng các tông lâm khác, xin quý thầy chứng minh cho lời cáo bạch của Kiến Nguyệt.

1/ Thứ nhất: Thường thấy các tông lâm, mỗi phòng nấu ăn riêng, ai nấy lo việc riêng của mình, điện đường ít người, ít thấy người xuất gia khác khổ tu tập, làm cho tông lâm mỗi ngày một trở nên đồi bại. Lỗi lầm là do các vị trụ trì đời trước độ người xuất gia một cách cầu thả, không chịu xem xét phẩm cách của họ. Hôm nay tôi chỉ nguyện làm cho Hoa Sơn vĩnh viễn hưng thịnh, dứt tuyệt tệ đoan về sự mạnh ai tự nấu ăn riêng. Duy nguyện cùng ở với các vị pháp lữ xuất gia, thệ (thề) không bao giờ độ người khác xuất gia.

2/ Thứ hai: Thường thấy các tông lâm thu tiền dưỡng lão, ngay cả người trẻ cũng thu vào, phóng túng không chịu tu hành, ngồi không mà không biết hổ thẹn. Nói chuyện thị phi, đâm thọc đại chúng, làm cho thí chủ đàm tiếu, cửa Phật lu mờ. Sự kiện này, Hoa Sơn quyết định cải

cách tận gốc. Nếu như người già mà muốn tu hành, không cần nộp tiền dưỡng lão. Tùy duyên sinh hoạt với đại chúng.

3/ Thứ ba: Thường thấy các tùng lâm thường lập chức vụ Hoá chủ (chuyên môn đến các nhà cư sĩ hoá duyên), phát phiếu công đức (biên lai thu nhận), các vị phương trượng cũng thường khen ngợi những công việc này, còn các vị chấp sự thì thường phải đến nhà thí chủ thăm viếng, tỏ lòng cảm ơn. Điều này làm cho bọn cư sĩ ỷ công rồi khinh thường người xuất gia, xen vào nội bộ chùa chiền, không biết nhân quả, hoặc làm cho họ mất lòng tin tưởng Tam bảo. Nay Hoa Sơn sẽ không lập chức vụ Hóa chủ, không phát một phiếu công đức nào hết. Hãy để cho thí chủ tùy ý phát tâm cúng dường. Nếu như đại chúng gắng sức tu hành, chắc chắn sẽ không bị đối.

4/ Thứ tư: Những vị trưởng lão nổi danh, mỗi khi lên đảm nhiệm chức phương trượng, đều lập nhà bếp riêng, thâu nhận tích chứa thực phẩm cúng riêng cho họ, tự nấu nướng riêng, mặc tình ăn riêng, ít khi đến dùng trai với mọi người. Những tay chân bộ hạ thì được cùng hưởng, còn những người khác thì không có phần. Thật là hổ thẹn, không biết tôn trọng danh nghĩa thống lãnh đại chúng. Kể từ hôm nay, ba thời trai phạn, tôi sẽ dùng chung với đại chúng, tất cả thực phẩm cúng riêng cho tôi sẽ được đưa vào

nhà kho của chùa. Nếu các đàn việt hộ pháp lên chùa thăm viếng, giả như tôi không thể bỏ phước việc tiếp đón họ, thì đây không được coi là thiên vị một thí chủ nào.

5/ Thứ năm: Ở khắp nơi, các vị đường đầu không ai không thâm nhận cúng dường của đàn việt. Tiền hương nghi thì giao cho phương trượng, còn tiền cúng trai thì giao cho nhà kho. Đây thực sự là đem tiền cúng dường chung cho đại chúng mà phân làm hai. Giả như thí chủ chỉ cúng hương nghi, lúc khoản đãi đàn việt thì dùng tiền của thường trụ, còn tiền cúng dường (hương nghi) thì cất riêng cho mình. Làm cho Giám viện phải cực nhọc lo lắng bả việc cho đại chúng (bả việc, tức là gạo, dầu, đèn, nhang, v.v...). Các vị phương trượng đó không nghĩ rằng việc thường trụ là việc của mình, đồ vật cúng cho mình là hoàn toàn thuộc về thường trụ. Hôm nay, duyên của tôi tuy chưa đến, nhưng trước tiên phải cải cách điều này. Bất cứ ai cúng hương nghi, tất cả đều thuộc về thường trụ. Nếu như muốn xài việc riêng, phải công bố cho đại chúng biết.

6/ Thứ sáu: Các nơi khác, khi loan báo truyền giới, hoặc ba tuần, hoặc một tháng. Các giới tử lúc đến đều phải đóng lệ phí "ăn ở", lúc trở về đều được giao công tác phân phát phiếu hóa duyên (cho thí chủ), (thường trụ) dùng đây (sự truyền giới) như một thủ đoạn kinh doanh, đây gọi là

chân thực hoàng pháp hay sao? Từ nay Hoa Sơn sẽ không thu lệ phí của các giới tử đến thọ giới, mà cũng không phát phiếu hóa duyên. Tùy duyên sống đạm bạc, thanh tịnh truyền giới.

7/ Các đại tùng lâm, mỗi phòng đều chất chứa trà, bánh, trái cây, v.v..., để dùng riêng, bày biện nhiều dụng cụ giải trí, đâu phải chỉ có tụ tập bàn chuyện nhằm nhĩ tiêu hao ngày tháng, mà còn bàn chuyện thị phi của đại chúng, làm cho mọi người đâm ra xích mích, tổn nhiều lợi ích, làm sao mà có thể an nhiên thọ dụng của tín thí. Hôm nay xin cải cách tệ đoan này. Tất cả đại chúng, nếu có bạn đạo hoặc người quen đến thăm, xin dẫn họ đến khách đường tiếp chuyện, khoản đãi. Để cho: thứ nhất, thường trụ không khiếm khuyết trong việc tiếp đãi khách khứa; thứ hai, đối với cá nhân vị ấy cũng được hãnh diện.

8/ Thứ tám: Những vị chấp sự ở các tùng lâm có thói quen đi đến nhà đàn việt thăm viếng, quà cáp. Đã xuất gia mà ngược lại vẫn còn chạy theo những lễ nghi thế tục, làm Tăng mà không biết giữ thể diện của Tăng. Nhân vì tham cầu lợi dưỡng nên đã hoàn toàn vi phạm giới luật của Phật. Hiện nay Hoa Sơn cách xa thành ấp, hơn nữa tất cả tăng chúng đều trì luật tu hành. Những vị đàn việt có đạo tâm ắt sẽ thông cảm mà ủng hộ.

9/ Thứ chín: Các chùa trên núi, không giống như các tùng lâm ở gần thành thị, tất cả gạo, củi, v.v..., đều phải được gánh gồng lên núi. Công tác chung đều có đánh bảng để mọi người cùng nhau chung sức. Nếu như tự cầu an nhàn, để mặc cho người khác lao nhọc, thì làm sao có thể gọi là thống lý đại chúng. Từ nay trở đi, mỗi khi có công tác chung, tôi sẽ cùng ra chung sức với đại chúng, quyết không trễ nải, mà sẽ làm gương cho mọi người. Nếu ai bị bệnh thì sẽ được tạm miễn công tác, chỉ có những người già yếu mới được miễn tham gia. Tất cả đại chúng đều y theo đây mà tiến hành.

10/ Thứ mười: Tất cả đại chúng cùng sống chung trong một đại giới, đều phải tuân theo giới luật của Phật, vứt bỏ đi những đồ trang sức lòe loẹt, không chứa đồ tơ lụa, không nên bắt chước ăn mặc như người thế tục, ba y không được lìa thân, cần phải nhuộm hoại sắc, phải nên dùng bát, hoặc bằng sắt, hoặc bằng sành để thọ trai. Giới luật không cho phép ăn quá giờ Ngọ, chúng tăng cùng nhau y giáo phụng hành, khuyến khích, nhắc nhở lẫn nhau, những người biếng nhác phải tùy chúng mà gắng sức.

Tôi nay đặt mười điều này làm quy ước, lo gì mà Hoa Sơn không hưng thịnh."

Thầy Đạt Chiếu nói: "Những điều khác thì có thể áp dụng, còn như việc Hóa chủ (điều 2) thì không thể bỏ được. Một lời nói ra khó có thể rút lại, chỉ sợ sau này không còn lương thực, lúc đó hối hận cũng không kịp."

Tôi nói: "Kiến Nguyệt mới đảm nhận chức Phương trượng, quả thực không có duyên, thề không bắt chước những chùa náo nhiệt ồn ào khác, mà chỉ nguyện học tập cách thức hành trì của các bậc cổ đức."

Thầy Hương Tuyết nghe xong, ngang nhiên bước ra ngoài, còn thầy Đạt Chiếu thì không được vui, thở dài trở về phòng.



Lúc Hòa thượng còn sanh tiền, có ba thái giám quy y. Thái giám họ Tôn, pháp danh Đốn Ngộ, thái giám họ Lưu, pháp danh Đốn Tu, thái giám họ Trương, pháp danh Đốn Chứng. Lúc Dụ Vương đưa binh qua sông Trường Giang,

ba người bèn trốn lên núi cầu xuất gia. Lúc đó Hòa thượng chưa về núi, thầy Đạt Chiếu thay mặt Hòa thượng làm lễ xuống tóc cho bọn họ. Đến lúc Hòa thượng về núi, thì bọn họ mỗi người được ở một phòng. Ngày ba mươi tháng chín, Lưu Đốn Tu bí mật thương lượng với hai thầy Hương Tuyết và Đạt Chiếu về việc nấu ăn ở trong phòng riêng, hai thầy đều cho phép. Ngày hôm sau, một tháng mười, Đốn Tu mời tôi đến phòng uống trà, hai thầy kia đã ngồi sẵn nơi đó. Đốn tu cho tôi biết việc nấu ăn riêng, và nói rằng hai thầy kia đã đồng ý, nay báo lên cho Phương trượng biết.

Tôi nói: "Tôi đã là Phương trượng, tại sao không bàn với tôi trước. Trước đã cho phép, rồi sau mới nói với tôi. Tôi nay có ba việc xin phụng cáo: Thứ nhất, ngày trước lúc Hòa thượng còn tại thế, chùa nào thỉnh ngài truyền giới, nếu họ có những dụng cụ nấu nướng riêng tư, ngài đều yêu cầu họ hủy bỏ, mọi người phải cùng dùng trai với nhau, sau đó ngài mới chấp nhận lời thỉnh, nếu không ngài không đến. Hiện nay, Hòa thượng viên tịch chưa được bốn tháng, ai dám cả gan ở thường trụ này mà nấu riêng trong phòng. Đây là coi thường người quá cố, quyết không được làm. Thứ hai, nếu muốn nấu riêng, phải đợi sau khi tôi chết thì may ra có thể. Thứ ba, nếu khi tôi có nhân duyên rời khỏi Hoa Sơn này, thì các vị tùy ý muốn chủ trì ra sao cũng

được. Nếu như tôi còn ở núi này, lẽ nào nhẫn tâm làm cho đạo tràng này đòi trụ."

Nói xong, tôi bèn phát áo đi ra khỏi phòng. Hai thầy Hương Tuyết, Đạt Chiếu im lặng không nói lời nào, còn Đốn Tu thì hổ thẹn thất vọng. Tôi mượn nhân duyên này để làm đầu mối cho sự trung hưng giới luật.

Một hôm, tôi triệu tập đại chúng ở chánh điện. Mời hai thầy Hương Tuyết, Đạt Chiếu đến. Sau khi đánh lễ hai thầy xong, tôi bèn cáo bạch với mọi người: "Kiến Nguyệt từ lúc theo hầu Hòa thượng đến nay, là cùng chung với quý thầy phụ giúp Hòa thượng trong công việc hoằng hóa. Phàm có việc gì muốn làm, đều bạch riêng với Hòa thượng trước, ý muốn canh cải tệ đoan. Thường được ngài từ bi dạy rằng: "Từ luật tổ cho đến ta, nhân vì muốn trung hưng giới luật, nên đã thiết lập phương tiện (tùy thuận chúng sinh), nếu ý hướng con là tuân thủ giới luật, hãy đợi sau này (sau khi ta mất) thì con cứ y theo luật chế mà hành trì." Hiện nay, Kiến Nguyệt một mình gánh vác trọng trách, chủ trì mọi sự, lẽ nào biết giới luật mà lại không hành trì giới luật. Từ nay trở đi, tất cả phải tuân theo quy chế, nghiêm trì giới luật."

Ba ngày sau, thầy Đạt Chiếu từ chức Giám viện, thầy Đốn Ngộ phát tâm đảm nhận việc ấy. Thầy Hương Tuyết bỏ đi đến chùa Thiên Ninh ở Thường Châu để giảng kinh. Các vị đồng giới đều cáo từ, còn các vị chấp sự cũ, mười người bỏ đi hết tám, chín. Thứ nhất là họ không thể nghiêm trì giới luật, thứ hai là họ không thể cùng với đại chúng sinh hoạt đạm bạc, thứ ba là họ không muốn làm công tác chung với mọi người. Tôi cũng không lưu giữ họ. Chỉ còn lại hơn độ một trăm người cùng chung chí hướng, đều phấn khởi ủng hộ, nguyện cùng nhau nghiêm trì giới luật.



Trong tháng mười, có hơn ba trăm người đến cầu thọ giới. Thầy Long Sa ở huyện Diêm Thành làm thủ sa di (chúng trưởng của các sa di). Trước tiên chúng tôi theo đúng nghi quỹ kết đại giới, sau đó tổ chức một đàn ba người, truyền thọ giới tỳ kheo. Thầy Đạt Chiếu cùng các đệ tử, trước mặt đại chúng không nói lời nào, thế nhưng sau đó cùng nhau bàn luận không nguôi, cho rằng tôi nhận lời phó chúc của Hòa thượng, mà nay lại dám sửa đổi nghi quỹ.

Việc xướng phương kết đại giới, xưa nay chưa từng nghe, lại còn việc một đàn ba người thọ giới tỳ kheo, cũng chưa từng thấy bao giờ. Bọn họ bèn gán cho tôi tội bất hiếu. Đây là do bọn họ chưa am tường giới luật nên mới nói những lời như vậy. Nghe bọn họ bàn tán, tôi giả vờ như không biết.

Một hôm thầy Đạt Chiếu tản bộ đến Phương trượng, tôi bèn nhẹ nhàng khuyên nhủ: "Nếu thầy có thì giờ rảnh, xin duyệt qua bộ Luật trong Đại tạng kinh, để xem thử thế nào." Thầy ấy nghe lời về đọc bộ Luật. Sau đó biết rằng sự hành trì của tôi là có y cứ, bèn trở ngược lại khen ngợi. Từ đó không còn ai dị nghị nữa.



Thầy Lưu Đốn Tu lúc còn làm thái giám, có giao cho thầy Tôn Đốn Ngộ bốn trăm lạng bạc để mua ruộng gần chùa, dự định để làm nơi dưỡng già. Đốn Ngộ ôm lòng bất chánh, bèn dùng giá mắc mà mua ruộng rẻ, số mẫu lại không đủ, số thóc thu vào không đủ trả tiền thuế. Đốn Tu căm hận đến cực điểm, bèn dấy một lưỡi búa vào người, thề sẽ giết chết Đốn Ngộ. Thấy án mạng sắp xảy ra, mọi người trong chùa đều kinh hoàng. Thầy Đạt Chiếu báo cáo

sự việc này cho tôi hay, tôi nói: "Nếu mà để vụ án mạng xảy ra thì thanh danh của chùa này sẽ bị hủy hoại. Rất may là số tiền xây tháp của Hòa thượng hãy còn dư, hãy đem số tiền này mua miếng ruộng đó để làm ruộng hương hỏa của tháp, và cũng để cho hai người kia cởi bỏ oán thù." Đốn Tu bán ruộng cho thường trụ sau khi giảm giá một trăm lượng. Nhờ đó thường trụ mới an bình trở lại.



Mùa xuân năm Thuận Trị thứ hai, kỵ binh của quân Thanh thả ngựa ăn lúa mạch của dân chúng. Mấy người dân trong làng không biết, bèn bắt ngựa đem đi. Tướng quân họ Ba bèn gán cho họ tội phản nghịch, đem quân đến bắt giữ, hơn phân nửa số dân làng bị giết, tất cả tài sản, vợ con đều bị tịch thu, những người chạy thoát được, tứ tán khắp nơi, không ai dám trở về nhà. Đột nhiên có người đứng ra làm thủ lĩnh, tụ tập những người dân chạy loạn lại, giả danh mượn lương thực để khởi nghĩa, nhưng thực ra là đi xâm hại người lương thiện. Thầy Đạt Chiếu nghe tin cảm thấy lo sợ, bèn dẫn các đệ tử của thầy xuống núi.

Đến đầu tháng tư, tôi nghĩ thổ tặc tuy đang làm loạn, thế nhưng việc an cư tự tứ đã bị phế bỏ từ lâu; lúc mới nhiệm chức vụ Phương trượng tôi đã bạch với đại chúng là kiên quyết hành trì giới luật, hiện nay đến ngày kết hạ, lẽ nào lại bỏ phế không thực hành. Do đó, vào ngày mười sáu tháng tư, chúng tôi làm lễ tiền an cư, số tỳ kheo được hơn một trăm sáu mươi người, số sa di được tám người, tổng cộng là một trăm bảy mươi ba người, nghiêm trì luật chế, dụng công tu hành gấp bội ngày thường.

Ngày hai mươi tháng năm, lúc trời hừng sáng, tên đầu đảng của bọn thổ tặc là Trương Tú Phong dẫn hơn trăm đồng đảng lên núi, đứng đợi bên ngoài, đợi lúc cổng chùa vừa mở, thì cả bọn liền xông vào. Tên đầu đảng nói với tôi: "Chùa này phòng ốc khá nhiều, nhà bếp lại to rộng, chúng tôi mượn ở vài ngày."

Tôi nói: "Phòng ốc, nhà bếp quả thực có thể dùng được, thế nhưng có hai việc bất tiện. Thứ nhất, các ông đối với những người dân không nộp lương thực, đánh đập tra khảo họ, chúng tôi ở đây nếu trông thấy cảnh tượng như vậy, quả thực không thể nhẫn tâm. Thứ hai, chúng tăng giả như cùng các ông ăn chung một chỗ, nếu quan quân bắt được, chúng tôi khó tránh khỏi tù tội. Tôi có nghe ngày xưa lúc ngài Diệu Phong mới lập chùa này, các dân làng phụ

cận đều vui vẻ đến đây làm việc công quả, trợ giúp công việc xây dựng Đồng Điện, đốn cây vác gạch, trong đây cũng có công đức của ông cha quý vị. Hiện nay nếu hủy hoại thường trụ, tức là hủy hoại phước điền của chính mình. Chỗ ở rất nhiều, tại sao lại không đi nơi khác."

Tôi một mực từ chối ba bốn lần như vậy, gã đầu đảng bèn nói: "Y như lời thầy nói, chúng tôi sẽ tạm trú phía ngoài phạm vi của chùa."

Không ngờ, có một vị tăng trong chùa, pháp danh Khắc Tu, có một người anh cũng là đầu đảng trong nhóm thổ tặc. Khắc Tu thường lén đi gặp người anh. Khi tôi hỏi về hành tung của bọn họ, thì thầy ấy không chịu tiết lộ một lời. Mọi người cảm thấy rất lo lắng, còn thầy Khắc Tu thì tỏ ra bất chấp (sự ngăn cấm đi lại). Tôi bèn ra lệnh cho đại chúng: "Mỗi người hãy vác một bó củi ra, đem Khắc Tu đi đốt chết, để dứt tuyệt hậu hoạn, bảo hộ thường trụ."

Khắc Tu nghe tôi nói, hồn phi phách tán, bèn trốn vào trong phòng, khóa chặt cửa lại. Sư phụ của Khắc Tu là thầy Kế Hiền, đến khóc lóc quỳ xuống năn nỉ xin làm theo lời yêu cầu của tôi, cầu xin đại chúng đừng đốt chết Khắc Tu. Nghe xong, tôi gọi thầy Khắc Tu đến, nói với thầy ấy: "Trưa ngày mai, thường trụ thiết trai. Mời mười vị thủ lãnh

của bọn họ đến tham dự, không được nhiều hơn số này. Nếu thầy làm theo lời tôi dặn thì sẽ được miễn tội. Nếu như quá nhiều người đến, hoặc không ai đến, tôi cũng sẽ xử phạt thầy."

Đêm đó, tôi tụ tập đại chúng, thương lượng rằng: "Trưa mai, nhóm đầu đảng của bọn thổ tặc đến, các vị hãy xếp hàng hai bên, những người lớn tuổi ở sau, còn những người trẻ đứng trước. Phải giữ im lặng, không nên tỏ vẻ sợ hãi. Nếu tôi không nói gì thì hãy cứ đứng đó, còn nếu tôi bảo thì hãy lui ra, chỉ cần hai mươi người ở lại. Hai người ứng phó một người."

Đến trưa, bọn họ đến đúng giờ hẹn. Sau khi bọn họ ngồi xuống, đại chúng đứng dàn hai bên. Tôi nói: "Quý vị hiện nay phải làm những điều này, là do vợ con quyến thuộc bị giam cầm. Các vị lại đều là con dân của nhà Minh, đâu thể nhẫn chịu sự oan uổng. Đây chỉ là vì bất đắc dĩ mới làm những sự việc này."

Bọn họ nghe nói, đều cảm thấy tủi lòng, cho rằng tôi rất thấu hiểu tâm tình của họ. Tôi liền đứng dậy lấy tay đập vào bàn nói: "Hôm nay chúng tôi mời quý vị đến đây thọ trai, là muốn cho quý vị biết rằng, Đồng Điện là do nhà vua (triều Minh) ra sắc lệnh kiến lập, Đại tạng kinh cũng do vua

(nhà Minh) ban. Hiện nay chúng tãng không thể yên tâm tu hành. Quý vị lẽ nào nhẫn tâm phá hủy thường trụ hay sao. Hôm nay chúng tôi cũng bất đắc dĩ mà làm điều này."

Bọn họ thấy tôi đồng dạc như vậy, thấy đều hoảng sợ thất sắc, cả thầy đồng thanh lên tiếng: "Biết rồi, biết rồi! Chúng tôi biết trong chúng tãng đây cũng có nhiều người văn võ toàn tài. Thầy cũng không cần phải to tiếng. Ngày mai chúng tôi sẽ lập tức dời doanh trại đi nơi khác."

Tôi thấy thế bèn dùng lời nhỏ nhẹ an ủi. Sau đó bọn họ cáo từ. Quả nhiên sáng hôm sau vào canh năm bọn họ dời doanh trại đi nơi khác. Tôi đề phòng quan quân sẽ lên núi tuần tra, bèn cấp tốc ra lệnh cho các vị chấp sự trong chùa cầm đèn đuốc đi xem xét khắp nơi. Nếu còn có vết tích củi than nấu nướng, thì phải quét cho sạch hết, lấy lá phủ lên, còn như có lông, xương của cầm thú, thì phải thu nhặt cho sạch sẽ, đem đổ xuống các khe nước sâu.

Trời vừa hừng sáng, quan Đô thống họ Mã của phủ Trấn Giang dẫn quân lên núi, cưỡi ngựa đi thẳng vào chùa nói với tôi: "Quan phủ tra xét, biết bọn thổ tặc đã ở đây tám ngày. Tại sao các ông chấp chứa bọn họ mà không khai báo?"

Tôi nói: "Nếu bọn thổ tặc đã ở đây nhiều ngày như vậy, lẽ nào không có lưu lại vết tích than củi, hoặc lông xương của cầm thú quanh đây. Xin quan hãy cho người đi xem xét mọi nơi cho rõ hư thực."

Bọn lính sau khi đi tra xét trở về, báo cáo là không thấy gì, quan Đô thống bèn thưởng cho bọn họ năm lượng bạc, rồi dẫn quân xuống núi.

Tin tức quân binh kéo lên núi tra xét loan truyền khắp nơi, khiến cho đàn việt không còn dám đến chùa. Mỗi ngày ba bữa, chúng tăng phải húp cháo loãng cho đỡ đói. Nhiều hôm, dầu muối cũng không có. Bọn thổ tặc thì tới lui bất định, làm cho đại chúng tinh thần bất an. Tôi bèn cáo bạch với đại chúng: "Hiện nay, chúng ta mới bắt đầu an cư, các vị đừng nên sợ hãi thoái tâm. Lẽ nào chư vị thiện thần không ủng hộ chúng ta. Khi nào có quan quân hoặc thổ tặc lên chùa, tôi sẽ tự mình lo liệu. Đại chúng không cần phải lo lắng."

Mọi người nghe xong, cảm thấy an tâm, bèn tiếp tục siêng năng tu tập.



Đầu tháng sáu, thổ tặc nổi lên ở khắp nơi. Bọn chúng đều kéo lên núi Hoa Sơn. Có bọn thì trú tại tỉnh thất Long Oa, có bọn thì trú tại tỉnh thất Hoàng Hoa Động, có bọn thì trú tại tỉnh thất Luyện Tinh Nham, còn lại có bọn trú tại tỉnh thất ngay phía sau nhà trù. Sáu chỗ này đều thuộc về phạm vi đại giới của thường trụ. Bọn chúng, có người thì dùng lễ nghi, viết giấy xin mượn vật dụng của thường trụ, có kẻ thì ỷ sức mạnh mà đến lấy đi một cách ngang nhiên. Những trường hợp như vậy, tôi đều khéo léo từ chối.

Bọn chúng, mỗi khi nghe quan quân kéo đến thì đều tản mác ẩn trốn. Sau khi quan quân đi rồi, thì họ tụ tập trở lại. Tôi nghĩ điều này sẽ có hại lớn, bèn điều động đại chúng phá hủy tất cả những tỉnh thất, không còn lưu lại một nơi nào.

Đến ngày rằm tháng bảy, mọi người làm lễ tự tứ ở phòng Phương trượng. Khi ấy, thầy Nguyễn Vân, giữ chức Tây đường, có làm một bài thơ như sau:

An cư tuế sự dĩ trầm mai,

Ngã Phật nghiêm quy phụ lãnh hồi,
Bạch thủ tạng lưu vô nhất lập,
Bảo Hoa Luật Xã hỷ trùng khai,
Thọ trừ kháp ứng Nam tham số,
Tọa thảo do tòn Tây quốc tài,
Tự tứ dĩ viên, giai thoại tại,
Ba Ly tuyệt học, hẩu như lôi.

Tạm dịch:

*Pháp sự an cư bị lãng quên,
Nghiêm quy của Phật lạnh tro tàn,
Xuất gia đầu bạc không một lập,
Nay mừng Luật xã tại Hoa San,
Thọ trừ an cư, người đã ít,
Tọa thảo tự tứ, càng hiếm khan,
Tự tứ đã xong, còn nhớ mãi,
Ba Ly trì luật, tiếng rền vang.*



Đến đầu tháng tám, tình hình tạm yên ổn, tôi đem công việc của thường trụ ủy thác cho thầy Giám viện Đốn

Ngộ quản lý, còn tôi thì ở tại lầu Phương trượng dụng công lay Phật.

Đến ngày mười hai, mở cửa sổ nhìn ra ngoài, thì thấy một người trạc tuổi trung niên, mặc áo màu xanh cũ, phía dưới lộ ra màu đỏ, đang đi ở phía dưới hành lang dò xét. Tôi liền xuống lầu nói với thầy Đốn Ngộ: "Gã ấy là binh lính mặc đồ dân, đến chùa dò thám. Không nên cho gã ở lại."

Về sự việc này, Đốn Ngộ đã nói riêng với thầy Tuần chiếu (phụ trách an ninh trong chùa) rằng gã đó là dân tỵ nạn, đến chùa xin ở tạm đến qua Trung thu, tại sao lại không mở lòng từ bi cho gã tạm trú. Khi tôi biết được sự việc này, liền gọi thầy Tuần chiếu đến quở trách. Lúc ấy, gã thám tử cũng đang đứng dưới lầu phương trượng nhìn lên.

Khoảng một lúc sau, có khoảng hơn một trăm tên thổ tặc, mỗi tên đều cầm gậy gộc làm vũ khí, đến đứng dưới các mái hiên. Thầy Đốn Ngộ vừa nhìn thấy đã cảm thấy hoảng sợ. Nhân vì lúc thầy ấy còn làm thái giám, đã nổi tiếng là giàu có, cho nên lo sợ bọn thổ tặc đến làm tiền. Thầy ấy bèn giả vờ thân thiện, nấu cơm mời bọn chúng ở lại dùng trai, hy vọng mua chuộc cảm tình. Tôi biết chuyện

này, bèn xuống lầu, thấy bọn thổ tặc đã ngồi vào bàn ăn, chén bát đã dọn sẵn, khó bề có thể can ngăn được nữa, tôi bèn nói với thầy Đốn Ngộ: "Tánh mạng của hơn một trăm đại chúng ở đây, cùng sự tồn tại của chùa này, đều do một bữa cơm này mà bị hủy hoại. Sau này có việc gì, đều là do thầy, không liên can gì đến tôi."

Gã thám tử mặc áo xanh khi nãy, thấy thế bèn mỉm cười bỏ đi. Sau khi nghe tin Tướng quân họ Ba, họ Ngao, cùng với quan huyện họ Trần của phủ Trấn Giang dẫn quân ra khỏi thành tảo trừ bọn thổ tặc, đóng trại trên đỉnh núi Đông Tạ, lúc đó chúng tôi mới biết gã mặc áo xanh đó chính là binh lính đến chùa thám thính.

Vào nửa đêm ngày mười ba tháng tám, khoảng hơn một trăm kỵ binh của quân Thanh kéo lên núi vây chùa. Đại chúng hoảng hốt, không đường tẩu thoát. Trời vừa bình minh, tôi nói với thầy Đốn Ngộ: "Tôi là phương trượng, thầy là Giám viện. Hiện nay có chuyện, phải cùng nhau gánh vác. Nếu như quan binh tiến vào, họ sẽ phá hủy chùa chiền, lại còn liên lụy đến đại chúng."

Nói xong, hai chúng tôi bèn mở cửa chùa, đi đến Đòng Điện Đài. Vị quan cầm đầu hỏi chúng tôi: "Hai thầy là ai?"

Tôi trả lời: "Tôi là phương trượng, còn vị này là giám viện."

Vị quan thấy chúng tôi tự động đến ra mắt, tỏ vẻ hoan hỷ, bèn cùng chúng tôi đến trước cổng chùa ngồi xuống. Vị quan hỏi trong chùa có bao nhiêu tăng nhân. Tôi nói: "Tăng chúng, già trẻ cả thầy là chín mươi bốn người."

Vị quan bảo phải gọi ra hết. Ai mà không đến, tức là có liên hệ với bọn thổ tặc. Trong chùa cũng có một số dân chúng đến làm công tác, phụ trách công việc gạch, ngói, cùng tô tượng, v.v... Thầy Đốn Ngộ cũng đều gọi bọn họ ra ngoài trình diện.

Đội lính đem một gã tù đang bị trói ra để nhận diện đồng bọn. Gã tù đó, sau một đêm bị giam, hồn tiêu phách tán, nói không ra tiếng, chỉ biết đưa tay chỉ loạn cả lên. Do đó, khi một người trong nhóm dân làm công vừa bị điểm mặt, thì cả mười sáu người trong nhóm đều bị vu oan là thổ tặc, lại còn sáu người khác cũng bị cột cổ dẫn đến doanh trại.

Thấy sự tình như vậy, sợ có gian tế ẩn núp trong chùa, hai vị quan bèn dẫn theo bốn người lính. Một người

lính mở cửa. Bọn họ kêu tôi và thầy Đốn Ngộ cùng đi vào chùa. Hễ thấy liêu phòng nào khóa cửa, họ liền lấy ngón tay chọc thủng màn cửa sổ để nhòm vào. Tôi muốn cho họ hết nghi ngờ, bèn lấy chìa khóa trong túi mở cửa phòng cho họ khám xét. Trên bàn chỉ có kinh sách, ngoài ra chỉ có giường ghế phủ vải (che bụi vì không có ai ở). Liên tiếp ba bốn phòng đều như thế, vị quan tin là không có sự man trá, bèn ra lệnh không cần phải mở những cửa phòng còn lại. Vị quan dẫn binh lính ra khỏi chùa, ngồi xuống rồi nói với tôi: "Có người báo quan là trong chùa có chứa chấp thổ tặc. Quan lớn ra lệnh cho chúng tôi áp giải tất cả mọi người trong chùa về bản doanh, không chừa người nào."

Tức thời ra lệnh cho một kỵ binh áp giải một vị tăng đi sau, còn vị quan ấy thì áp giải tôi đi trước. Tôi nghĩ nếu như trong chùa không có người, bọn lính cũng không có chủ, nếu như bọn chúng tiến vào trong chùa, ắt là thường trụ sẽ bị cướp sạch. Tôi bèn nói với vị quan: "Khi tiến binh thì đi phía trước để thống lĩnh, khi rút lui thì đi phía sau để trấn định. Tôi là tăng thủ, còn ông là lãnh binh. Nên để lính dẫn các vị tăng đi phía trước, còn tôi và ông đi phía sau, như thế tăng chúng sẽ không thiếu một ai, mà binh lính cũng sẽ không làm loạn."

Vị quan cười nói: "Cứ y theo lời thầy nói."

Chúng tôi đi khoảng hai mươi dặm thì đến đỉnh núi Đông Tạ. Đi vào đại doanh, thấy rất nhiều thổ tặc ở trên đang bị trói, khoảng hơn một ngàn người dân quê đang gào khóc rên la, kêu trời như bộng.

Một tên lính cầm cờ dẫn chúng tôi đến ngồi ở một nơi, rồi đem mười sáu người bị vu oan dẫn đi, một lúc sau lại dẫn họ trở lại phía sau lưng chúng tôi. Tên lính nói: "Các vị phải nên nói thực, nếu không cũng sẽ bị giết một lượt, giống như mười sáu tên này."

Nói xong, chỉ nghe vài âm thanh vang lên, mười sáu người kia đã bị giết sạch. Sáu người bị trói còn lại thì được tha mạng. Máu của những người bị giết văng tung tóe, vấy vào các tảng bào.

Tôi nói với đại chúng: "Các thầy chớ nên sợ hãi. Mỗi người nên nhất tâm niệm Phật. Nếu như đã là định nghiệp của nhiều đời, thì hôm nay nhất định phải trả báo. Còn nếu không phải như vậy, tự nhiên sẽ được giải thoát. Sự tu tập hằng ngày, chính vào giờ phút này được thử thách." Mọi người nghe xong, đều chuyên tâm niệm Phật.

Quan huyện họ Trần đi xuống, chỉ kêu một mình thầy Đốn Ngộ lên trên, tra tấn hạch hỏi. Thầy ấy khai tôi là phương trượng, ông Huyện bèn sai lính xuống gọi tôi lên. Tôi suy ngẫm sự sống chết giống như bọt nước sanh diệt, dù lâm nạn cũng không nên làm mất uy nghi của một vị tăng, bèn đi lên một cách khoan thai. Quân lính đứng hai bên tuốt gươm ra khỏi vỏ, đều hô lớn tiếng bảo tôi quỳ xuống. Tôi nghiêm mặt nói: "Thân mặc áo cà sa của đức Như Lai. Đức Phật đã chế định không được lễ bái người thế tục, lẽ nào lại quỳ xuống để xin tha mạng. Như vậy là vi phạm giới luật."

Nói xong, tôi bèn chấp tay đứng qua một bên. Vị tướng quân họ Ba dơ tay chỉ vào tôi mà cười, kế đó lại lấy tay tự sờ vào đầu, rồi lại đưa ngón tay cái lên (tỏ vẻ khen ngợi), sau đó quay lại nói tiếng Mãn châu với tướng quân họ Ngao và quan huyện Thao Giang họ Trần. Người thông ngôn dịch cho tôi nghe: "Tướng quân họ Ba nói đầu ông và đầu của tướng quân giống nhau (trọc), ông là Hòa thượng tốt, không cần phải quỳ."

Quan huyện họ Trần nói: "Thổ tặc trú tại núi Hoa Sơn đã lâu, tại sao không lập tức cho người đến báo quan, mà lại tự chuyên chấp chứa?"

Tôi nói: "Núi Hoa Sơn tuy cao, nhưng trên đỉnh có đường lớn băng ngang. Nếu như thổ tặc từ phía trước đi đến phía sau núi, thì những người ở phía trước núi nói là họ trú tại Hoa Sơn, còn nếu như thổ tặc từ phía sau đi đến phía trước núi, thì những người ở phía sau lại nói là họ trú tại Hoa Sơn. Nếu chúng tôi đi báo quan, mà lúc quan quân đến không thấy thổ tặc, thì chúng tôi lại mắc tội. Đây không phải là chúng tôi chấp chứa bọn họ mà không đi báo. Nay Hoa Sơn ở phía trước mặt, thỉnh quan lớn hãy nhìn xem cho rõ."

Quan huyện bèn quay đầu nhìn lên, quả nhiên trên đỉnh núi có đường lớn băng qua, bèn nói với tôi: "Trường hợp này bỏ qua không tra xét."

Kế đó lại hỏi: "Tôn thái giám là nội quan của triều Minh, lén lút chứa chấp thổ tặc, trong lòng ôm ấp sự phản nghịch, thầy ắt biết rõ điều đó?"

Tôi nói: "Tôn thái giám lên núi xuất gia vào năm Sùng Trinh thứ mười bảy. Hiện nay làm Giám viện chưa đến nửa năm. Tôi chỉ biết rằng ông ta từ quan xuất gia tu hành, còn tâm ông ta xấu tốt, đó là một sự bí mật, tôi làm sao biết được."

Quan huyện Thao Giang nói: "Quả nhiên đó là sự việc bí mật. Hãy bỏ qua việc này. Thầy hãy đi xuống."

Tôi vẫn giữ uy nghi từ từ trở về chỗ cũ. Phía trên lại tiếp tục tra khảo thầy Đốn Ngộ về việc đãi cơm cho bọn thổ tặc. Thầy ấy lại khai thầy Khắc Tu có liên hệ. Hai người đổ thừa qua lại, không ai chịu nhận. Bọn lính bèn trói thầy Khắc Tu lại đánh. Thầy Khắc Tu bị đánh đau quá chịu không nổi, lại khai tôi là phương trượng, cai quản cả chùa. Bọn họ lại cho người xuống gọi tôi lên hỏi. Tôi quay lại nói với đại chúng: "Lần này đi lên sợ không được trở về. Mỗi người nên chánh niệm, không nên vì tôi mà hoảng sợ."

Nói xong, tôi lại đi lên một cách khoan thai, chấp tay đứng qua một bên. Quan huyện họ Trần lại nói: "Chùa của thầy vào ngày mười hai đã có đãi cơm cho bọn thổ tặc. Tôi đã có người ở trong chùa thám thính. Tại sao lại dấu diếm."

Tôi thấy thầy Khắc Tu bị côn kẹp vào dùi, còn thầy Đốn Ngộ thì bị trói quỳ một bên. Tôi liền lên tiếng quở trách hai người: "Rõ ràng vào ngày mười hai thực sự có hơn một trăm người đến chùa dùng cơm, tại sao lại không chịu nhận. Làm phiền ba vị quan lớn đây hạch hỏi tới lui ba lần bảy lượt, mà tự mình lại còn phải chịu sự khổ sở."



Quan Huyện họ Trần nói: "Thầy đúng là người tốt. Nói sự thực cho tôi biết."

Tôi nói: "Quan Huyện muốn hỏi việc đãi cơm cả năm nay, hay chỉ hỏi việc đãi cơm ngày mười hai vừa qua?"

Quan Huyện hỏi: "Cái gì là đãi cơm cả năm?"

Tôi nói: "Các làng xóm trong vòng hơn một trăm dặm quanh núi đều gọi là Hoa Sơn. Trong chùa, vì tăng chúng nhiều, cho nên mỗi năm vào mùa gặt hái chúng tôi đều đi đến các làng để hóa duyên thực phẩm, do đó mỗi làng đều là thí chủ của chùa. Hễ có người đến chùa, bất luận nhiều ít, chúng tôi đều đem cơm nước ra khoản đãi. Nếu như không giữ họ lại dùng cơm, e rằng sang năm sẽ không có thực phẩm cúng dường. Từ lúc xây Đồng Điện đến nay, mỗi năm đều như vậy. Đâu chỉ có một bữa cơm vào ngày mười hai tháng tám năm nay. Bọn họ đến lại không có đem theo cung tên binh khí, làm sao chúng tôi biết ai là thổ tặc, ai không phải là thổ tặc."

Quan huyện họ Trần bèn nói tiếng Mãn Châu với hai vị quan họ Ba và họ Ngao, người thông ngôn dịch cho tôi nghe: "Ba vị quan lớn nói thầy là người thành thực, không nói dối trá. Không xét việc đãi cơm nữa. Mời thầy đi xuống."

Phía trên, bọn họ lại hỏi Đốn Ngộ về tài sản của thường trụ. Thầy ấy sợ bị hình phạt, bèn đem tất cả ruộng vườn tài sản của chùa khai nộp hết cho quan, lại khai rằng phòng kim ngân (giữ tiền bạc) là do thầy Phật Huy quản lý. Bọn họ bèn gọi thầy Phật Huy lên để thẩm vấn, thầy ấy bèn khai rằng số ngân khoản chỉ có ba mươi sáu lượng bạc và khoảng bảy tám ngàn quan tiền (kẽm). Vị quan thẩm vấn không tin, bèn nọc thầy Phật Huy ra đánh. Thầy ấy không biết trả lời thế nào, bèn khai là thầy Phương trượng biết rõ điều này. Quan huyện lại cho gọi tôi lên. Hai vị quan họ Ba và họ Ngao thấy tôi lên xuống mấy lần, lần nào cũng dánh dập khoan thai, sắc mặt điềm tĩnh, bèn nói mấy câu với người thông ngôn, người ấy nói với tôi: "Quan lớn kêu thầy ngồi xuống nói chuyện. Đừng sợ."

Quan huyện họ Trần nói: "Chùa Hoa Sơn rộng lớn, tăng chúng lại nhiều, chi tiêu mỗi ngày cũng không ít. Tại sao lại khai dối là tồn khoản chỉ có ba mươi sáu lượng bạc?"

Tôi nói: "Thầy chủ kho hoảng sợ cho nên nói không rõ ràng."

Quan huyện hỏi tôi: "Vậy thực sự có bao nhiêu?"

Tôi nói: "Thầy bổn sư của tôi là Hòa thượng Tam Muội phước duyên rất lớn. Các bậc vương hầu quan chức quy y rất nhiều. Ngân lượng cũng rất nhiều. Ngài là bậc giải thoát tự tại, cho nên đã không giữ lại đồng nào. Nơi nơi đều xây chùa đúc tượng. Vào cuối đời ngài, lại phải tu sửa chùa Hoa Sơn, cho nên đã dùng hết tiền nong. Ngài vừa từ trần vào năm ngoái. Bọn đệ tử chúng tôi bạc phước vô duyên, tiền bạc lương thực rất ít. Số tăng trong chùa lại nhiều, thành thử tiêu xài thiếu thốn. Chùa có một con ngựa xanh (Hán: thanh mã) bán cho chủ xưởng dệt họ Xa ở Nam Kinh được năm mươi tám lượng bạc. Tám, chín ngày vừa qua đã chi tiêu hết hai mươi hai lượng, hiện nay chỉ còn ba mươi sáu lượng. Nếu như quan lớn không tin, xin cho người đi hỏi ông chủ hãng dệt họ Xa, thì sẽ biết rõ hư thực."

Ba vị quan lớn bàn với nhau một hồi, sau đó gật gật đầu. Người thông ngôn nói với tôi: "Ba vị quan lớn nói rằng thầy không nói dối, thành thử không cần đi hỏi."

Bọn họ bèn cỡi trời cho thầy Phật Huy. Sau đó lại kêu hai thầy Huyền Văn và Kế Huyền lên. Quan huyện họ Trần nói với tôi: "Việc này không liên quan đến thầy, mời xuống."

Tôi bèn đi thẳng về chỗ ngồi không dám quay đầu nhìn lại. Đến khoảng giờ Ngọ, ánh nắng chói chang, không có bóng cây che nắng. Mọi người ngồi lâu, vừa đói vừa mệt, mồ hôi đổ ra như tắm, lại càng cảm thấy khổ sở. Lúc ấy, đột nhiên có một vùng mây đen xuất hiện, vờn vũ phía trên chúng tôi, giống như trương lọng che mát, còn bốn phía chung quanh, ánh nắng vẫn chói chang như cũ. Đến lúc xế chiều, có một tên lính cầm cờ đến, hô lớn: "Các vị đi theo tôi."

Mọi người cho rằng phải đi thọ hình, tất cả đều thất sắc. Trong nhóm binh lính cũng có người tốt, chấp tay vui vẻ nói lớn: "Các thầy được tha rồi. Nếu người lính dẫn đường cầm cờ đen là bị tử hình. Hiện nay đang cầm cờ xanh (lục), không cần hoảng sợ."

Chúng tôi nhìn lên, quả nhiên là cờ xanh lục. Khi ấy mọi người mới cảm thấy an tâm. Đi đến một dốc núi, đại chúng ngồi xuống nghỉ mệt. Độ hơn mười người lính đến đứng vây quanh nhìn, nói với mọi người: "Hôm nay nếu

không có vị đại phương trưởng này lên xuống biện bạch phân minh, lại có duyên lành với ba vị quan lớn, thì có lẽ mấy thầy đã không còn sống sót."

Một người lính đến gần nói với tôi: "Thầy đã lao nhọc cả ngày, hãy nằm nghỉ ngơi chốc lát."

Nói xong, bèn cởi bao đựng tên đưa cho tôi làm gối. Tôi nói: "Đây là dụng cụ giết người, người trì giới không thể xử dụng."

Lại có một người lính khác nói: "Thầy đã đói rồi."

Bèn đem một cái bánh khô trong người ra đưa cho tôi ăn, tôi bèn bẻ bánh vụn ra đem phân phát cho mọi người. Người lính nói: "Thầy cứ ăn một mình, khỏi phải phân phát."

Tôi nói: "Những người tu hành ở chung với nhau, chịu thì cùng chịu, hưởng thì cùng hưởng, huống chi hiện nay đang gặp hoạn nạn mà không chia xẻ hay sao?"

Mấy người lính đều khen nức nở, họ đề nghị với nhau: "Chúng ta hãy vào xóm trước nấu cơm, sáng mai đem lại cho mấy thầy ăn."

Đến nửa đêm, mọi người cảm thấy rất khát nước, nhìn xuống chân đồi thấy có một ao nhỏ. Mọi người hân hoan chạy xuống vốc nước uống, cảm thấy mùi vị vừa ngọt lại vừa mát. Đến khi trời sáng, nhìn lại thì ra là một vũng nước của trâu tắm.

Sáng hôm sau, binh lính đến gọi chúng tôi đến đại doanh. Quan huyện họ Trần nói với tôi: "Thầy là người tu hành, có thể trụ trì tại Hoa Sơn. Hãy dẫn mọi người trở về chùa."

Tôi nói: "Hiện nay tôi không trụ trì Hoa Sơn nữa."

Quan họ Trần nói với mọi người: "Thầy ấy đã không trụ trì Hoa Sơn nữa, vậy các vị hãy đề cử một người có đức hạnh ra làm phương trượng."

Đại chúng đồng thanh: "Chỉ có vị phương trượng này mới xứng đáng, ngoài ra không còn ai nữa."

Quan họ Trần cười nói: "Tôi bảo thầy làm trụ trì, đại chúng cũng đề cử thầy. Trước đây thầy đã làm trụ trì, sao nay lại không làm?"

Tôi nói: "Trước đây nhân vì Hòa thượng vừa mất, tháp chưa xây xong. Nếu nhân vì thổ tặc loạn lạc mà bỏ đi, thì mọi người sẽ trách là bất hiếu, cho nên không đi. Hiện nay Hoa Sơn đã trở thành vùng bình lửa (Hán: nạn địa). Nếu như thổ tặc tới lui như cũ, rồi lại có người báo cáo trong chùa chứa chấp, chúng tăng chẳng lẽ cứ ngồi đó mà đợi chết hay sao. Bởi vậy tôi không làm trụ trì nữa. Giả như tháp chưa xây xong, cũng không mang tội bất hiếu."

Quan họ Trần nói: "Thầy đừng nên lo lắng việc sau này. Hai vị quan họ Ba, họ Ngao cùng với tôi đều làm hộ pháp cho chùa. Chùa Hoa Sơn sẽ là chùa hương hỏa của triều đình. Từ nay về sau quan quân sẽ không đến nữa. Nếu như có binh lính hoặc kẻ nào đến xâm hại, thầy cứ viết thư báo cho tôi, tôi sẽ bắt họ chém đầu. Hôm nay tôi viết cho thầy một tờ cáo thị đem về chùa treo lên."

Tôi nói: "Hôm nay xin phụng mệnh làm trụ trì. Còn việc Tôn thái giám đem ruộng đất của chùa khai báo nộp quan, đó không phải là tài sản riêng của ông ấy, xin hãy hoàn lại cho chùa."

Quan họ Trần vui vẻ hoàn lại tất cả. Tôi cùng đại chúng đồng cảm tạ rồi trở về chùa.

Về đến chùa, vào Chánh điện lạy Phật, bát giác nghẹn ngào, nước mắt tuôn rơi không dứt. Có duyên gì mà vẫn còn được chiêm ngưỡng Kim Nhan như vậy!



Xóm Nghiêm Hạng dưới chân núi có một người họ Trần là đệ tử quy y của chùa. Tối ngày mười ba, nghe có quân Thanh vây chùa, áp giải toàn thể tăng chúng đến doanh trại, cảm thấy rất lo lắng. Đến ngày mười lăm muốn lên chùa nghe ngóng sự tình, mấy người con cháu đều khuyên rằng lúc này binh lính còn ở núi Đông Tạ, vả lại trên núi Hoa Sơn xác chết ngổn ngang, trên đường không một bóng người qua lại, không nên lên núi. Họ Trần nói với họ: "Đệ tử nghe thầy có nạn, lẽ nào nhẫn tâm ngồi nhìn."

Vào khoảng giữa trưa tìm lên chùa, thấy đại chúng đều được thả về. Sau khi hỏi han đầu đuôi câu chuyện, họ Trần ra về cảm thấy rất là vui vẻ.



Thầy A xà lê Hương Tuyết khởi kỳ truyền giới tại chùa Thượng Phương, phủ Trấn Giang. Hai sư huynh đệ thầy Thuận Chi, nhân dịp đi mua nhang đèn ghé đến chùa Thượng Phương xin nghỉ đêm. Thầy Hương Tuyết nói: "Chùa Hoa Sơn hữu sự, đừng liên lụy đến giới kỳ của tôi, xin hãy đi nơi khác tá túc."

Hai sư huynh đệ thầy Thuận Chi nghe xong đành phải gạt lệ đi ra. Đến ngày mười tám, hai người trở về chùa thuật lại, đại chúng nghe xong ai cũng thở dài chán ngán. Tôi nói: "Hoa Sơn là nơi thờ toàn thân xá lợi của Hòa thượng. Không những nghe chùa có nạn, không lo không hỏi, mà đối với người sống cũng không cho tá túc. Thầy Hương Tuyết nữ nào có lòng dạ bạc bẽo như vậy! Còn như vị cư sĩ họ Trần kia sao lại có tình nghĩa như vậy!"



Nửa tháng sau, có một gã thanh niên mặc quân phục đến chùa. Đại chúng giống như con chim đã bị trúng tên, vừa thấy đã cảm thấy lo sợ. Tôi bèn ra tiếp, hỏi han một

cách nhỏ nhẹ. Hấn nói: "Dinh của quan huyện họ Trần cần ngựa."

Tôi nói: "Trong chùa quả thật có một con ngựa tốt. Tôi sẽ giao cho anh."

Gã thanh niên nghe nói lộ vẻ vui mừng. Tôi bèn hỏi tiếp: "Bây giờ giao ngựa cho anh, nhưng anh có đem chứng cứ gì không?"

Hấn bèn rút một tờ thiếp từ bên hông ra đưa cho tôi xem. Tôi thấy dấu ấn không phải là chu sa mà là đất đỏ. Tôi bèn cầm tờ thiếp trong tay, quát to: "Anh là thổ tặc đảng nào, mà dám đến chùa lừa gạt lấy ngựa đem đi. Anh chưa nghe ba quan lớn họ Ba, họ Ngao và họ Trần đã làm hộ pháp cho chùa này hay sao? Hãy bắt trời hấn lại, giải đến quan huyện!"

Gã thanh niên nghe xong bèn quỳ xuống, giập đầu xin tha mạng, nói rằng hấn không muốn đi, nhưng tên đầu đảng là Trương Côn sai hấn đến. Nói xong bèn lớn tiếng khóc òa không dứt. Lúc đó, đột nhiên trời đổ mưa thật lớn, tôi cảm thấy thương hại bèn nói: "Nay tôi tha cho anh, nếu còn trở lại, chắc chắn sẽ không được tha thứ. Cho anh một đôi giày cỏ, một cây dù. Hãy đi cho lệ!"

Hắn cởi đôi giày da, mang giày cỏ, chạy mất dạng vào trong cơn mưa tầm tã. Từ đó về sau, vùng Hoa Sơn thái bình, thổ tục tuyệt tích.



Tháng hai năm Thuận Trị thứ sáu, có một hai đệ tử của thầy Đạt Chiếu, tôi là Giáo thọ truyền giới cho bọn họ, cố ý vi phạm tăng quy. Thầy Đạt Chiếu làm ngơ không chịu quở trách. Tôi bèn rời chùa xuống núi, qua sông định đi lên núi Bắc Ngũ Đài. Đến Quan Sơn ở Trừ Châu, thì gặp thầy Giám viện Trạm Nhất giữ lại, cầu được thọ giới. Thầy Nguyễn Vân là đệ tử xuất gia của Hòa thượng, tôi cũng là giáo thọ của thầy ấy, đang học tập giới luật trên núi Hoa Sơn, tụ họp các vị đồng học ở Cảnh Đường, trách cứ khuyên nhắc bọn họ. Thầy ấy nói với thầy Đạt Chiếu: "Hòa thượng Kiến Nguyệt là người mà cố Hòa thượng Tam Muội chọn làm người kế vị chức vị Phương trượng, lại là người đã bảo tồn đạo trường trong lúc Hoa Sơn gặp ách nạn. Đáng lý phải nên tôn trọng quy luật, nghe lời chỉ dạy, y chỉ tu hành. Tại sao lại dám kháng cự làm ngài sầu não, hơn

nữa, lại tự phá hoại môn đình. Hễ ai đắc tội với Phương trượng, tức là đắc tội với cố Hòa thượng." Nói xong bèn viết giấy thông báo trục xuất những người không tuân thủ giới luật.

Sau đó, hai thầy Đạt Chiếu và Ly Ngôn đến Quan Sơn ở Trừ Châu để đón tôi trở về chùa. Từ đó mọi người đều tuân thủ luật quy một cách nghiêm chỉnh. Tôi bèn kiến lập Mộc giới đàn để truyền thọ cụ túc giới. Số đại chúng trong chùa không bao giờ dưới ba trăm người, lương thực tồn trữ trong kho tuy chỉ đủ ăn vài ngày, thế nhưng ngày nào cũng đủ ăn.



Mùa đông năm Thuận Trị thứ sáu, có hội trưởng hội Trường Xuân ở phủ Ninh Quốc đến thỉnh tôi đến đó làm phương trượng, tôi hứa sẽ cứu xét lại. Qua năm Thuận Trị thứ bảy, tôi được năm mươi tuổi, đàn việt bốn phương tấp nập cúng dường, các vị trưởng lão của các tông lâm cũng đến quang lâm chúc thọ.



Có thầy Mịch Tâm là đệ tử của cố Hòa thượng, cũng là tôn chứng sư của tôi, muốn giành chức Phương trượng. Sáng sớm ngày mười lăm tháng tư, tôi cho người đánh bảng triệu tập đại chúng nơi phương trượng, mời thầy Mịch Tâm đến. Tôi bạch với đại chúng: "Từ xưa đến nay, chức vị phương trượng là do cung thỉnh người có đức hạnh đảm nhận. Tôi là người đức mỏng, không kham nổi trọng trách này. Hôm nay nhờ đại chúng tính toán sổ sách tiền bạc lương thực cho rõ ràng để xin giao lại. Số gạo trong kho là ba trăm thạch, số tiền là hơn hai trăm lượng bạc và chín vạn quan tiền. Nay xin lấy năm vạn hai ngàn quan tiền chia đều ra cúng dường đại chúng. Số lượng đầu muối đồ khô trong nhà kho đủ để dùng trong một năm."

Sau khi đánh lễ thầy Mịch Tâm, tôi bèn đi đến Đông Lâu, không hề ngoảnh mặt lại. Hôm sau, ngày mười sáu, cùng đại chúng làm lễ tiễn an cư. Qua ngày mười bảy, làm lễ từ tạ tháp của Hòa thượng. Trong giới luật cho phép trong trường hợp có nạn duyên, có thể đến nơi khác an cư,

tôi bèn nói với đại chúng: "Ngày mai tôi sẽ đến hội Trường Sinh ở phủ Ninh Quốc để an cư."

Đại chúng đều bấm bịch là tất cả muốn cùng đi với tôi xuống núi. Tôi nói với họ: "Hoa Sơn là nơi cố Hòa thượng đã đổi phương hướng để trung hưng giới luật. Hơn nữa, ngài đã viên tịch và xây tháp tại đây. Đây là tổ đình của chúng ta. Tôi đã từng nguyện thường được ở đây để làm thị giả, quét tước chăm sóc bảo tháp của ngài. Hiện nay do nhân duyên nào mà phải như vậy! Bây giờ tôi đề nghị với đại chúng. Ai muốn ở lại thay tôi chăm sóc tổ đình, xin đứng qua bên trái. Sau này vẫn có cơ hội sớm gặp lại nhau. Còn những ai nhất định đi theo, xin đứng qua bên phải."

Đại chúng y theo lời, phân làm hai nhóm. Những người đi theo tôi nhiều hơn phân nửa, khoảng hơn một trăm hai mươi người.

Sáng ngày mười tám, thầy phó trụ trì Lý Trung đưa cho tôi ba mươi lượng bạc làm lộ phí. Tôi cười không nhận. Thầy ấy nói: "Đây là tiền hương nghi của ngài, chứ không phải là tiền của đại chúng."

Tôi nói: "Giao thì giao hết, sao lại còn phân biệt."

Sau khi ăn sáng xong, chúng tôi bèn xuống núi. Đến cầu Lão Bồng thì gặp vị Đạo nhân họ Trương mời chúng tôi dùng cơm trưa, sau đó ông ấy lại chuẩn bị thuyền để tiễn đưa. Đến tối, chúng tôi tạm trú tại Nhị Trung Từ ở Hạ Quan. Thầy Giám viện cũng là đệ tử thọ giới của tôi, giữ chúng tôi ở lại ba ngày. Các thiện nam tín nữ tìm đến xin quy y, cúng gạo hơn bốn mươi thạch, tiền hương nghi được một trăm lượng bạc. Chúng tôi bèn mua thuyền, đi ngược về mạn thượng lưu, đến cuối tháng tư thì đến Ninh Quốc. Chủ nhân tiếp đãi chúng tôi rất là chu đáo.

Đầu tháng năm, có hai ba đệ tử từ Hoa Sơn đến trể, kể lại rằng sau khi tôi xuống núi, quan huyện Cú Dung nghe tin thầy Mịch Tâm giành chức Phương trượng, và tôi đã nhường chức xuống núi, bèn gọi thầy Mịch Tâm đến Hạ viện ở Long Đàm để quở trách. Ra kỳ hạn trong vòng nửa tháng phải thỉnh tôi trở về chùa. Kế đó có một vị hộ pháp của chùa là cư sĩ Trần Mẫn Chiêu lên chùa lễ Phật, lớn tiếng khóc lóc, nói với đại chúng: "Hòa thượng trụ trì vừa xuống núi, tùng lâm đã lập tức bại hoại. Gốc họa này không phải chỉ do một mình thầy Mịch Tâm, mà là do đồ đảng của thầy ấy bày mưu lập kế. Đáng lý phải trình lên nhà chức trách, nhưng hiện tại xin hãy tạm khoan thứ cho họ. Con là hộ pháp cho chùa, việc đầu tiên là phải hộ trì tăng

đoàn. Con sẽ chọn ngày tự mình đi Tuyên Thành cung thỉnh Hòa thượng (Kiến Nguyệt) trở về."

Ngày hai mươi mốt tháng bảy, họ Trần đến Tuyên Thành gặp tôi, trình bày sự việc trên Hoa Sơn và nhân duyên đến tiếp rước tôi trở về chùa, nghe xong tôi cảm thấy ngượng ngùng, xúc động trước sự hộ pháp ân cần của tín chúng.

Ngày hai mươi bốn, tôi ra lệnh cho đại chúng đi thuyền trở về trước, còn tôi và họ Trần thì đi đường bộ. Ngày hai mươi chín, chúng tôi đến Giang Ninh. Ngày hôm sau, Hòa thượng Giác Lãng và các cư sĩ hộ pháp cùng nhau đưa tôi về chùa. Đến nông trường nhà họ Phạm dưới chân núi thì trời đã nhá nhem tối. Những người dân trong làng nghe tin tôi trở về chùa, mọi người đều tranh nhau ra xem, những người khác thì cầm đuốc đưa đường. Ánh sáng chói rực như ban ngày. Hòa thượng Giác Lãng cười lớn tán thán, nói với các vị hộ pháp: "Ngài Kiến Nguyệt làm trụ trì cảm hóa mọi người như vậy, đây chính là điềm lành Đạo pháp đại hưng."

Sáng hôm sau, tôi kêu các vị chấp sự cũ trong chùa, đề nghị thiết trai cảm tạ các vị hộ pháp. Tôi hỏi họ vật dụng của thường trụ còn lại bao nhiêu, thầy Giám viện Như

Kiến trả lời: "Tiền bạc đã hết nhãn, gạo chỉ còn vài thạch, nhà kho thì trống không."

Tôi thở dài nói: "Tôi xuống núi chưa đến năm tháng, tại sao thường trụ lại đến nông nổi này!"

Thầy Nhược Kiến trả lời: "Sau khi Hòa thượng đi rồi, trong chùa không còn nghiêm trì giới luật. Đại chúng chỉ muốn phân tán. Thầy Mịch Tâm ngày nào cũng ăn uống hoang phí, vả lại không có ai đến cúng dường, thành thử mới hao hụt như vậy. Giống như uống nước ao cạn mà thiếu trời mưa (Hán: do ảm tử thủy nhi phạp hoạt tuyền), cho nên mới đến nông nổi này. Con cũng không thể quản lý gì được."

Các cư sĩ hộ pháp nghe nói, tất cả đều nhú mày buồn bực. Tôi nói: "Lần trở về núi kỳ này, khác xa với lần từ doanh trại của quân binh trở về. Chúng ta hãy tùy duyên mà sinh hoạt, chớ nên lo âu!"



Những người từ xa tìm đến học giới càng lúc càng đông. Tôi cáo bạch với đại chúng: "Cuộc sống trong chùa đạm bạc. Nếu như thêm người, chỉ có thể thêm nước uống, chứ không thể thêm gạo. Nếu ai không kham nổi sự đạm bạc, xin hãy đi tìm nơi khác."

Tất cả mọi người nghe xong đều nguyện ở lại, không một ai chịu bỏ đi.



Bắt đầu từ năm Thuận Trị thứ tám, vào mỗi mùa đông hoặc mùa hạ, tụ tập mọi người tại một nơi niệm Phật mười ngày liên tiếp. Buổi trưa chỉ dùng cháo lút lòng, không tăng không giảm. Vào ngày rằm tháng bảy thì tổ chức hội Vu Lan Bồn. Phòng Phương trượng nếu có tiền bạc hay vật dụng gì, đều đem ra phân phát hết cho đại chúng, dùng nhân duyên này để báo đáp ân sâu của cha mẹ. Từ đó, những sự việc này trở thành những quy luật cố định của thường trụ.



Năm Thuận Trị thứ chín, vùng Giang Nam bị hạn hán và nạn châu chấu hoành hành, cây cỏ đều trơ trụi, không gặt hái gì được. Những người dân trong các làng mạc dưới chân núi, già trẻ gái trai, đều lên chùa xin ăn. Trong số đó, không chỉ là những người nghèo khổ, mà còn có cả những kẻ có ruộng vườn. Thường thường là một trăm cho đến hai trăm người. Tôi cáo bạch đại chúng giảm thiểu phần ăn để làm việc cứu tế. Một hôm, vào lúc giờ ngọ, số người đến xin nhiều hơn lúc thường gấp bội, đứng đầy chật cả trong chùa. Tôi bèn dùng phương tiện khai thị cho bọn họ: "Các vị ngày hôm nay bất đắc dĩ phải lên núi. Mọi người nên quán xét nhân duyên quá khứ của mình, là vì đời trước không tin Tam bảo, bần sần không chịu bố thí người nghèo khổ, cho nên mới chiêu cảm quả báo như hiện nay. Bây giờ chúng tôi bố thí cho quý vị mỗi người ba xu, tôi sẽ đi đến trước mặt quý vị, mỗi người hãy cúng dường cho tôi một xu. Tất cả mọi người hãy niệm Phật, hai tay dâng lên cúng dường. Tôi sẽ đem tiền này cúng dường cho chúng tôi, để trồng phước điền thanh tịnh cho quý vị. Trong tương lai sẽ không còn bị bần cùng khổ sở."

Lúc tôi đi chung quanh hóa duyên, tiếng niệm Phật vang rền như sấm. Tôi bèn cho người đem hết gạo trong kho ra nấu cơm bố thí cho bọn họ. Mọi người đều được ăn uống no đủ, sau đó tất cả đều niệm Phật ra về. Thường trụ không còn gạo, sáng hôm sau đại chúng trong chùa phải uống nước nóng cầm hơi. Mãi đến chiều thì có cư sĩ Hoàng Quân Phụ ở Giang Ninh đem mười thạch gạo lên cúng dường.



Trong tháng hai năm Khang Hy thứ mười, có bà ni Tâm Văn ở Hán Dương tỉnh Hồ Bắc, tuổi khoảng năm mươi, có chí muốn học giới, cùng chín người đệ tử, không ngại đường xa, ngồi thuyền tìm đến Hoa Sơn. Bọn họ mười người lên núi, cầu xin được an cư ba tháng, lại xin cúng dường cho chùa mười thạch gạo và hai mươi lạng bạc. Tôi thấy bọn họ có vẻ thiết tha thành khẩn bèn thương xót chấp nhận. Đến ngày thiết trai cúng chúng (trai tăng), bọn họ không chịu vào trai đường đánh lễ chúng tăng. Sau khi thọ trai, tôi bèn triệu tập đại chúng, gọi bọn họ vào nói: "Các vị

phát tâm từ xa đến đây học giới, tại sao lại không chịu vào Trai đường đánh lễ chúng tăng. Giới luật chế định tỳ kheo ni dù một trăm tuổi hạ cũng phải đánh lễ tỳ kheo một tuổi hạ. Nay lại dám tự đại, coi thường chúng tăng, đây không phải tư cách của người học giới."

Bà ni nói: "Chúng tôi ở Hồ Bắc, nếu nơi nào có bậc thiện tri thức, đều đến thiết trai cúng dường. Các vị trụ trì đều khoản đãi chúng tôi như thượng khách."

Tôi nói: "Bọn họ tham lam lợi dưỡng, bại hoại pháp môn. Mỗi khi thấy bà ni nào đến cúng dường, thì don đả cung kính như mẹ đẻ, hầu mong được thêm cúng dường hậu hỷ. Đó là đòi trù trên thân sư tử, không phải là thiện tri thức chân thực. Chùa Hoa Sơn chúng tôi tuy sống đạm bạc, chẳng thà hết gạo chịu đói, nhất quyết không vi phạm giới luật để mong cầu lợi dưỡng. Bữa trai tăng hôm nay coi như đã cúng dường thường trụ, bây giờ hoàn lại số bạc cho bà. Gạo thì ở dưới Hạ viện, bà hãy đem nó mà đi nơi khác."

Bà ni tỏ vẻ ương ngạnh, lấy tiền xong bèn dẫn đồ đệ xuống núi. Có một đệ tử của tôi là Cổ Đàm vào phòng Phương trượng bạch rằng: "Bà ni đó từ xa đến, thường trụ hiện nay lại thiếu thốn. Hòa thượng hãy dùng phương tiện

nhiep thọ. Thứ nhất là không làm cho họ thoái thất đạo tâm, thứ hai là đại chúng có được thực phẩm nửa tháng."

Tôi bèn nghiêm mặt nói: "Chỉ cần chân thực tu hành, mọi người đều sẽ không bị đói. Chấn chỉnh pháp môn, chính là vào lúc đạm bạc mà hành động. Luật sư hành trì giới luật, chẳng lẽ hề cứ thấy lợi dưỡng là vi phạm sự chế định của đức Phật hay sao?"

Cổ Đàm nghe xong, tỏ vẻ ngượng ngùng bèn cáo lui.

Ba ngày sau, bà ni Tâm Văn lại dẫn mấy đệ tử trở lên núi, cùng quỳ trước cửa phòng Phương trượng khóc lóc, nói: "Chúng con ở Hồ Bắc đã mông muội ngu ám như vậy, chứ thực sự không phải tự đại xem thường chúng tăng. Thành khẩn cầu nguyện Hòa thượng từ bi tha thứ cho chúng con được sám hối. Chúng con nguyện tuân hành tất cả những lời răn dạy."

Các vị chấp sự trong chùa cũng quỳ xuống cầu xin giùm cho bọn họ. Do đó, tôi đã ra lệnh xếp đặt một sơn trang dưới chân núi cho bọn họ kết giới an cư. Lại sai các vị A xà lê cứ mỗi nửa tháng đến đó dạy giới luật cho họ. Cũng do nhân duyên này, tôi đã soạn một quyển Tỳ Kheo Ni Chánh Phạm, và cho lưu hành khắp mọi nơi.



Tuần đầu tháng tám, có thầy Hội Nhất, phụ trách Hậu đường, là người tu thiền lâu năm, lên núi xin được y chỉ học tập giới luật. Gặp lúc trong chùa đang phôi Đại Tạng Kinh, thầy Hội Nhất lật nhằm quyển Bát Chu Tam Muội Kinh, ngày hôm sau đến bạch với tôi rằng: "Trong Đại Tạng có quyển Bát Chu Tam Muội Kinh, đây là quyển kinh tông yếu của Tịnh Độ Tông, thuộc về loại rất khó hành trì."

Tôi nói: "Lúc tôi còn ở Bắc Ngũ Đài, cũng đã từng được nghe thiện tri thức khai thị. Trong chín mươi ngày, không ngồi không nằm, chỉ có đứng và đi. Sau khi đến núi này, đọc qua Hành Tập của Nam Sơn Luật tổ Đạo Tuyên, biết rằng đây là pháp môn mà ngài thường tu tập (theo sách vở ghi chép, ngài Đạo Tuyên đã tu Bát chu tam muội hai mươi lần). Sau này ít có người tu tập. Nếu như có thể xả bỏ thân này, thì tự nhiên sẽ tu được mà thôi."

Nói xong, tôi bèn chọn ngày hai mươi tháng tám, từ tạ mọi sự, nhập thất tại phòng Phương trượng, tu tập Bát Chu Tam Muội trong chín mươi ngày, nguyện theo vết chân của luật tổ Đạo Tuyên. Đến ngày hai mươi mốt tháng mười một thì ra thất. Sang mùa thu năm Thuận Trị thứ mười, tôi lại tu Bát Chu Tam Muội lần thứ hai chín mươi ngày. Tự cảm thấy rất vui mừng hãnh diện là đã có cơ hội hai lần tròn nhân duyên Tịnh nghiệp, nhưng đồng thời cũng cảm thấy hổ thẹn là vì do nghiệp chướng sâu dày cho nên không thu hoạch được nhiều sự lợi ích.



Đến như những việc y vào giới luật chế định để canh cải những quy lệ lỗi thời, nghiêm trì giới luật, soạn tập Tỳ Ni, cải chánh những tệ đoan, tất cả nhân duyên của sự giáo hóa, lãnh đạo, cùng những việc thiết lập giới đàn để làm mô phạm cho hậu học, mua ruộng đất để cúng dường chúng tăng, tất cả những sự việc tu tạo lớn nhỏ này, đều là vì muốn hoàn thành ý nguyện mà cố Hòa thượng Tam Muội đã kỳ vọng khi ngài cải đổi phương hướng của chùa

Hoa Sơn, dùng đây để báo đáp ơn đức pháp nữ thọ giới mà ngài đã ban bố cho tôi.

Mấy mươi năm qua lao tâm khổ nhọc, phấn đấu chi trì, chưởng quản Phật pháp, không nề lao khổ. Nay tôi đem kể hết cho tất cả đại chúng nghe. Các vị A xà lê Ly Ngôn, cùng các đại đệ tử theo tôi đã lâu ắt đều đã nghe đã thấy. Thế nhưng, tất cả pháp có hình tướng đều như mộng huyễn, cho nên đặt tựa đề của quyển sách này là Nhất Mộng Mạn Ngôn, và xin được làm bài kệ như sau:

Nhất mộng nam du số thập thu,
Gian nguy lịch tận sự phương hư,
Nễ kim vấn ngã nam du thuật,
Nhưng bả mộng trung cảnh giới thù.

Tạm dịch:

*Giác mộng về Nam mấy chục năm,
Trải bao gian khổ, sự long đong,
Hôm nay bạn bảo tôi kể lại,
Chỉ đem mộng cảnh thuật lòng dòng./.*

